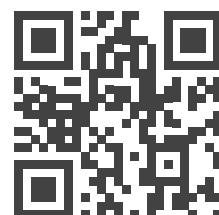


CATALOGUE LED 2023



HOTLINE: **19002098**

MỤC LỤC

NHÓM SẢN PHẨM WIFI

CÔNG TẮC CẢM ỨNG	5
Ổ CẮM THÔNG MINH, ĐIỀU KHIỂN TỪ XA.....	6

NHÓM COMBO SENCE

COMBO SENCE ĐIỀU KHIỂN REMOTE AT16	7
COMBO SENCE ĐIỀU KHIỂN REMOTE AT20	9

NHÓM SẢN PHẨM CẢM BIẾN

ĐÈN LED BULB	12
ĐÈN LED ỚP TRẦN.....	13
ĐÈN LED ĐÈN NGỦ , DOWNLIGHT	14
BỘ ĐÈN LED M18, ĐÈN GẮN TƯỜNG.....	15
ĐUI ĐÈN, CÔNG TẮC, ĐÈN LED GƯƠNG	16

NHÓM SẢN PHẨM ĐỔI MÀU

ĐÈN LED ỚP TRẦN.....	18
BỘ ĐÈN M26,M36	22
ĐÈN LED PANEL TRÒN.....	23
ĐÈN LED DOWNLIGHT	25
ĐÈN LED PHA, ĐÈN LED DÂY.....	26
ĐÈN LED DOWNLIGH COB , ĐÈN LED ỚP TƯỜNG	27

NHÓM SẢN PHẨM DỰ PHÒNG

ĐÈN LED PANEL	28
ĐÈN LED DOWNLIGHT, ỚP TRẦN	29
ĐÈN LED CHỈ DẪN, KHẨN CẤP	30

NHÓM SẢN PHẨM PHỔ THÔNG

BÓNG ĐÈN LED BULB	32
BÓNG ĐÈN LED TUBE	39
BỘ ĐÈN LED TUBE	42
ĐÈN LED DOWNLIGHT	46
ĐÈN LED ỚP TRẦN.....	53
ĐÈN LED PANEL	61
ĐÈN LED DÂY	68
ĐÈN LED GẮN TƯỜNG.....	71
ĐÈN LED ỚP TƯỜNG	74
BỘ ĐÈN LED M15	75
BỘ ĐÈN LED M26	78
BỘ ĐÈN LED M36, M66	79
BỘ ĐÈN LED TUBE CHỐNG ẨM	80
BỘ ĐÈN LED LINEAR.....	81
BỘ ĐÈN LED M18, M38	84
ĐÈN LED HIGHBAY	85
ĐÈN LED LOW BAY	89
ĐÈN LED CHIẾU PHA	90
ĐÈN LED TRACKLIGHT	94
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG	98
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG GƯƠNG.....	109
ĐÈN PIN ĐỘI ĐẦU	111
ĐÈN BẮT MUỖI	111
Ổ CẮM	113
CÔNG TẮC.....	116

NHÓM SẢN PHẨM LED CHIẾU SÁNG HỌC ĐƯỜNG

BỘ ĐÈN LED CHIẾU SÁNG LỚP HỌC	118
BỘ ĐÈN LED CHIẾU SÁNG BẢNG	119
BỘ ĐÈN LED TUBE HỌC ĐƯỜNG	120

NHÓM SẢN PHẨM LED NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

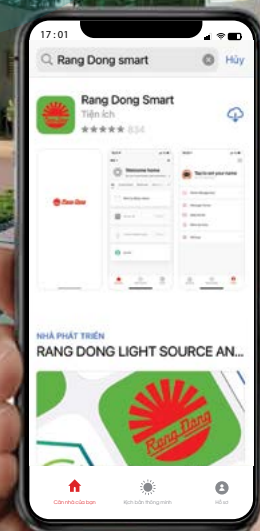
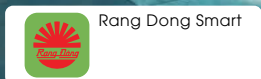
ĐÈN LED CHIẾU PHA	122
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG	127
ĐÈN CHIẾU SÁNG CẢNH QUAN	132
BỘ LƯU ĐIỆN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI	133

NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN BÀN LED BẢO VỆ THỊ LỰC

ĐÈN BÀN LED CẢM ỨNG BẢO VỆ THỊ LỰC	134
ĐÈN BÀN LED BẢO VỆ THỊ LỰC	136
CHỨNG CHỈ - CHỨNG NHẬN	138



Nhà thông minh Rạng Đông
**Biến thiết bị
thông thường thành
thông minh**



NHÓM SẢN PHẨM ĐIỀU KHIỂN BẰNG WIFI



ĐIỀU KHIỂN
BẰNG GIỌNG NÓI



ĐẶT LỊCH & HẸN GIỜ



ĐIỀU KHIỂN THAY ĐỔI
MÀU ÁNH SÁNG



ĐIỀU KHIỂN
THEO KỊCH BẢN

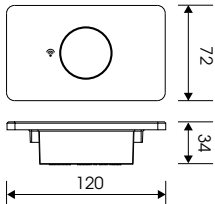


SỬ DỤNG CHUẨN
KHÔNG DÂY WIFI

CTCU.WF CN.01T



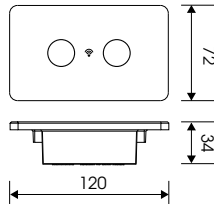
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF CN.02T



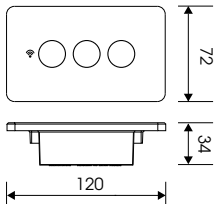
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



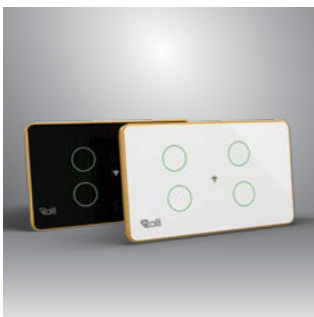
CTCU.WF CN.03T



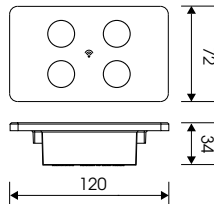
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF CN.04T



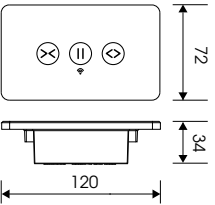
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF CN.REMT



- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



Model	Công suất	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Nhiệt độ làm việc	Số lần tối bật	Cấp bảo vệ	Chuẩn điều khiển	Kích thước
	W	V/Hz	V	°C	lần			mm
CTCU.WF CN.01T	3000	220/ 50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	Wi-Fi	120x72x34
CTCU.WF CN.02T	300/ nút	220/ 50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	Wi-Fi	120x72x34
CTCU.WF CN.03T	300/ nút	220/ 50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	Wi-Fi	120x72x34
CTCU.WF CN.04T	300/ nút	220/ 50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	Wi-Fi	120x72x34
CTCU.WF CN.REMT	300	220/ 50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	Wi-Fi	120x72x34

Ổ cắm Wifi đơn: OC.01.WF 16W

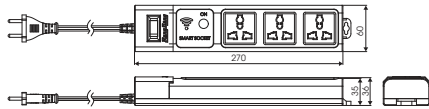


Điện áp nguồn danh định:	220V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Dòng điện ổ cắm tối đa:	16 A
Số chu kỳ bật tắt:	100 000 lần
Dải nhiệt độ hoạt động:	(-10÷40) °C
Kích thước:	(63x44x49) mm

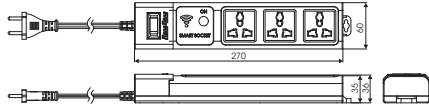
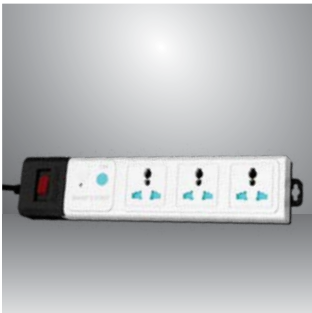
- Kết nối không dây Wifi.
- Điều khiển từ xa qua Internet.
- Điều khiển theo kịch bản.
- Đặt lịch & Hẹn giờ.
- Phần mềm điều khiển cài đặt trên smartphone tương thích với cả Hệ điều hành Androi và IOS.

Ổ CẮM KÉO DÀI ĐIỀU KHIỂN WIFI

OC02.WF 3C/3M/10A



OC02.WF 3C/5M/10A



Model	Công suất	Dòng điện max	Điện áp hoạt động max	Chuẩn điều khiển	Dải nhiệt độ hoạt động	Chiều dài dây	Kích thước
	W	A	V		°C	m	mm
OC02.WF 3C / 3M / 10A	2500	10	150÷250	Wi-Fi	-10÷45	3	270x60x35
OC02.WF 3C / 5M / 10A	2500	10	150÷250	Wi-Fi	-10÷45	5	270x60x35

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA ĐA NĂNG THÔNG MINH

ĐK01.IR WF



Nguồn cung cấp (V)	5V / 1A
Hướng điều khiển	Đa hướng
Khoảng cách điều khiển thiết bị (m)	4 ÷ 8
Dải nhiệt độ hoạt động	0 ÷ 50
Kích thước (mm)	68x23x27
Khối lượng (gr)	60

COMBO SENSE ĐIỀU KHIỂN REMOTE AT16

AT16.RM 90/7W C4



AT16.RM 110/9W C4



AT16.RM 90/7W C6



AT16.RM 110/9W C6



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øxH)	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT16.RM 90/7W C4	7	150÷250	0.5	100	700	3000÷6500	80	25000	90	107.8x40
AT16.RM 110/9W C4	9	150÷250	0.5	100	900	3000÷6500	80	25000	110	129.4x40
AT16.RM 90/7W C6	7	150÷250	0.5	100	700	3000÷6500	80	25000	90	107.8x40
AT16.RM 110/9W C6	9	150÷250	0.5	100	900	3000÷6500	80	25000	110	129.4x40

AT16.RM 90/7W C8



AT16.RM 110/9W C8



AT16.RM 90/7W C10



AT16.RM 110/9W C10



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øxH)	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT16.RM 90/7W C8	7	150÷250	0.5	100	700	3000÷6500	80	25000	90	107.8x40
AT16.RM 110/9W C8	9	150÷250	0.5	100	900	3000÷6500	80	25000	110	129.4x40
AT16.RM 90/7W C10	7	150÷250	0.5	100	700	3000÷6500	80	25000	90	107.8x40
AT16.RM 110/9W C10	9	150÷250	0.5	100	900	3000÷6500	80	25000	110	129.4x40

COMBO SENSE ĐIỀU KHIỂN REMOTE AT20

AT20.RM 90/7W C4



AT20.RM 110/9W C4



AT20.RM 90/7W C6



AT20.RM 110/9W C6



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT20.RM 90/ 7W C4	7	150÷250	0.5	92	650	3000÷6500	80	30000	90	103x45
AT20.RM 110/9W C4	9	150÷250	0.5	91	820	3000÷6500	80	30000	110	123x45
AT20.RM 90/ 7W C6	7	150÷250	0.5	92	650	3000÷6500	80	30000	90	103x45
AT20.RM 110/9W C6	9	150÷250	0.5	91	820	3000÷6500	80	30000	110	123x45

AT20.RM 90/7W C8



AT20.RM 110/9W C8



AT20.RM 90/7W C10



AT20.RM 110/9W C10

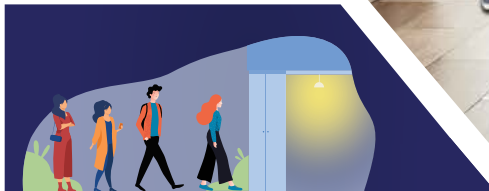
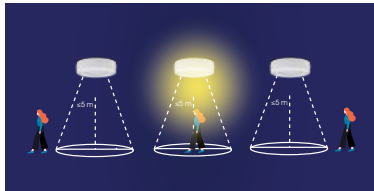


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (øxH)
	W	V		lm / W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT20.RM 90/7W C8	7	150÷250	0.5	92	650	3000÷6500	80	30000	90	103x45
AT20.RM 110/9W C8	9	150÷250	0.5	91	820	3000÷6500	80	30000	110	123x45
AT20.RM 90/7W C10	7	150÷250	0.5	92	650	3000÷6500	80	30000	90	103x45
AT20.RM 110/9W C10	9	150÷250	0.5	91	820	3000÷6500	80	30000	110	123x45

NHÓM SẢN PHẨM CẢM BIẾN



CRI



ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất cao, chất lượng ánh sáng tốt và tuổi thọ dài.
- Dải điện áp hoạt động rộng (150÷250)V, đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Hệ số trả màu cao ($Ra = 80$), ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (flicker free), không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ mắt người dùng.
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao, bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng ($-10\div45^{\circ}\text{C}$), phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt đới gió mùa.

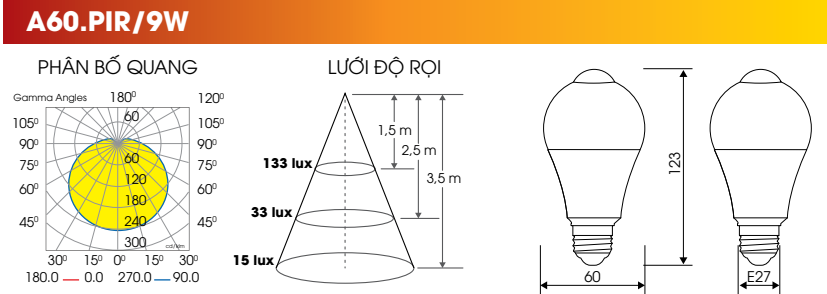
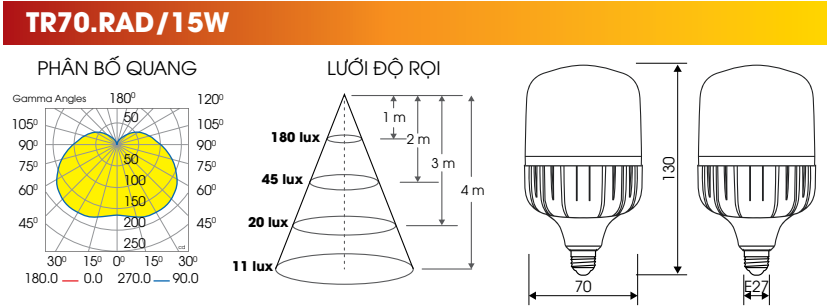
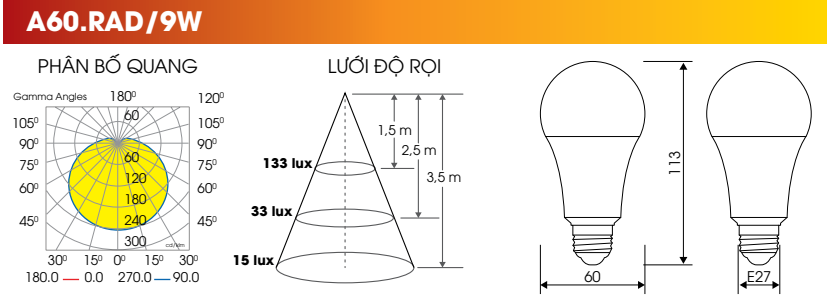
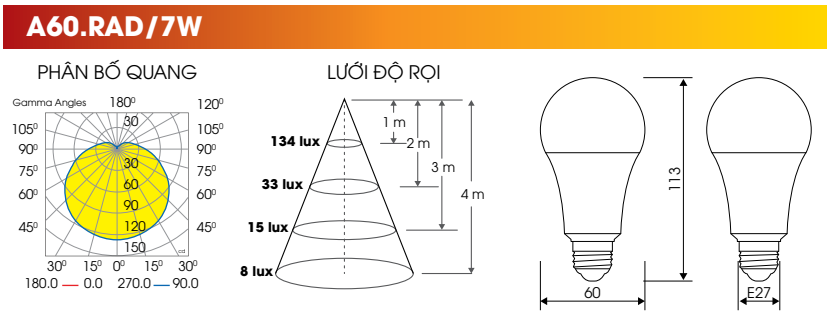
TÍNH NĂNG

- Tích hợp cảm biến RADAR và/hoặc cảm biến PIR và/hoặc cảm biến ánh sáng đèn sẽ tự động bật sáng khi có người và tắt khi người rời đi.

LỢI ÍCH KHI SỬ DỤNG

- Tiện nghi: Sử dụng đèn cảm biến là giải pháp hợp lý khi bạn không rảnh tay để bật đèn.
- An ninh: Lắp đèn cảm biến tại cửa, cổng, hiên nhà giúp đảm bảo an ninh cho người và tài sản.
- An toàn: Sử dụng đèn cảm biến sẽ đảm bảo an toàn cho các gia đình có người già và trẻ nhỏ.
- Tiết kiệm điện: Lắp đèn cảm biến tại khu vực không thường xuyên có người qua lại là giải pháp không thể tối ưu hơn.

ĐÈN LED BULB CẢM BIẾN

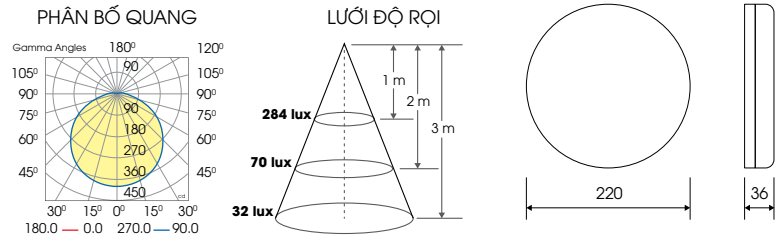


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hệ số công suất	Quang thông	Nhiệt độ màu	KC/BK phát hiện	Góc phát hiện	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Thời gian đèn tự động tắt	Kích thước
A60.RAD/7W	7	170÷250	50-60	0.5	600	6500	Gắn tường:	120x360	83	20000	20	Ø60x113
A60.RAD/9W	9	170÷250	50-60	0.5	810	6500	Gắn trần:	120x360	85	20000	20	Ø60x113
TR70.RAD/15W	15	170÷250	50-60	0.5	1350	6500	4-6 m	120x360	85	20000	20	Ø70x130
A60.PIR/9W	9	150÷250	50-60	0.5	720/750	3000/6500	Gắn trần: 2-3 m Gắn tường: 3-4 m	90x360	80	20000	60±10	Ø60x123

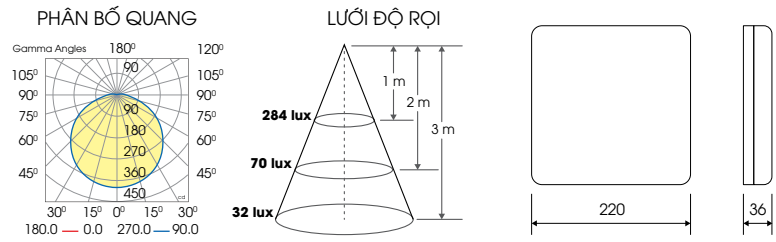
ĐÈN LED ỚP TRẦN **CẢM BIẾN**



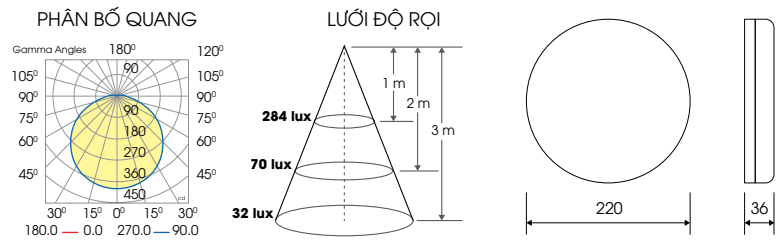
LN12.RAD 220/18W (WC)



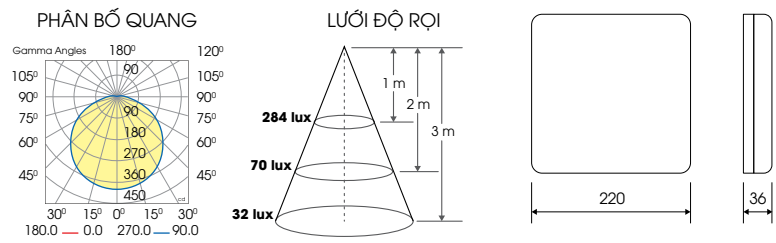
LN12.RAD 220x220/18W (WC)



LN12.RAD 220/18W (HL)



LN12.RAD 220x220/18W (HL)



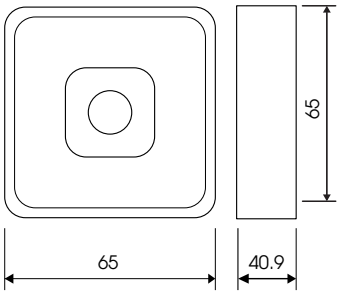
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc phát hiện	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	lm	K	độ		giờ	mm
LN12.RAD 220/ 18W (WC)	18	150÷250	1400	3000/ 6500	90x360	80	25000	220x36
LN12.RAD 220x220/ 18W (WC)	18	150÷250	1400	3000/ 6500	90x360	80	25000	220x220x36
LN12.RAD 220/ 18W (HL)	18	150÷250	1400	3000/ 6500	120x360	80	25000	220x36
LN12.RAD 220x220/ 18W (HL)	18	150÷250	1400	3000/ 6500	120x360	80	25000	220x220x36

ĐÈN NGŨ CẢM BIẾN

ĐN01.PIR 65x65/0.3W



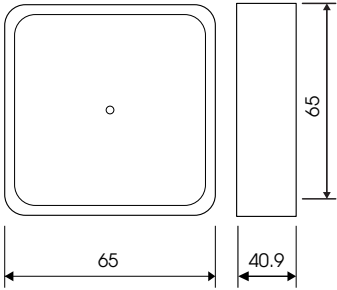
- Tích hợp tính năng cảm biến ánh sáng và cảm biến chuyển động
- Có 2 chế độ hoạt động được điều khiển bằng công tắc gạt:
 - + Chế độ On: Đèn sáng liên tục khi ánh sáng môi trường < 15lux.
 - + Chế độ Auto (Chế độ phát hiện chuyển động): Khi ánh sáng môi trường <15 lux và có chuyển động thì đèn bật sáng. Sau 120s nếu không phát hiện chuyển động đèn tự động tắt.



ĐN02.LS 65x65/0.3W



- Tích hợp tính năng cảm biến ánh sáng
- Có 2 chế độ hoạt động được điều khiển bằng công tắc gạt:
 - + Chế độ On: Đèn luôn sáng sau khi cấp nguồn.
 - + Chế độ Auto: Đèn chỉ sáng khi cấp nguồn và ánh sáng môi trường và cường độ ánh sáng <15 lux.

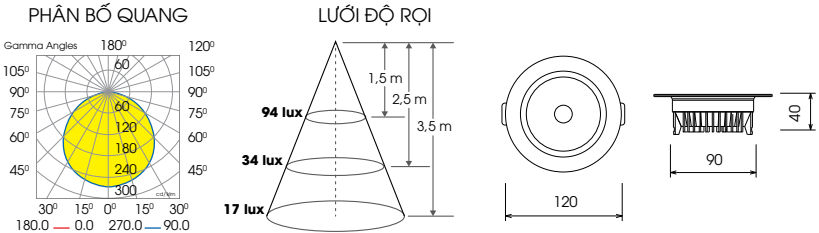


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Mức cảm biến ánh sáng	KC phát hiện chuyển động	Thời gian đèn tắt khi không phát hiện chuyển động	Tuổi thọ	Nhiệt độ màu	Dải nhiệt độ hoạt động	Kích thước
	W	V	lux	m	giây	giờ	K	độ	mm
ĐN01.PIR 65x65/0.3W	0.3	150÷250	< 15	3-4	120-150	30,000	3000	-10÷40	(65x65x40.9)
ĐN02.LS 65x65/0.3W	0.3	150÷250	< 15	-	-	30,000	3000	-10÷40	(65x65x40.9)

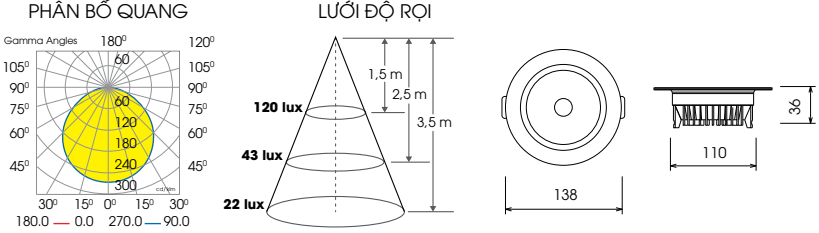
ĐÈN LED DOWNLIGHT CẢM BIẾN



AT04.PIR 90/7W

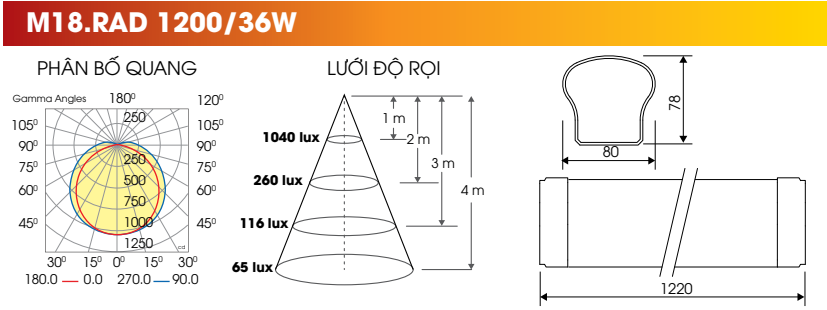


AT04.PIR 110/9W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hệ số công suất	Quang thông	Nhiệt độ màu	KC/BK phát hiện	Góc phát hiện	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Thời gian đèn tự động tắt	Kích thước	Kích thước khoét trần
	W	V	Hz		lm	K	m	độ		giờ	giây	mm	mm
AT04.PIR 90/7W	7	150÷250	50-60	0.5	500	3000/6500	3-5	90x360	80	20000	120±10	120x40	90
AT04.PIR 110/9W	9	150÷250	50-60	0.5	650	3000/6500	3-5	90x360	80	20000	120±10	138x36	110

BỘ ĐÈN LED M18 **CẢM BIẾN**



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	"Hệ số công suất"	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
M18.RAD 120/36W	W	V	Hz		lm	K		giờ	mm
M18.RAD 120/36W	36	150÷250	50	0.5	3200	6500	80	20000	1220x80x78

ĐÈN GẮN TƯỜNG **CẢM BIẾN**

GT16.PIR 180/15W

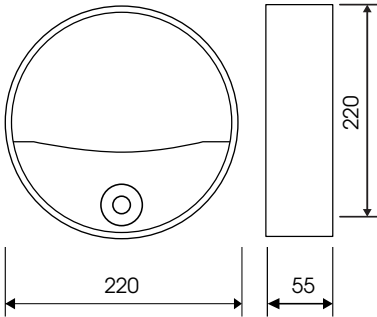


Đèn tích hợp cảm biến hồng ngoại PIR và cảm biến ánh sáng:

- Khi ánh sáng môi trường < 80 lux và phát hiện có chuyển động trong vùng hoạt động của cảm biến, đèn tự động bật sáng, sau 60 ±10 giây nếu không phát hiện chuyển động đèn tự động tắt.
- Khi ánh sáng môi trường > 80 lux, đèn sẽ không tự động bật sáng khi phát hiện có chuyển động trong vùng hoạt động của cảm biến

Khoảng cách phát hiện:

- Gắn tường cao 2-3 m: (2-5) m



GT16.PIR 220x100/15W

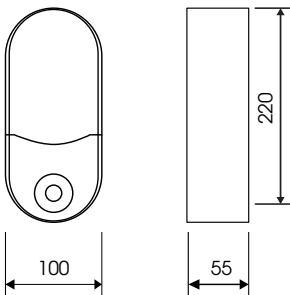


Đèn tích hợp cảm biến hồng ngoại PIR và cảm biến ánh sáng:

- Khi ánh sáng môi trường < 80 lux và phát hiện có chuyển động trong vùng hoạt động của cảm biến, đèn tự động bật sáng, sau 60 ±10 giây nếu không phát hiện chuyển động đèn tự động tắt.
- Khi ánh sáng môi trường > 80 lux, đèn sẽ không tự động bật sáng khi phát hiện có chuyển động trong vùng hoạt động của cảm biến

Khoảng cách phát hiện:

- Gắn tường cao 2-3 m: (2-5) m



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V		lm / W	lm	K		giờ	mm
GT16.PIR 180/ 15W	15	150÷250	0.5	63/ 60	950/ 900	3000/ 6500	80	25000	220x55
GT16.PIR 220x100/ 15W	15	150÷250	0.5	63/ 60	950/ 900	3000/ 6500	80	25000	220x100x55

ĐUI ĐÈN **CẢM BIẾN**



ĐC B01.PIR E27/300W

Công suất	≤ 300 W
Dải điện áp hoạt động	(180÷250) V
Tần số	50 Hz
Kiểu đầu đèn	E27
KL đèn lắp trên đui (Max)	300 g
Thời gian ngắt mạch khi không phát hiện chuyển động	(3-900) giây
Phạm vi cảm biến	(3-6) m
Mức cảm biến ánh sáng	(30-2000) lux
Tuổi thọ	30,000 giờ
Vật liệu thân	Nhựa ABS
Dải nhiệt độ hoạt động:	(-10÷40) °C
Kích thước	(100x73x64) mm
Tính năng	Điều khiển 1 đèn hoặc 1 đèn kèm 1 thiết bị điện (chuông báo, quạt gió) công suất max 300w

CÔNG TẮC **CẢM BIẾN**



CT01.PIR 300W

Công suất	≤ 300 W
Dải điện áp hoạt động	(180÷250) V
Tần số	50 Hz
Thời gian ngắt mạch khi không phát hiện chuyển động	(3-900) giây
Phạm vi cảm biến	(3-6) m
Mức cảm biến ánh sáng	(30-2000) lux
Tuổi thọ	30,000 giờ
Vật liệu thân	Nhựa ABS
Dải nhiệt độ hoạt động	(-10÷40) °C
Kích thước	(113x70x70) mm
Tính năng	Điều khiển 1 đèn hoặc 1 dây đèn hoặc thiết bị khác (Chuông báo) có công suất max 300W

ĐÈN LED GƯƠNG **CẢM BIẾN**



G04.PIR 8W

Công suất	8 W
Dải điện áp hoạt động	(150÷250) V
Tần số	50 Hz
Nhiệt độ màu	6500 K/ 3000 K
Quang thông	400 lm
Tuổi thọ	25.000 giờ
Khoảng cách phát hiện	(1-2) m
Kích thước	(600x125x60) mm
Tính năng	Đèn hoạt động ở 2 chế độ: - Chế độ On (Đèn thường) - Đèn luôn sáng sau khi được cấp nguồn - Chế độ Auto (Đèn cảm biến) - Đèn tự động bật sáng khi phát hiện có người chuyển động trong phạm vi hoạt động của cảm biến. Sau 180s kể từ khi không phát hiện có người chuyển động trong phạm vi hoạt động của cảm biến, đèn sẽ tự động tắt.



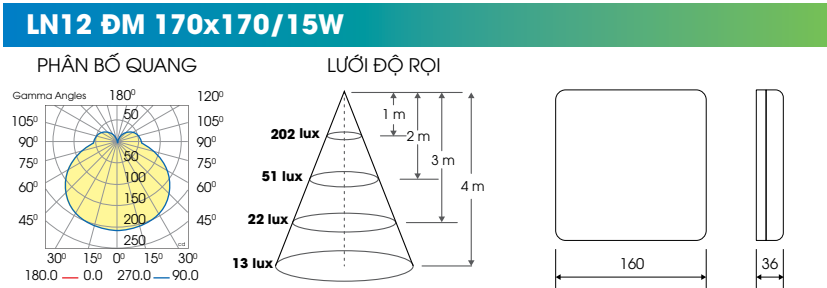
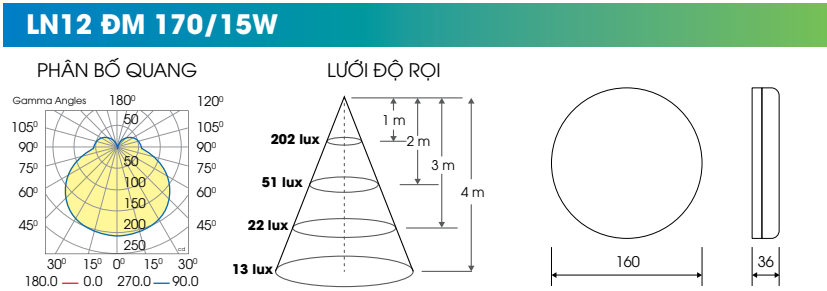
NHÓM SẢN PHẨM ĐỔI MÀU

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất cao, chất lượng ánh sáng tốt và tuổi thọ dài
- Dải điện áp hoạt động rộng (150÷250)V, đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80), ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (flicker free), không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ mắt người dùng.
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao, bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng (-10÷45)°C, phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt đới gió mùa.



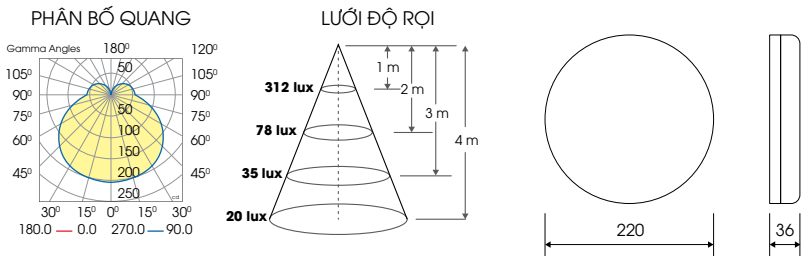
ĐÈN LED ỚP TRẦN ĐỂ NHÔM ĐỔI MÀU



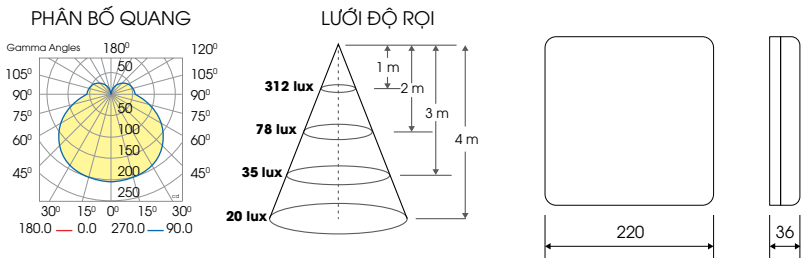
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
LN12 DM 170/15W	15	150÷250	50	1100/990/1100	6500/3000/4000	80	30000	160x36
LN12 DM 170x170/15W	15	150÷250	50	1100/990/1100	6500/3000/4000	80	30000	160x160x36



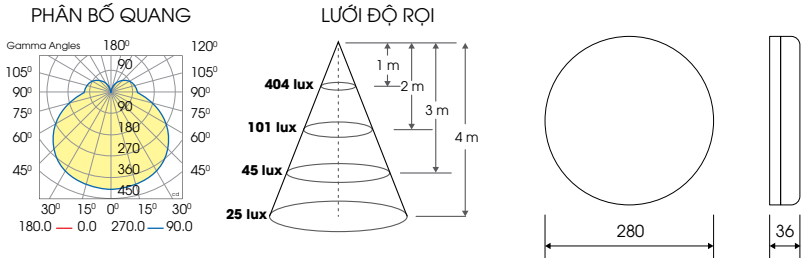
LN12 DM 220/22W



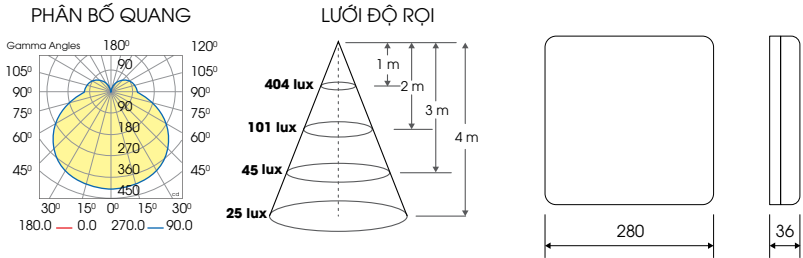
LN12 DM 220x220/22W



LN12 DM 300/30W

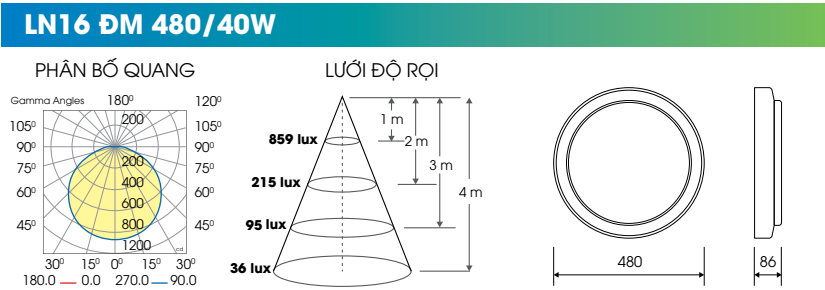
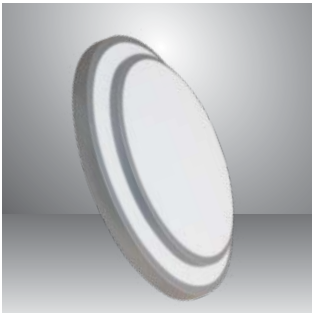


LN12 DM 300x300/30W

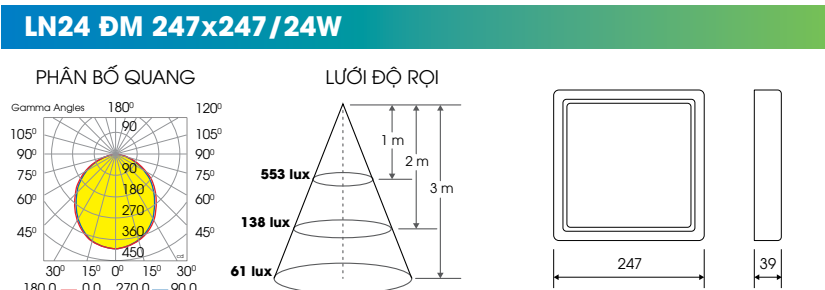
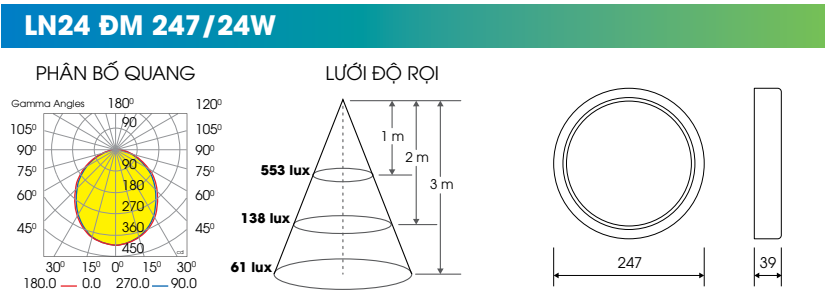


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
LN12 DM 220/22W	22	150÷250	50	1700/1530/1700	6500/3000/4000	80	30000	220x36
LN12 DM 220x220/22W	22	150÷250	50	1700/1530/1700	6500/3000/4000	80	30000	220x220x36
LN12 DM 300x300/30W	30	150÷250	50	2200/1980/2200	6500/3000/4000	80	30000	280x36
LN12 DM 300/30W	30	150÷250	50	2200/1980/2200	6500/3000/4000	80	30000	280x280x36

ĐÈN LED ỐP TRẦN KHỔ LỚN ĐỔI MÀU



ĐÈN LED ỐP TRẦN ĐỔI MÀU

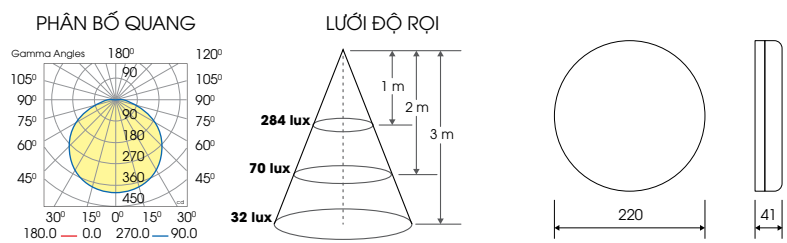


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
LN16 DM 480/40W	40	150÷250	50	2800/2520/2800	6500/3000/4000	80	25000	480x86
LN24 DM 247/24W	24	150÷250	50	1800/1300/1800	6500/3000/4000	80	25000	247x39
LN24 DM 247x247/24W	24	150÷250	50	1800/1300/1800	6500/3000/4000	80	25000	247x247x39

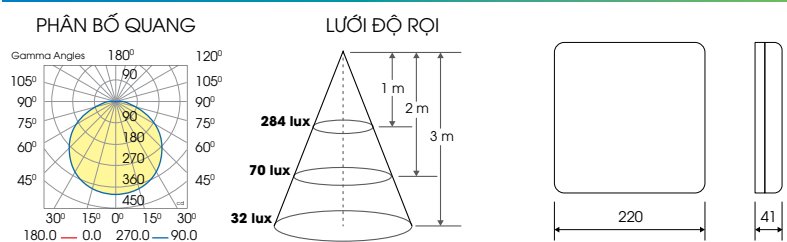
ĐÈN LED ỐP TRẦN ĐỂ NHỰA ĐỔI MÀU



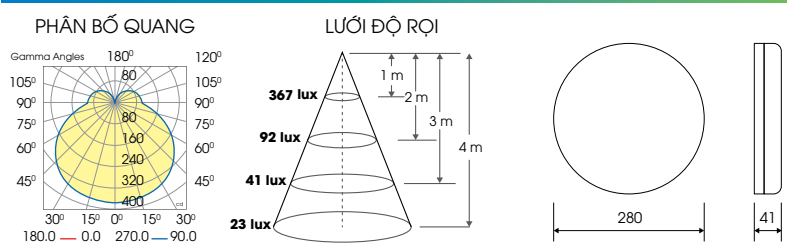
LN12N ĐM 220/18W



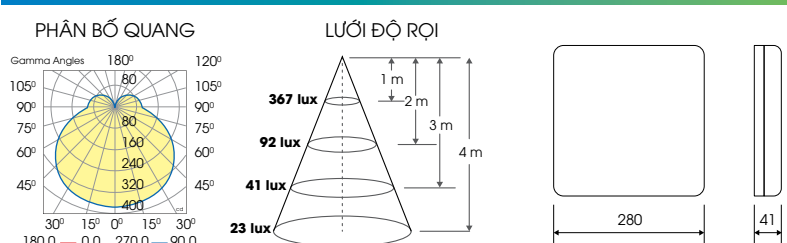
LN12N ĐM 220x220/18W



LN12N ĐM 300/24W



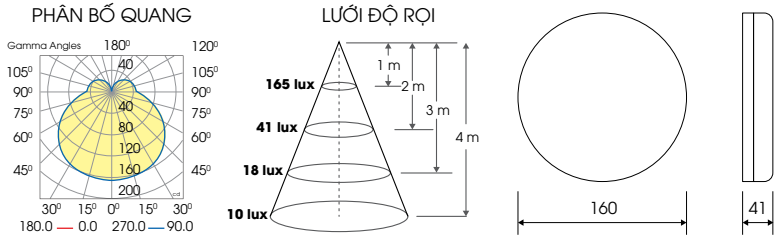
LN12N ĐM 300x300/24W



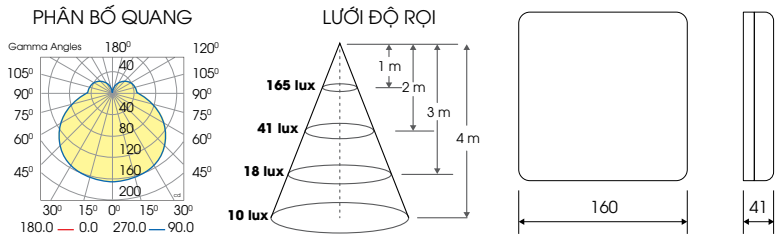
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
LN12N ĐM 220/18W	18	150÷250	50	1400/1260/1400	6500/3000/4000	80	25000	220x41
LN12N ĐM 220x220/18W	18	150÷250	50	1400/1260/1400	6500/3000/4000	80	25000	220x220x41
LN12N ĐM 300/24W	24	150÷250	50	2000/1800/2000	6500/3000/4000	80	25000	280x41
LN12N ĐM 300x300/24W	24	150÷250	50	2000/1800/2000	6500/3000/4000	80	25000	280x280x41



LN12N DM 170/12W

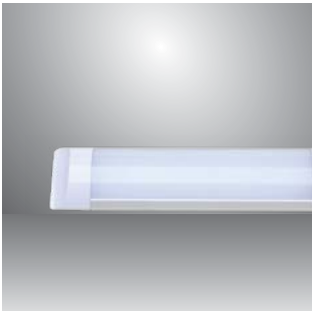


LN12N DM 170x170/12W

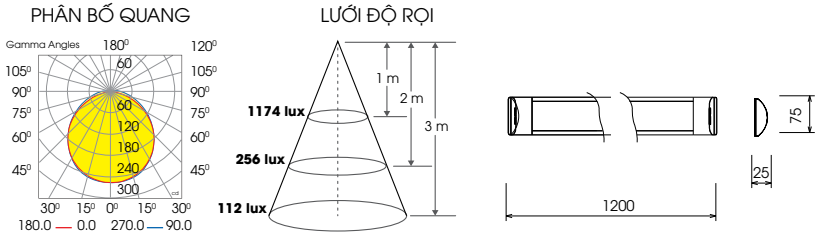


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
LN12N DM 170/12W	12	150÷250	50	900/810/900	6500/3000/4000	80	25,000	160x41
LN12N DM 170x170/12W	12	150÷250	50	900/810/900	6500/3000/4000	80	25,000	160x160x41

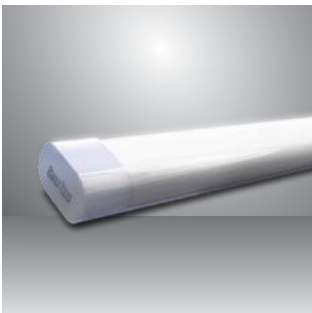
BỘ ĐÈN M26 ĐỔI MÀU



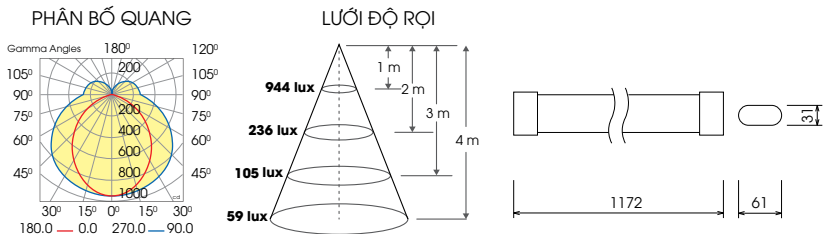
M26 DM 1200/40W



BỘ ĐÈN M36 ĐỔI MÀU

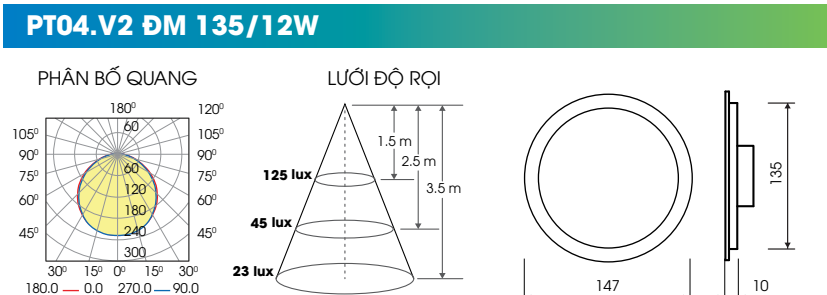
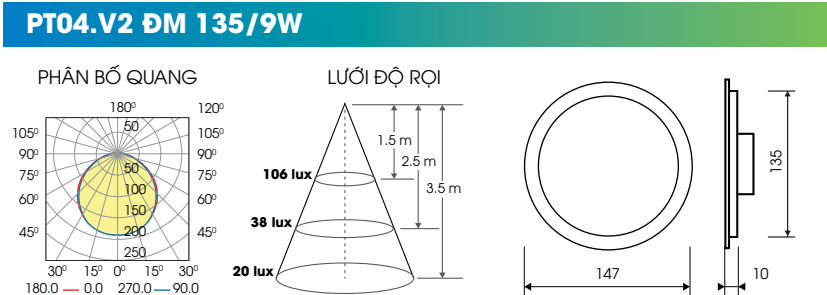
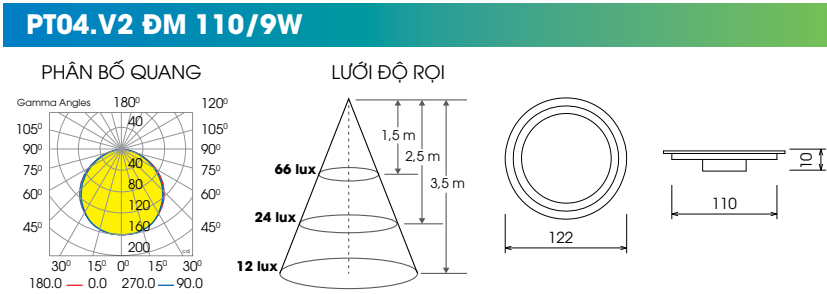
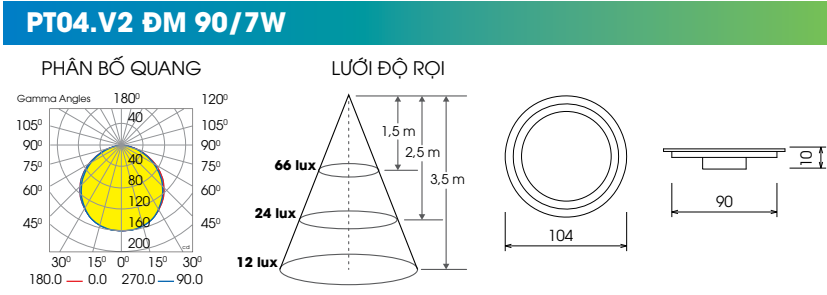


M36 DM 1200/40W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz		lm/W	lm			giờ	mm
M26 DM 1200/40W	40	150÷250	50	0.5	110	4400/3960/4400	6500/3000/4000	80	25000	1200x75x25
M36 DM 1200/40W	40	150÷250	50	0.5	110	4400/4000/4400	6500/3000/4000	80	25000	1.172x61x31

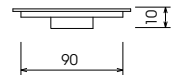
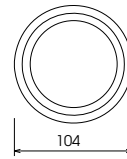
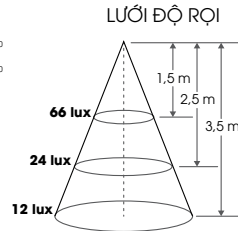
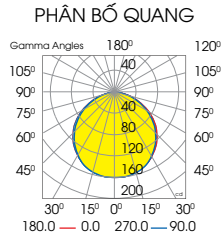
ĐÈN LED PANEL TRÒN **ĐỔI MÀU**



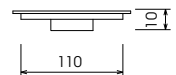
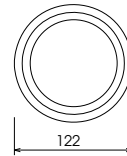
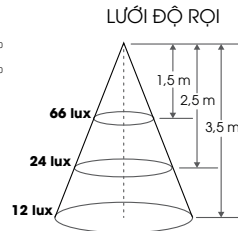
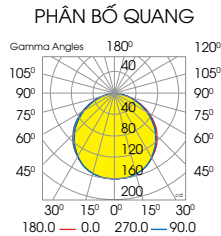
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		giờ	mm	mm
PT04.V2 DM 90/7W	7	150÷250	0.5	67/71/64	470/500/450	4000/5000/6500	80	25000	90	104x10
PT04.V2 DM 110/9W	9	150÷250	0.5	64/75/66	580/680/600	4000/5000/6500	80	25000	110	122x10
PT04.V2 DM 135/9W	9	150÷250	0.5	66/75/71	600/680/640	4000/5000/6500	80	25000	110	122x10
PT04.V2 DM 135/12W	12	150÷250	0.5	62/71/66	750/850/800	4000/5000/6500	80	25000	135	147x10



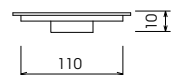
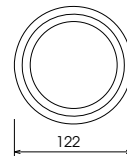
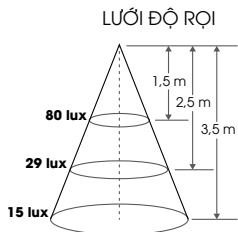
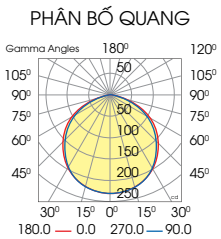
PT05 DM 90/7W



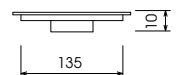
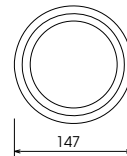
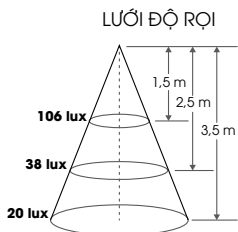
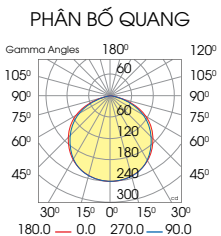
PT05 DM 110/7W



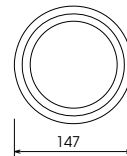
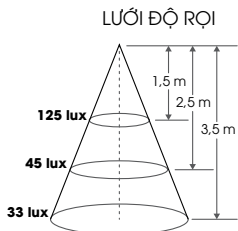
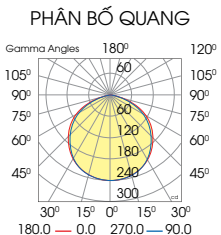
PT05 DM 110/9W



PT05 DM 135/9W



PT05 DM 135/12W



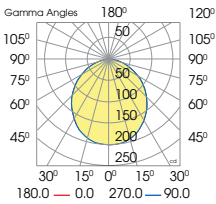
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm	mm
PT05 DM 90/7W	7	150÷250	50	520/470/ 570	6500/4000/5000	80	20000	104x10	90
PT05 DM 110/7W	7	150÷250	50	540/520/ 610	6500/4000/5000	80	20000	122x10	110
PT05 DM 110/9W	9	150÷250	50	600/580/ 680	6500/4000/5000	80	20000	122x10	110
PT05 DM 135/9W	9	150÷250	50	640/600/ 680	6500/4000/5000	80	20000	147x10	135
PT05 DM 135/12W	12	150÷250	50	800/750/ 850	6500/4000/5000	80	20000	147x10	135

ĐÈN LED DOWNLIGHT **ĐỔI MÀU**

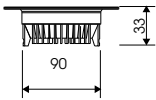
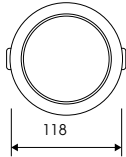
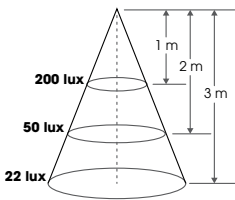


AT02 DM 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

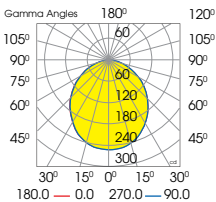


LƯỚI ĐỘ RỌI

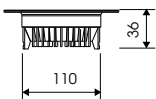
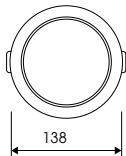
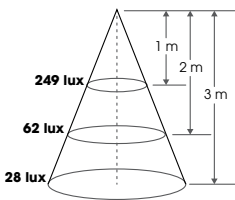


AT02 DM 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

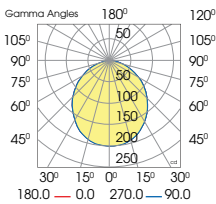


LƯỚI ĐỘ RỌI

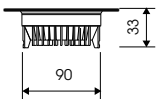
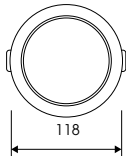
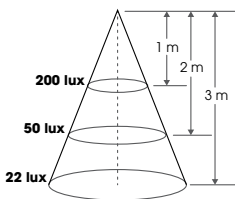


AT10 DM 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

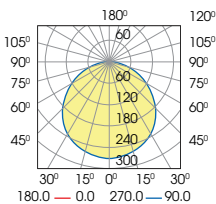


LƯỚI ĐỘ RỌI

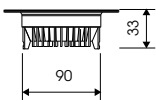
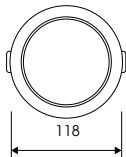
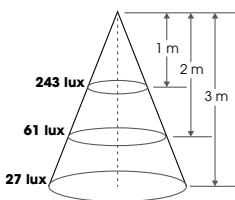


AT10 DM 90/9W

PHÂN BỐ QUANG



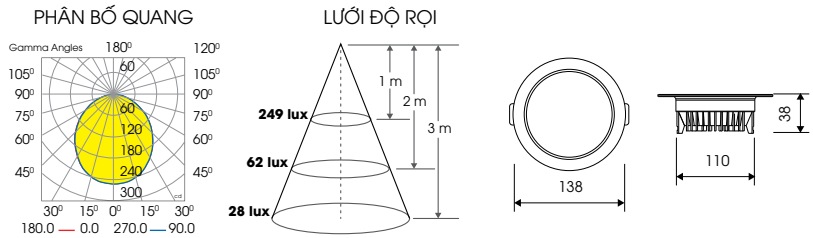
LƯỚI ĐỘ RỌI



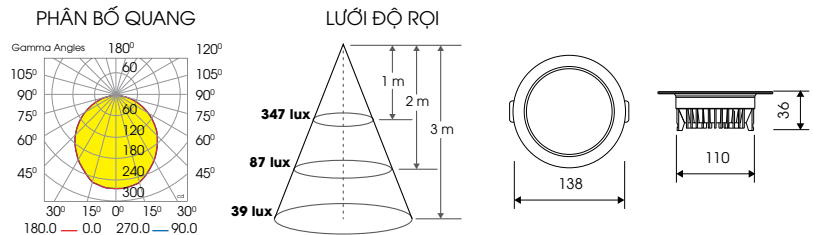
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		giờ	mm	mm
AT02 DM 90/7W	7	150÷250	50	100	700	6500/4000/3000	80	30000	118x33	90
AT02 DM 110/9W	9	150÷250	50	100	900	6500/4000/3000	80	30000	138x36	110
AT10 DM 90/7W	7	150÷250	50	100	700	6500/4000/3000	80	30000	118x33	90
AT10 DM 90/9W	9	150÷250	0.5	100	900	3000/4000/6500	80	30000	118x33	90



AT10 DM 110/9W



AT10 DM 110/12W

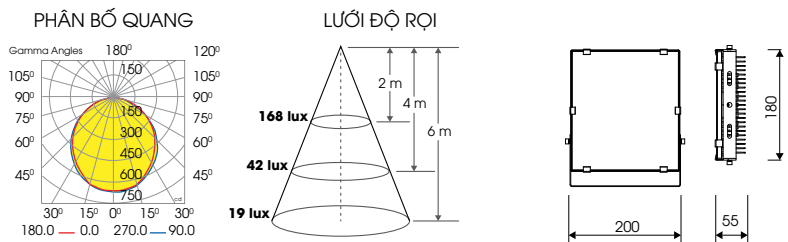


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
AT10 DM 110/9W	W	V	Hz	lm/W	lm	K		giờ	mm	mm
AT10 DM 110/9W	9	150÷250	50	100	900	6500/4000/3000	80	25000	138x36	110
AT10 DM 110/12W	12	150÷250	50	100	1200	6500/4000/3000	80	25000	138x36	110

ĐÈN LED PHA ĐỔI MÀU



CP09.RGB 20W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Dòng điện đầu vào	Màu ánh sáng	Số cảnh chiếu sáng cài sẵn	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxH)
CP09.RGB 20W	W	V		A				giờ	mm
CP09.RGB 20W	20	150÷250	0,5	0,25	RGB	10	IP66	30000	200x180x55

- Có thể kết hợp với bộ Timer để tự động đổi màu ánh sáng.

ĐÈN LED DÂY ĐỔI MÀU

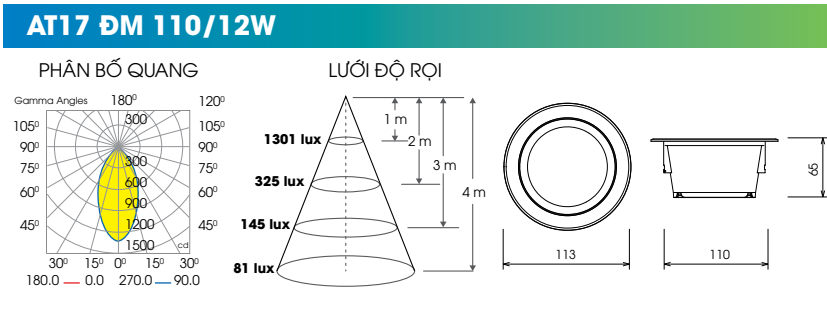
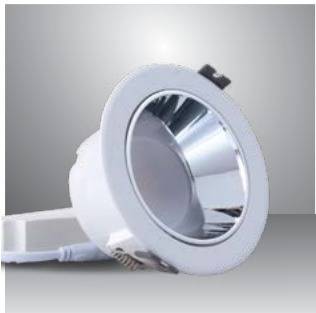
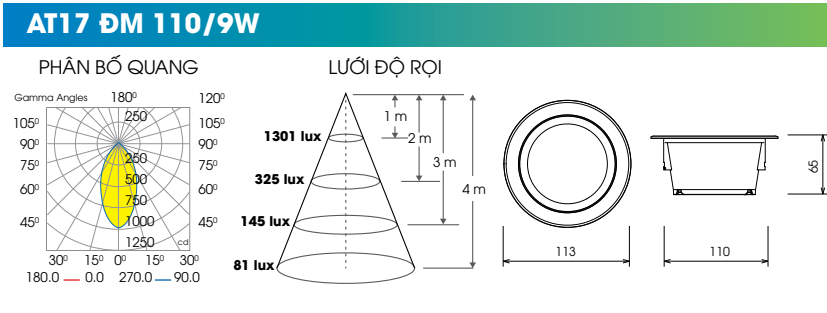
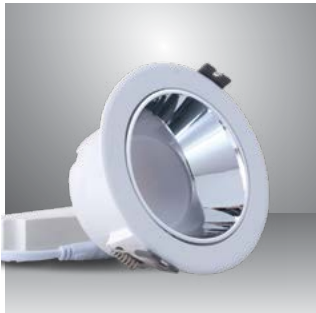
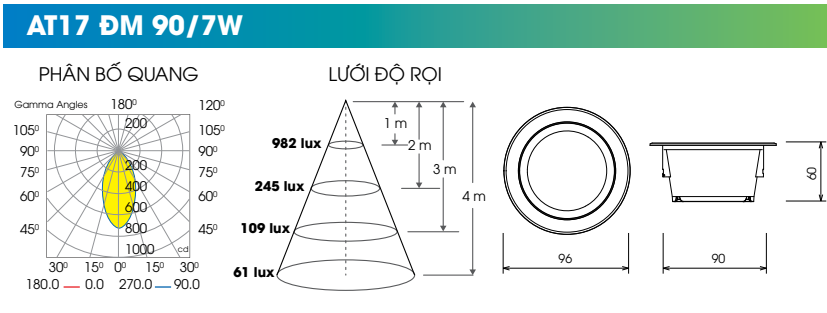


LD01 DM 1000/9W

- Chiều dài tối thiểu có thể cắt: 1m
- 1 bộ đèn LED dây cuộn 50m kèm theo 01 nguồn Driver, 02 gen co nhiệt, 01 đầu bịt, 100 tai cài cố định

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Cấp bảo vệ	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cuộn	Kích thước (RxH)
LD01 DM 1000/9W	W	V			lm	K		giờ	m	mm
LD01 DM 1000/9W	9	150÷250	0,5	IP65	600	3000/4000/6500	80	25000	50-100	18x10

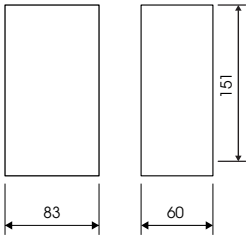
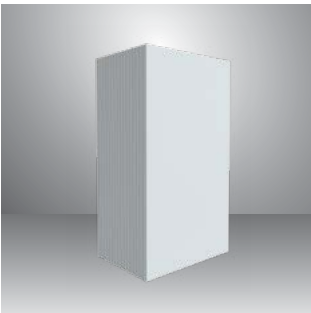
ĐÈN LED DOWNLIGHT COB ĐỔI MÀU



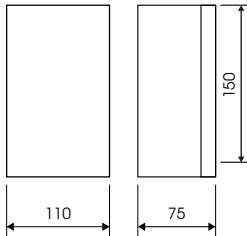
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm / W	lm	K		giờ	mm	mm
AT17 DM 90/7W	7	150÷250	50	90	630/580/560	6500/3000/4000	80	20000	96x60	90
AT17 DM 110/9W	9	150÷250	50	95	860/800/770	6500/3000/4000	80	20000	113x65	110
AT17 DM 110/12W	12	150÷250	50	95	1140/1050/1020	6500/3000/4000	80	20000	113x65	110

ĐÈN LED ỐP TƯỜNG ĐỔI MÀU

LN18 DM 83x60/6W



LN18.V2 DM 110x75/6W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxH)
	W	V		lm	K		giờ	mm
LN18 DM 83x60/6W	6	150÷250	0,5	350	6500/3000/4000	85	20000	83x60x151
LN18.V2 DM 110x75/6W	6	150÷250	0,5	200	6500/3000/4000	85	20000	110x75x150

NHÓM SẢN PHẨM LED

DỰ PHÒNG, KHẨN CẤP, EXIT

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn sáng LED chất lượng cao, hiệu suất cao và tuổi thọ dài.
- Bộ lưu điện dung lượng Pin Ni-Cd 400mAh/800mAh, thời gian nạp đầy 20 giờ.
- Thời gian chiếu sáng dự phòng 3 giờ.
- Nhiệt độ làm việc rộng (-10÷45)°C, phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt đới gió mùa.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1 / IEC 60598-1

TÍNH NĂNG

- Đèn tự động bật sáng khi có sự cố mất điện.

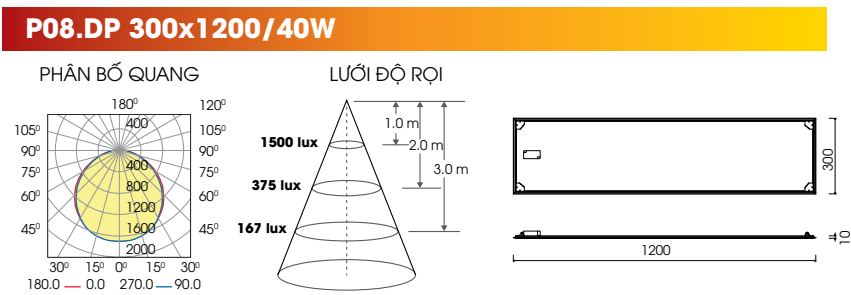
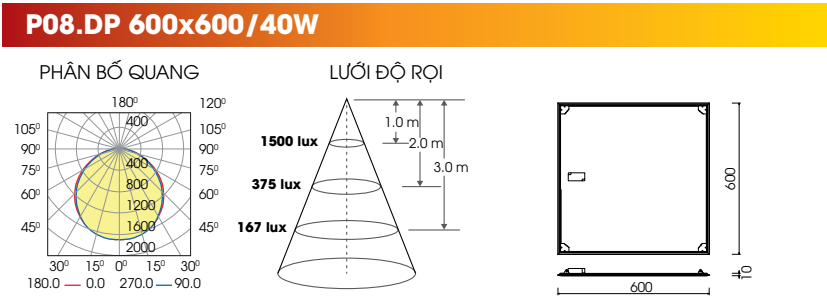
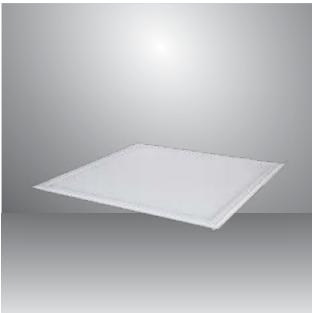
LỢI ÍCH KHI SỬ DỤNG

- Tiết kiệm đến 60-75% điện năng thay thế đèn chỉ dẫn dùng bóng huỳnh quang. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện.
- Tuổi thọ cao 15.000÷25.000 giờ (L70), cao gấp 2÷5 lần đèn bóng huỳnh quang, không hạn chế số lần tắt bật.

ỨNG DỤNG

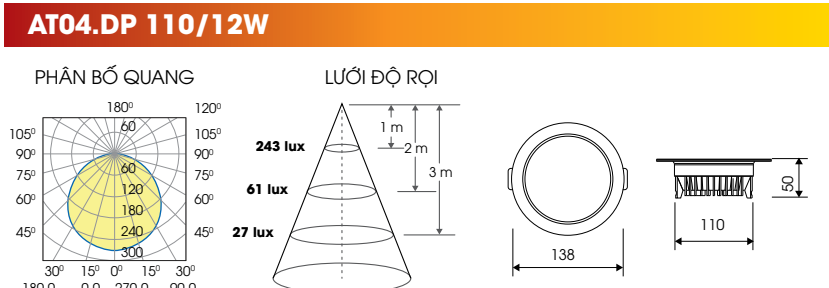
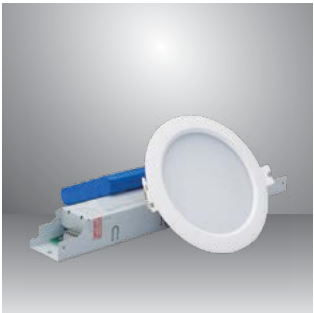
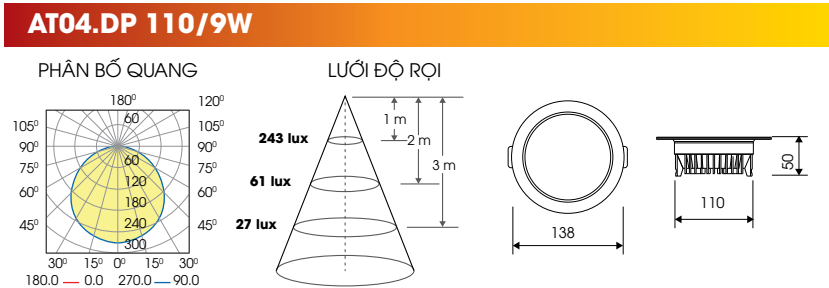
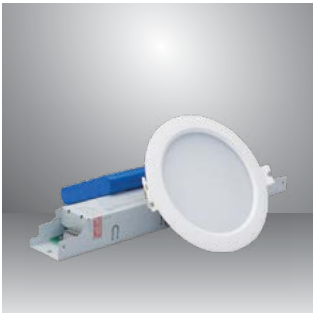
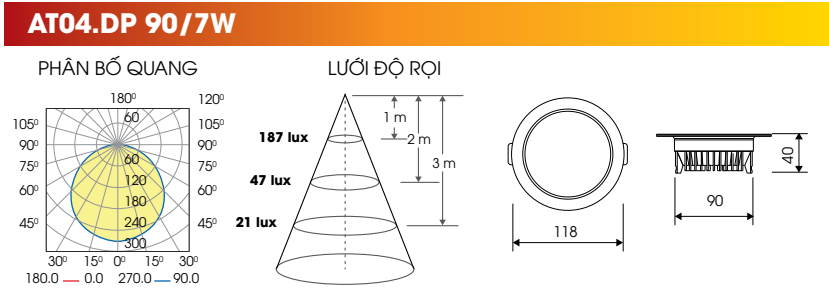
- Chiếu sáng chỉ dẫn thoát hiểm trong tòa nhà, bệnh viện, chung cư, học đường, trung tâm thương mại, khu vực hầm,...

ĐÈN LED PANEL DỰ PHÒNG

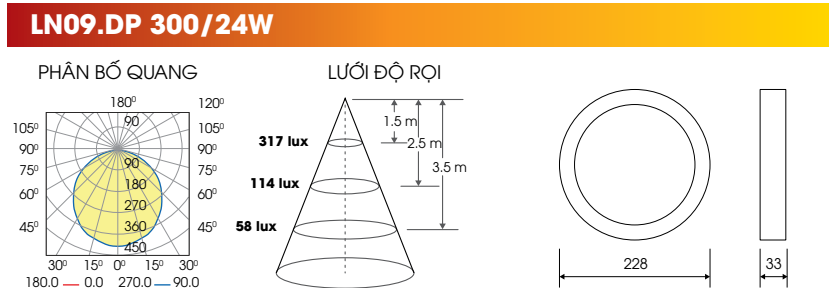


Model	Công suất	Điện áp danh định	Thời gian chiếu sáng dự phòng	Thời gian nạp đầy pin	Nhiệt độ màu	Quang thông Power on	Quang thông Power off	Pin	Tuổi thọ	Kích thước
P08.DP 600x600/40W	W	V	giờ	giờ	K	lm	lm	Lithium	giờ	mm
P08.DP 600x600/40W	40	220/50-60	2	12-15	6500	4000	1,300	Lithium	25000	600x600x12
P08.DP 300x1200/40W	40	220/50-60	2	12-15	6500	4000	1,300	Lithium	25000	1200x300x12

ĐÈN LED DOWNLIGHT DỰ PHÒNG



ĐÈN LED ỐP TRẦN DỰ PHÒNG



Model	Công suất	Điện áp danh định	Thời gian chiếu sáng dự phòng	Thời gian nạp đầy pin	Nhiệt độ màu	Quang thông Power on	Quang thông Power off	Pin	Tuổi thọ	Kích thước
AT04.DP 90/7W	W	V	giờ	giờ	K	lm	lm		giờ	mm
AT04.DP 90/7W	7	220/50-60	2	12÷15	6500	500	440	Lithium	20000	118x40
AT04.DP 110/9W	9	220/50-60	2	12÷15	6500	700	440	Lithium	20000	138x50
AT04.DP 110/12W	12	220/50-60	2	12÷15	6500	930	550	Lithium	20000	138x50
LN09.DP 300/24W	24	220V/50Hz	2	12÷15	6500	900	480	-	15000	288x33

ĐÈN LED **CHỈ DẪN**

CD01 40x20/2.2 W (1 mặt/2 mặt)



ĐÈN LED **KHẨN CẤP**

AT07.KC 90/5W



KC01 2W



KC02 10W



KC04 6W, KC03 8W



Model	Công suất	Nguồn điện danh định	Thời gian chiếu sáng dự phòng	Quang thông max	Pin	Thời gian nạp đầy pin	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)	Đường kính khoét lỗ
	W	V/Hz	giờ	lm		giờ	giờ	mm	mm
CD01 40x20/2.2W (1 mặt/2 mặt)	2.2	220/50	3	-	3.7VDC - 1.2Ah	20	15000	395x25x202	
AT07.KC 90/5W	5	220/50	≥2	310	3.7VDC - 1.2Ah	24	15000	Ø118x40	90
KC01 2W	2	220/50						258x265x50	
KC04 6W	6	220/50	6 (1 bóng) 3 (2 bóng)	500	3.7VDC - 1.2Ah	24	15000	223x195x55	
KC03 8W	8	220/50	6 (1 bóng) 3 (2 bóng)	1200	3.7VDC - 1.2Ah	24	15000	265x60x260	
KC02 10W	10	220/50	6 (1 bóng) 3 (2 bóng)	1000	3.7VDC - 1.2Ah	24	15000	-	



NHÓM SẢN PHẨM LED BULB



Chiếu sáng Indoor



Chiếu sáng nông nghiệp

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc có độ tin cậy cao
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI=80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật, ánh sáng trung thực tự nhiên.
- Dải điện áp rộng 150 - 250V đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Có khả năng chịu nhiệt, tản nhiệt nhanh, chịu áp suất...

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Phổ ánh sáng phù hợp điều khiển ra hoa cây hoa cúc/thanh long thương phẩm và nhân giống
- Chất lượng cây hoa tốt, đồng đều, giá trị kinh tế cao
- Chỉ số IP 54 (hoa cúc), IP 65 (thanh long)
- Tuổi thọ đèn cao, tiết kiệm điện năng

ỨNG DỤNG

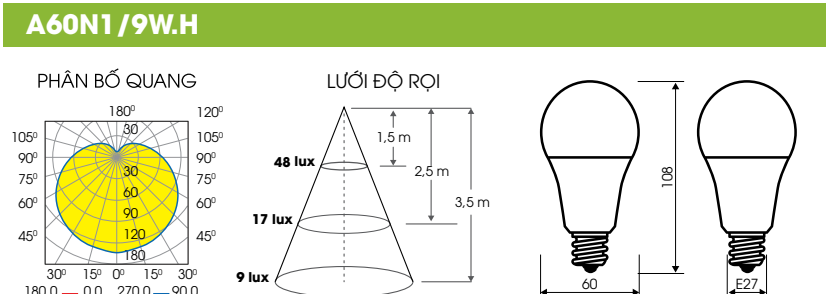
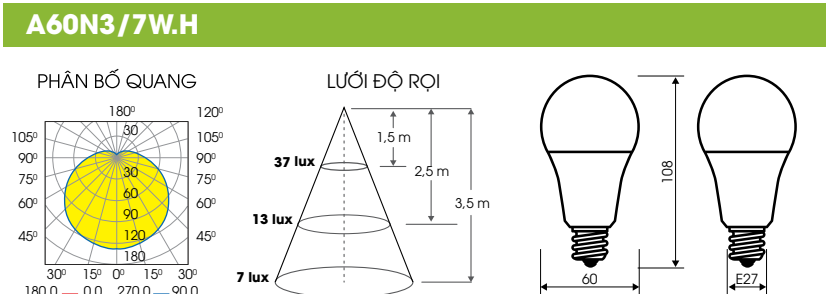
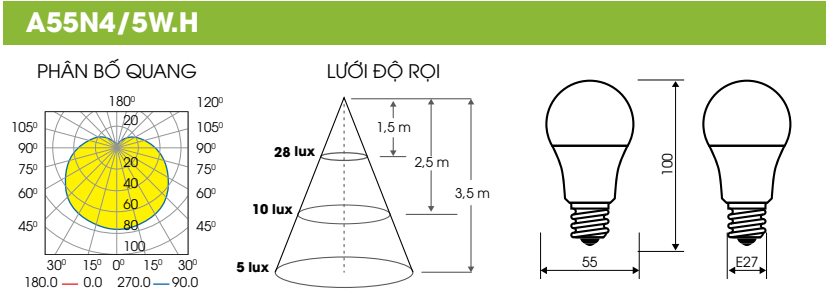
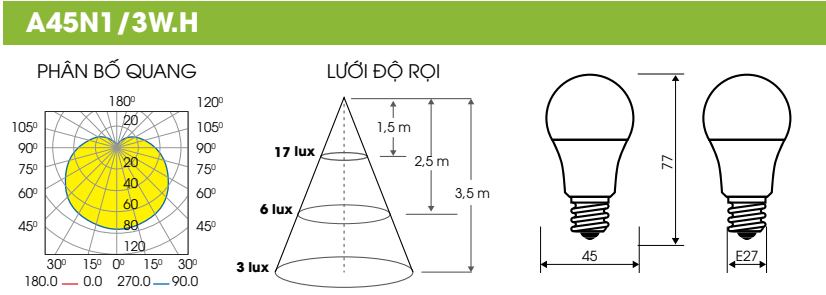
- Chiếu sáng hộ gia đình, căn hộ: phòng khách, phòng ngủ, phòng vệ sinh, bếp, ban công,...
- Chiếu sáng trang trí tại các cửa hàng, nhà hàng, khu vui chơi, ...

ỨNG DỤNG

- Sử dụng chiếu sáng cây thanh long, hoa cúc, nâng cao hiệu quả kinh tế cho bà con nông dân.



BÓNG ĐÈN LED BULB

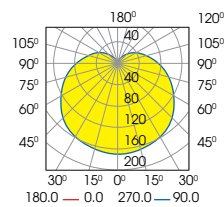


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)
	W	V		lm / W	lm	K		Giờ	mm
A45N1/3W.H	3	150 ÷ 250	0.5	90-95	270/285	3000/4000/6500	83	20000	45x77
A55N4/5W.H	5	150 ÷ 250	0.5	90-95	450/475	3000/4000/6500	83	20000	55x100
A60N3/7W.H	7	150 ÷ 250	0.5	80-90	560/630	3000/4000/6500	83	20000	60x108
A60N1/9W.H	9	150 ÷ 250	0.5	80-90	720/810	3000/4000/6500	83	20000	60x108

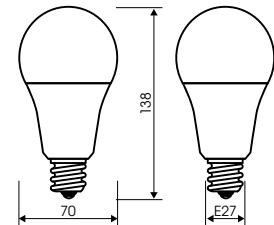
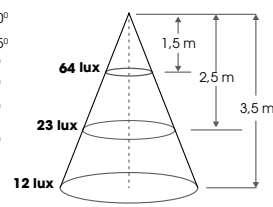


A70N1/12W.H

PHÂN BỐ QUANG

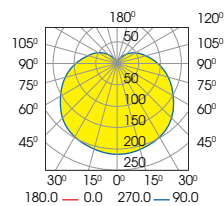


LƯỚI ĐỘ RƠI

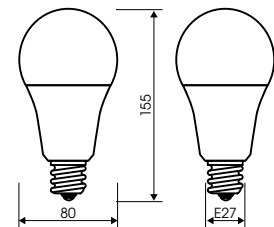
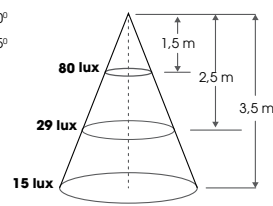


A80N1/15W.H

PHÂN BỐ QUANG

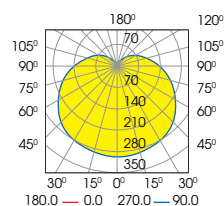


LƯỚI ĐỘ RƠI

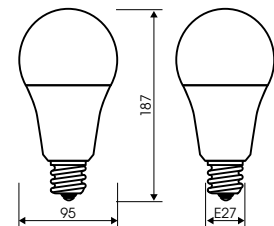
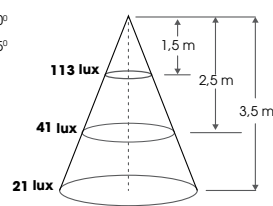


A95N1/20W.H

PHÂN BỐ QUANG

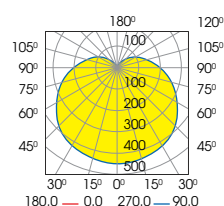


LƯỚI ĐỘ RƠI

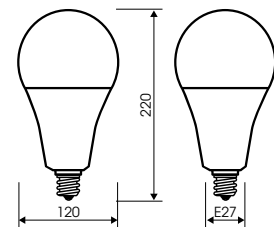
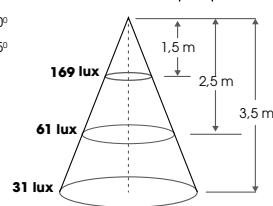


A120N1/30W.H

PHÂN BỐ QUANG

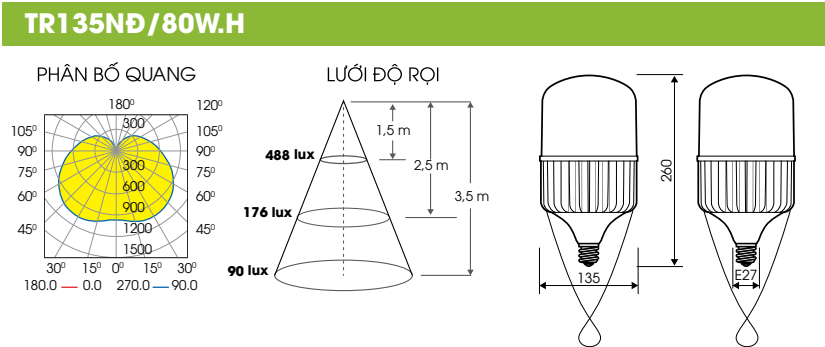
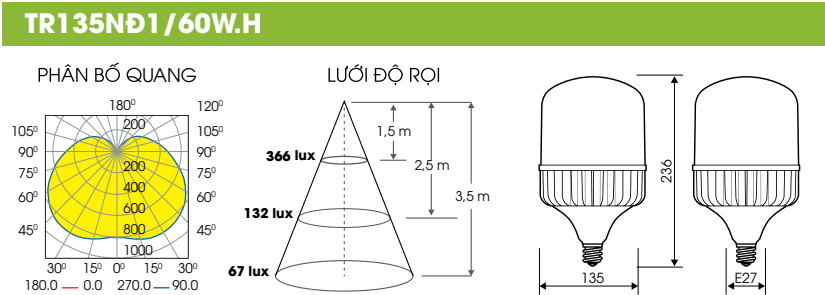
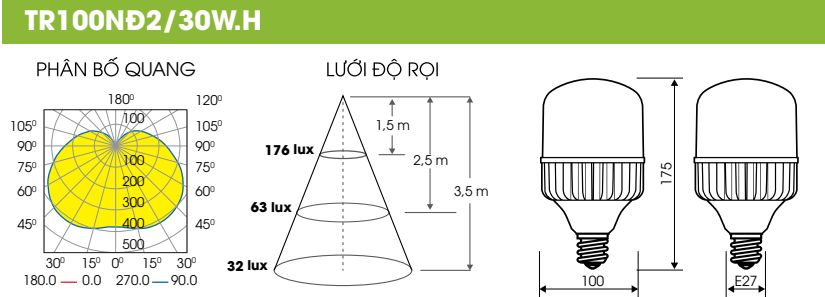
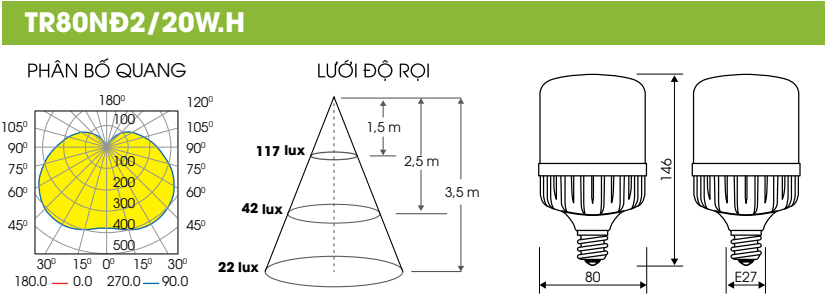


LƯỚI ĐỘ RƠI



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
A70N1/12W.H	12	150 ÷ 250	0.5	85-90	1020-1080	3000/4000/6500	83	20000	70x138
A80N1/15W.H	15	150 ÷ 250	0.5	85-90	1270-1350	3000/4000/6500	83	20000	80x155
A95N1/20W.H	20	150 ÷ 250	0.5	90-95	1800-1900	3000/4000/6500	83	20000	95x187
A120N1/30W.H	30	150 ÷ 250	0.5	85-95	2550-2850	3000/4000/6500	83	20000	120x220

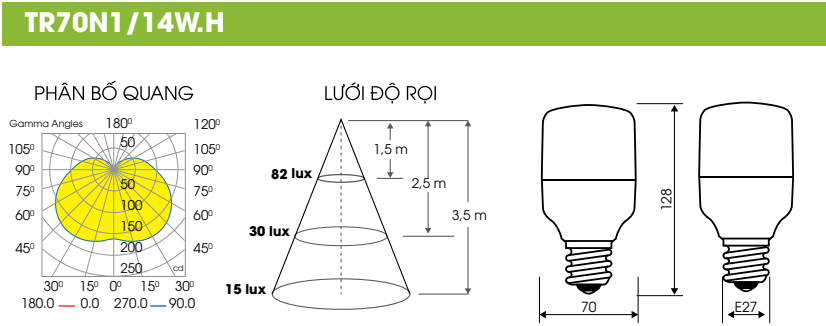
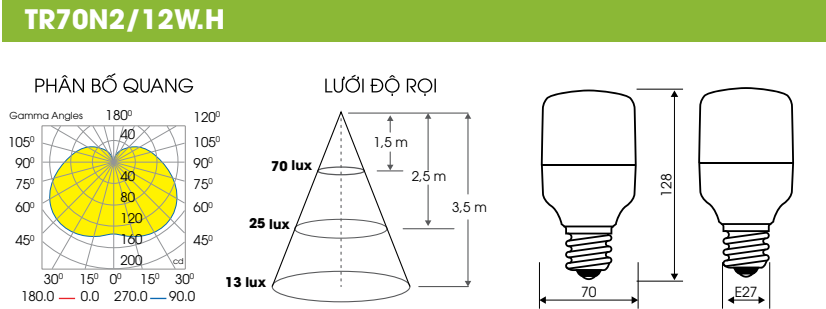
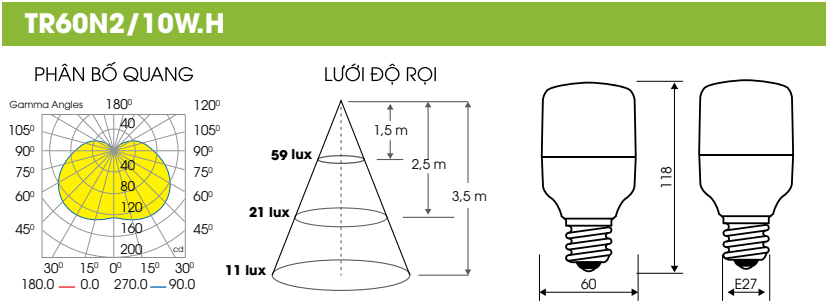
BÓNG ĐÈN **LED BULB TRỤ NHÔM ĐÚC**



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
TR80ND2/20W.H	20	150 ÷ 250	0.5	85-95	1700-1900	3000/4000/6500	83	20000	80x146
TR100ND2/30W.H	30	150 ÷ 250	0.5	85-95	2550-2850	3000/4000/6500	83	30000	100x175
TR135ND1/60W.H	60	150 ÷ 250	0.5	85-95	4590-5130	3000/4000/6500	83	20000	135x236
TR135ND/80W.H	80	150 ÷ 250	0.5	100/92	8000/7200	3000/4000/6500	83	25000	140x250



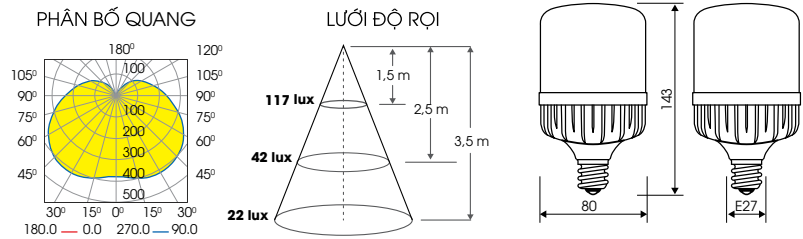
BÓNG ĐÈN **LED BULB TRỤ NHÔM NHỰA**



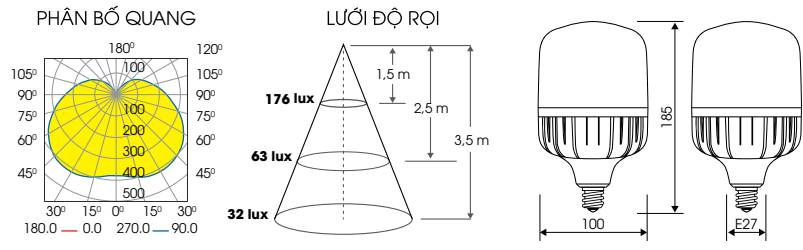
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
TR60N2/10W.H	10	150 ÷ 250	0.5	80-95	800-950	3000/4000/6500	83	20000	60x118
TR70N2/12W.H	12	150 ÷ 250	0.5	90-95	1080-1140	3000/4000/6500	83	20000	70x128
TR70N1/14W.H	14	150 ÷ 250	0.5	85-95	1190-1330	3000/4000/6500	83	20000	70x128



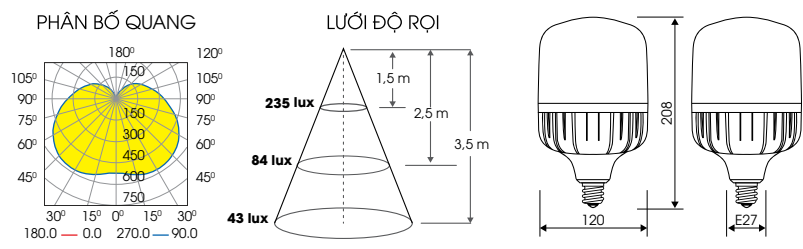
TR80N1 /20W.H



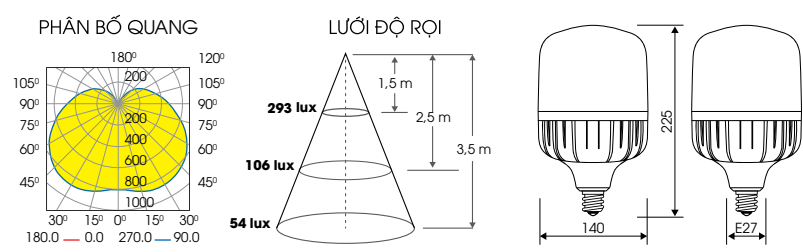
TR100N1 /30W.H



TR120N1 /40W.H

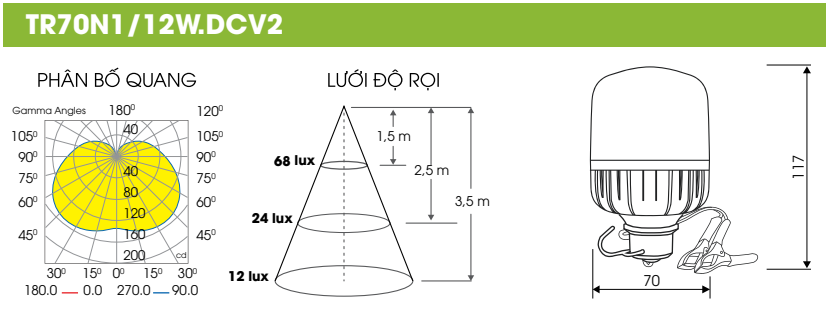
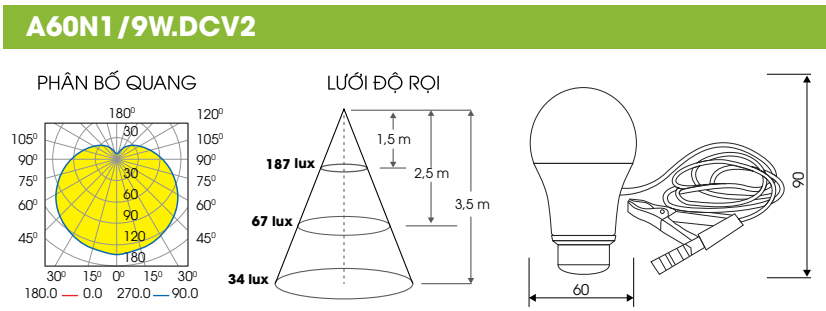


TR140N1 /50W.H



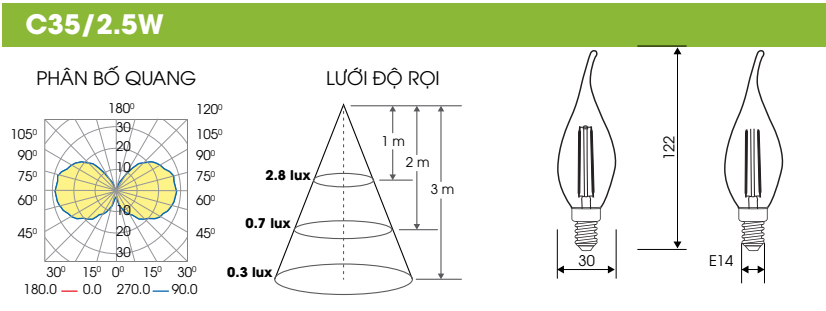
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)
TR80N1 /20W.H	20	150 ÷ 250	0.5	93-95	1860-1900	3000/4000/6500	83	20000	80x143
TR100N1 /30W.H	30	150 ÷ 250	0.5	85-95	2550-2850	3000/4000/6500	83	20000	100x185
TR120N1 /40W.H	40	150 ÷ 250	0.5	85-95	3400-3800	3000/4000/6500	83	20000	120x208
TR140N1 /50W.H	50	150 ÷ 250	0.5	85-95	4250-4750	3000/4000/6500	83	20000	140x225

BÓNG ĐÈN **LED BULB 12-24 VDC**



Model	Công suất	Điện áp nguồn	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W		VDC	lm/W	lm	K		Giờ	mm
A60N1/9W.DCV2	9	12	11÷12,7	80	720	3000/6500	80	15000	60x90
TR70N1/12W.DCV2	12	12	11÷12,7	80	980	3000/6500	80	15000	70x117

BÓNG ĐÈN LED **BULB NẾN DÂY TÓC**

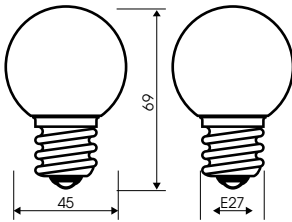


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
C35/2.5W	2.5	170-250	0.5	112	280	2700	80	20000	30x122

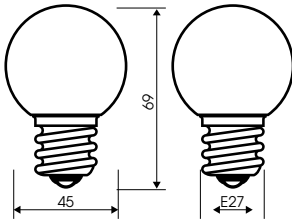
BÓNG ĐÈN LED BULB TRANG TRÍ



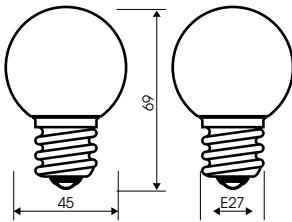
A45R/1W



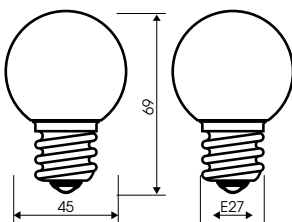
A45Y/1W



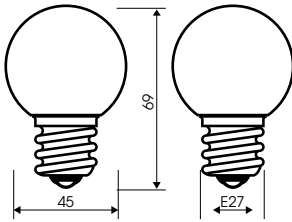
A45G/1W



A45B/1W



A45W/1W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm		Giờ	mm
A45R/1W	1	170 ÷ 250	0,5	30	30	đỏ	15000	45x69
A45Y/1W	1	170 ÷ 250	0,5	75	75	vàng	15000	45x69
A45G/1W	1	170 ÷ 250	0,5	65	65	xanh lá	15000	45x69
A45B/1W	1	170 ÷ 250	0,5	8	8	xanh lam	15000	45x69
A45W/1W	1	170 ÷ 250	0,5	70	70	trắng	15000	45x69



NHÓM SẢN PHẨM BÓNG - BỘ ĐÈN LED TUBE

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc đạt độ tin cậy cao
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI=80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng, ánh sáng trung thực tự nhiên
- Dải điện áp rộng 170 - 250V đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Tương thích điện từ trường không gây ra hiện tượng nhiễu cho sản phẩm điện tử và không bị ảnh hưởng nhiễu của các thiết bị điện tử khác

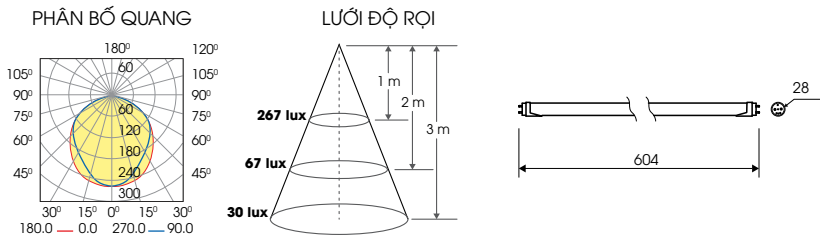
ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng hộ gia đình, căn hộ: phòng khách, phòng ngủ, phòng vệ sinh, bếp, ban công,...
- Chiếu sáng trang trí: hắt khe trần, kệ trưng bày,...

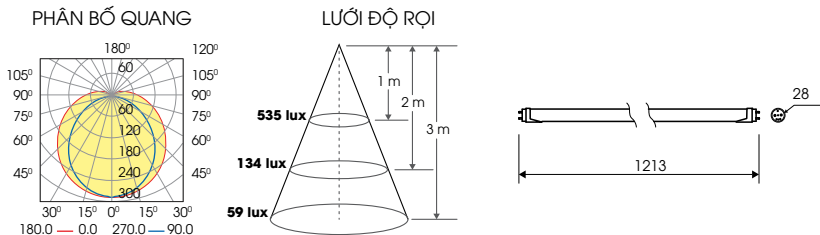
BÓNG ĐÈN LED TUBE NHÔM NHỰA



T8 600/10W



T8 1200/20W

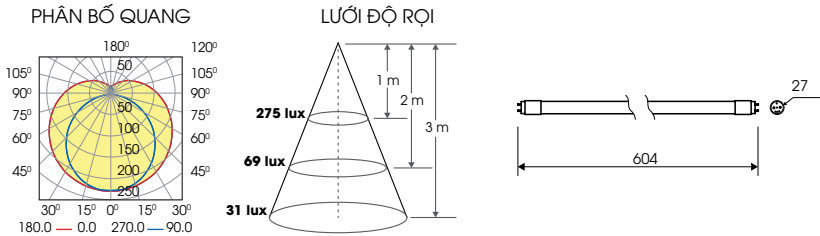


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T8 600/10W	10	150 ÷ 250	0.5	100	1000	3000/6500	82	30000	28x604
T8 1200/20W	20	150 ÷ 250	0.5	115	2300	3000/6500	82	30000	28x1213

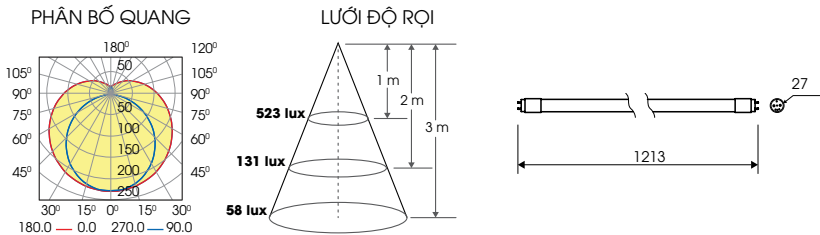
BÓNG ĐÈN LED TUBE THỦY TINH BỌC NHỰA



T8 N02 600/10W



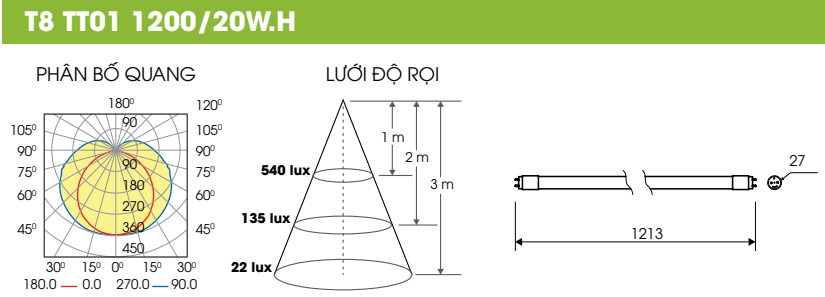
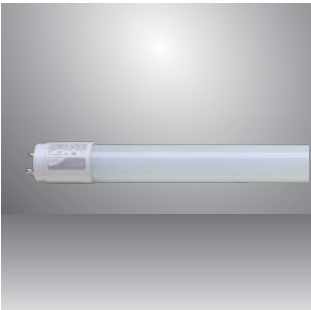
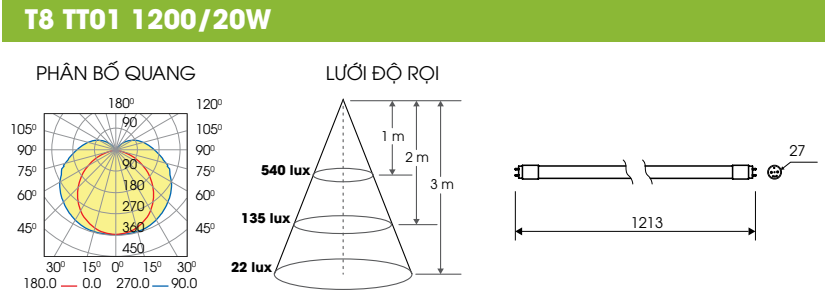
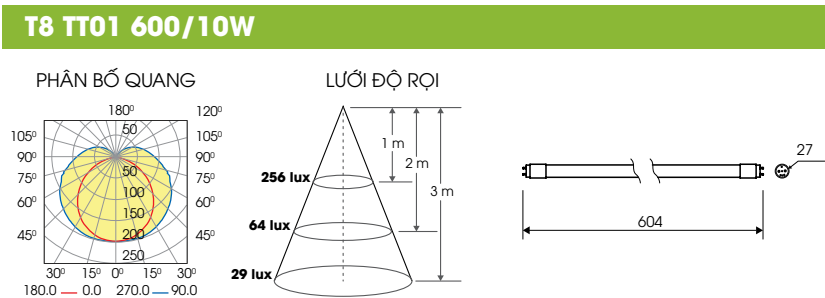
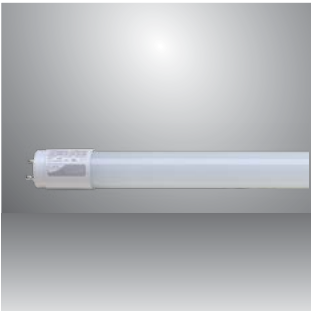
T8 N02 1200/20W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T8 N02 600/10W	10	170 ÷ 250	0.5	100/110	900	3000/6500	82	20000	27x604
T8 N02 1200/20W	20	170 ÷ 250	0.5	110/130	2400/2600	3000/6500	82	20000	27x1213



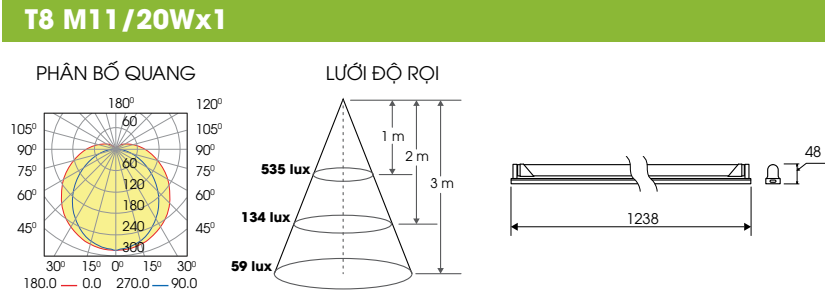
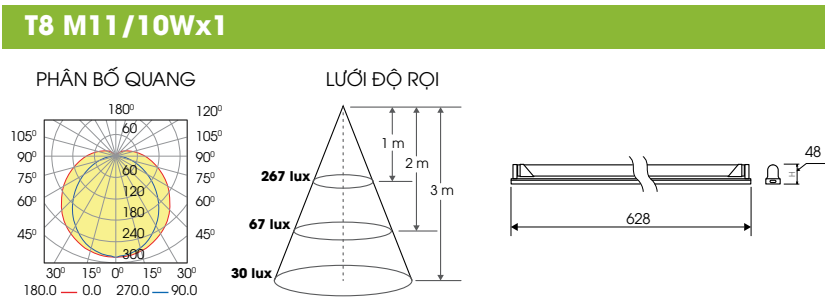
BÓNG ĐÈN LED TUBE THỦY TINH



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
T8 TT01 600/10W	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T8 TT01 600/10W	10	150÷250	0.5	100/110	1000/1100	3000/6500	82	30000	27x604
T8 TT01 1200/20W	20	170÷250	0.5	110/130	2400/2600	3000/6500	82	30000	27x1213
T8 TT01 1200/20W.H	20	170÷250	0.5	140/150	2800/3000	3000/6500	82	30000	27x1213



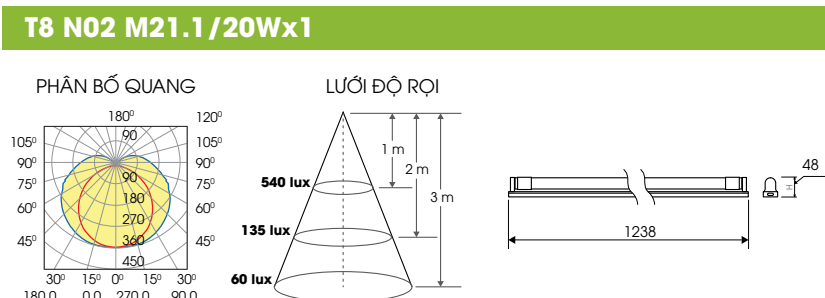
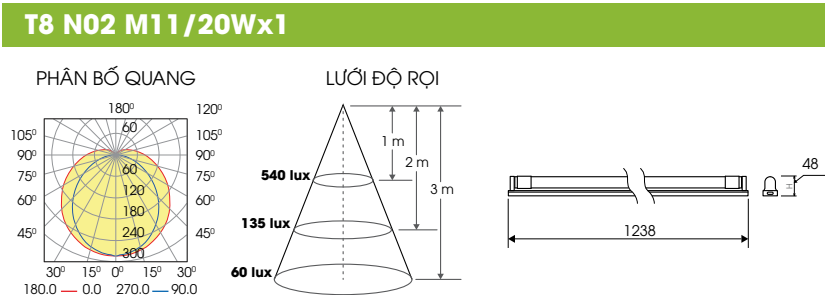
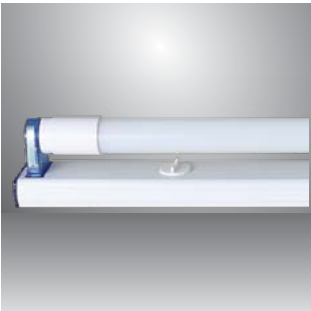
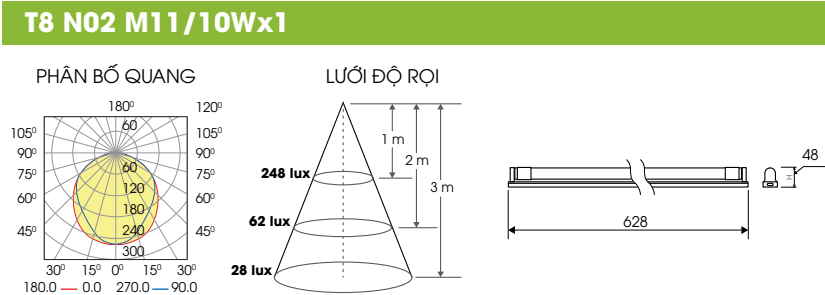
BỘ ĐÈN **LED TUBE NHÔM NHỰA**



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T8 M11/10Wx1	10	150-250	0.5	85	1000	Trắng/Vàng	82	30000	48x628
T8 M11/20Wx1	20	150-250	0.5	100	2300	Trắng/Vàng	82	30000	48x1238



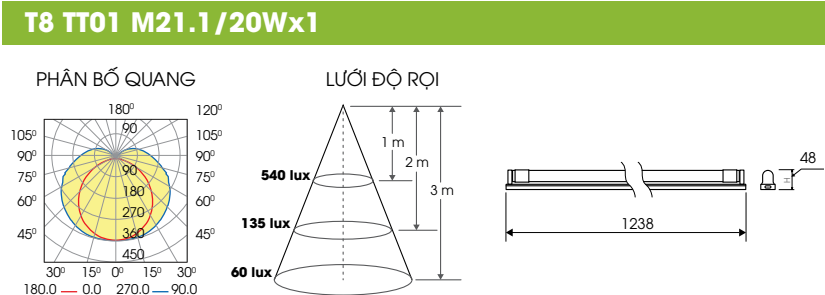
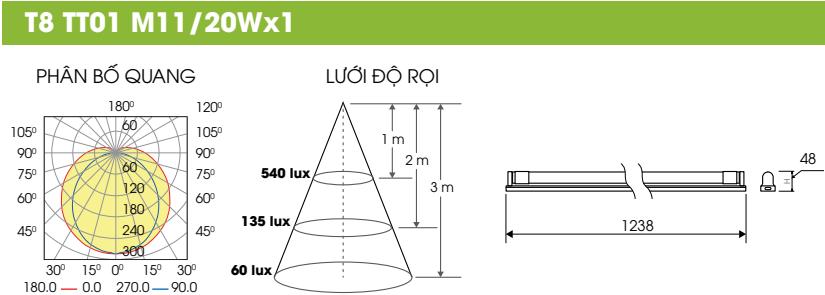
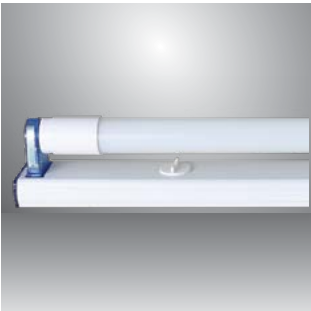
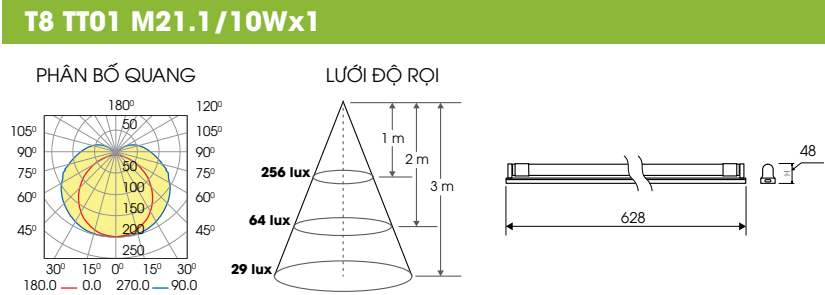
BỘ ĐÈN LED TUBE THỦY TINH BỌC NHỰA



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T8 N02 M11/10Wx1	10	150-250	0.5	110 (6500K) 100 (4000-3000K)	1100 (6500K) 1000 (4000-3000K)	3000/4000/6500	82	20000	48x628
T8 N02 M11/20Wx1	20	150-250	0.5	110	2000	3000/4000/6500	82	20000	48x1238
T8 N02 M21.1/20Wx1	20	150-250	0.5	110	2000	3000/4000/6500	82	20000	48x1238



BỘ ĐÈN **LED TUBE THỦY TINH**



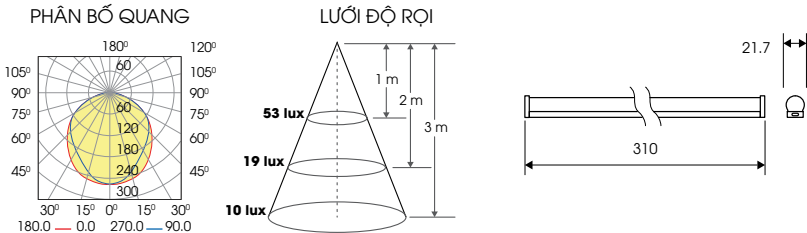
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T8 TT01 M21.1/10Wx1	10	170 ÷ 250	0.5	110 (6500-5000K) 100 (4000-3000K)	1100 (6500-5000K) 1000 (4000-3000K)	3000/4000/5000/6500	82	20000	48x628
T8 TT01 M11/20Wx1	20	170 ÷ 250	0.5	110/120	2200/2400	3000/4000/5000/6500	82	20000	48x1238
T8 TT01 M21.1/20Wx1	20	170 ÷ 250	0.5	110/120	2400/2600	3000/4000/5000/6500	82	20000	48x1238



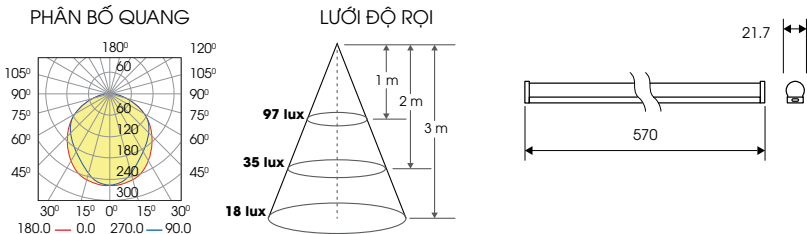
BỘ ĐÈN LED T5 LIỀN THÂN



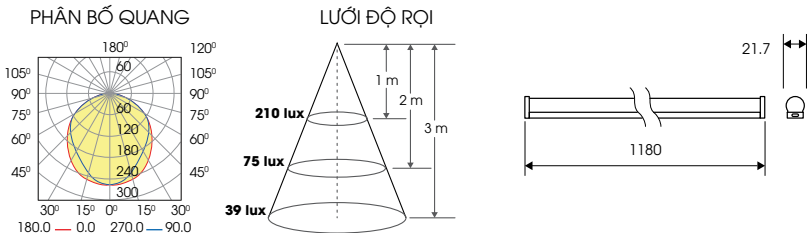
T5 LT03 300/4W



T5 LT03 600/8W



T5 LT03 1200/16W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T5 LT03 300/4W	4	150-250	0.5	90	360	3000/6500	80	15000	21,7x310
T5 LT03 600/8W	8	150-250	0.5	87	700	3000/6500	80	15000	21,7x570
T5 LT03 1200/16W	16	150-250	0.5	87	1300	3000/6500	80	15000	21,7x1180



NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED DOWNLIGHT

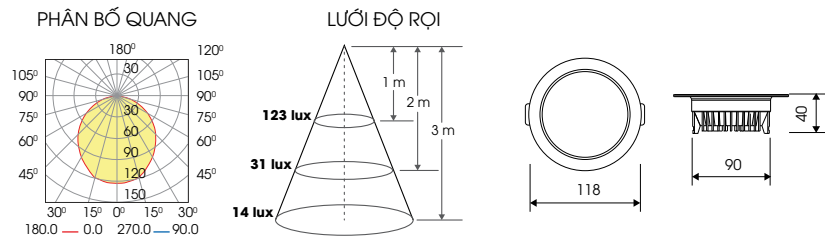
ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc đạt độ tin cậy cao
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI=80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng, ánh sáng trung thực tự nhiên
- Dải điện áp rộng 150 ÷ 250V đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Tương thích điện từ trường không gây ra hiện tượng nhiễu cho sản phẩm điện tử và không bị ảnh hưởng nhiễu của các thiết bị điện tử khác
- Đa dạng công suất, chủng loại, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

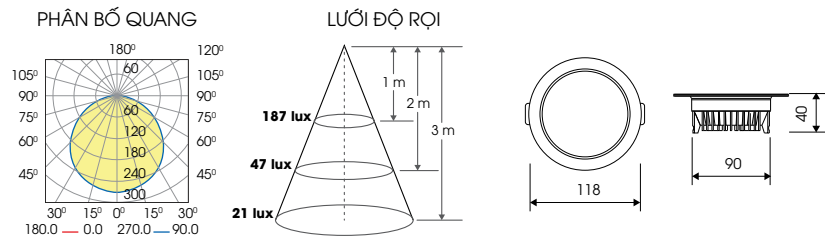
ĐÈN LED DOWNLIGHT AT04



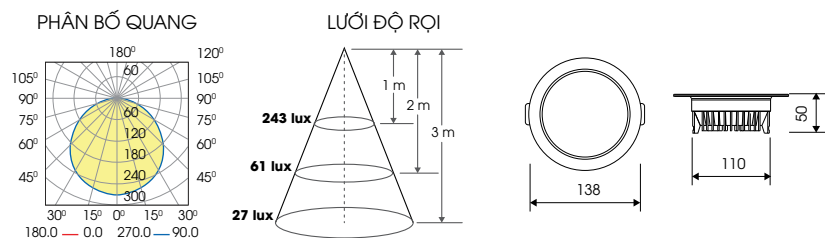
AT04 90/5W



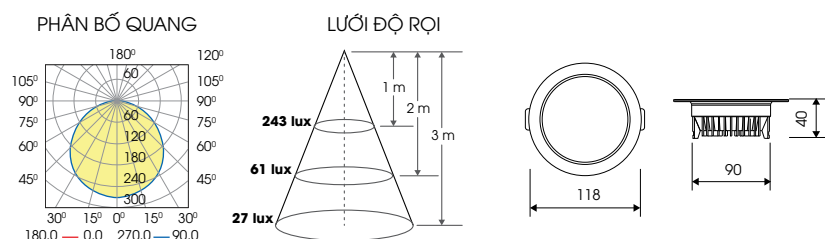
AT04 90/7W



AT04 110/7W



AT04 90/9W

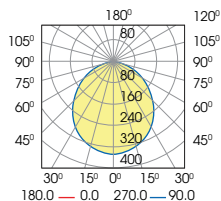


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT04 90/5W	5	150 ÷ 250	0.5	65/60	330/300	3000/4000/6500	80	30000	118x40	90
AT04 90/7W	7	150 ÷ 250	0.5	100	700	3000/4000/6500	80	30000	118x40	90
AT04 110/7W	7	150 ÷ 250	0.5	100	700	3000/4000/6500	80	30000	138x50	110
AT04 90/9W	9	150 ÷ 250	0.5	100	900	3000/4000/6500	80	30000	118x40	90

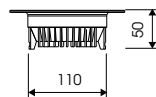
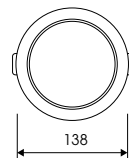
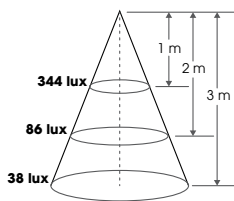


AT04 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

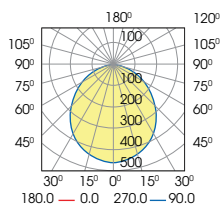


LƯỚI ĐỘ RỌI

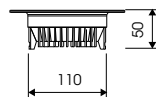
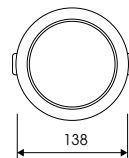
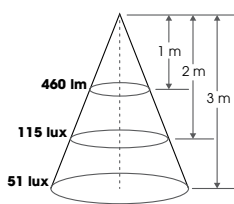


AT04 110/12W

PHÂN BỐ QUANG

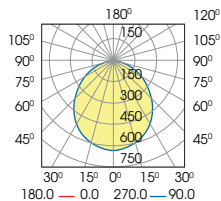


LƯỚI ĐỘ RỌI

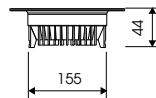
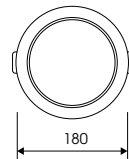
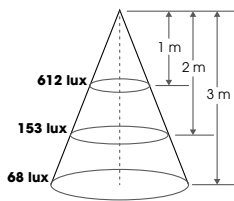


AT04 155/16W

PHÂN BỐ QUANG

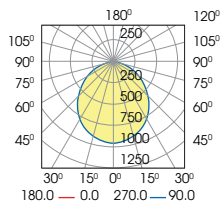


LƯỚI ĐỘ RỌI

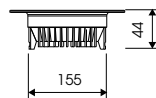
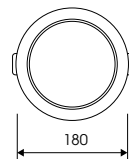
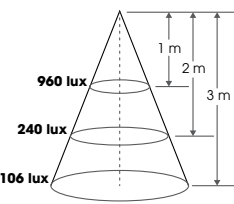


AT04 155/25W

PHÂN BỐ QUANG

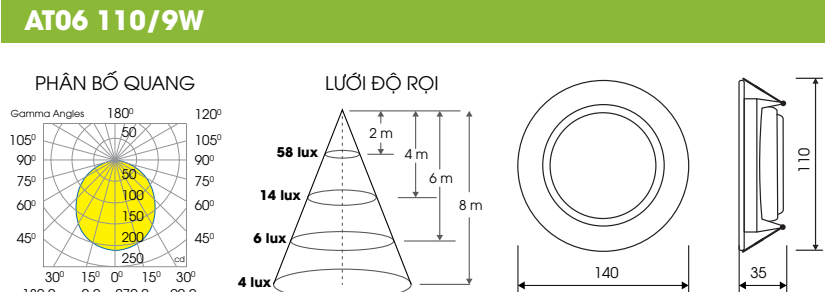
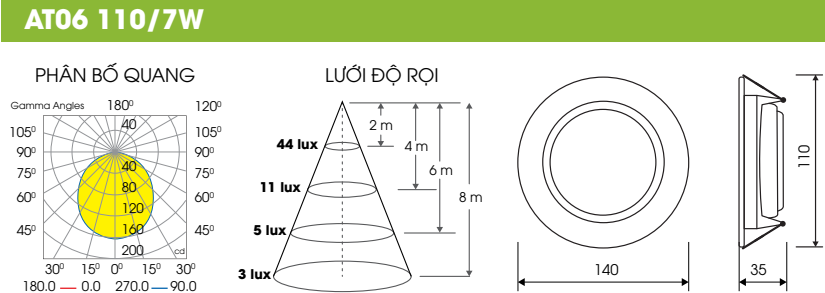
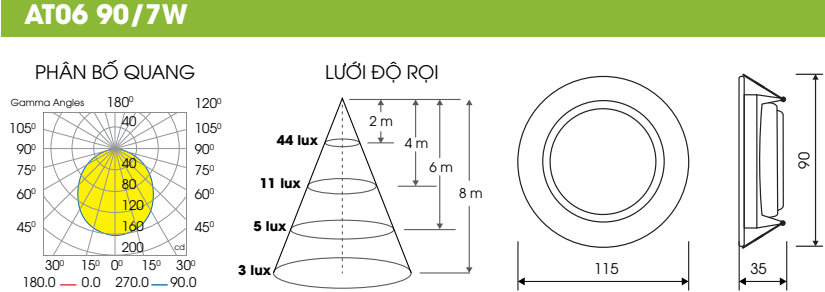
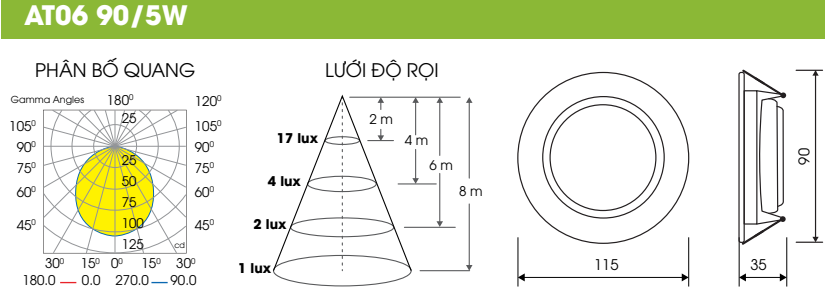
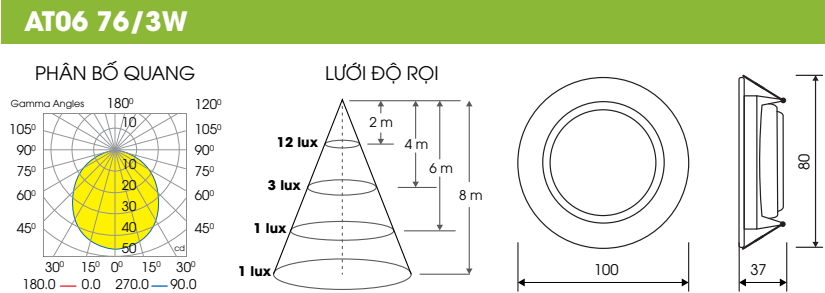


LƯỚI ĐỘ RỌI



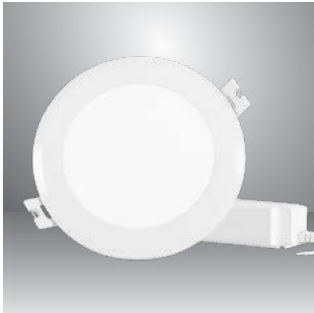
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT04 110/9W	9	150 ÷ 250	0.5	100	900	3000/4000/6500	80	25000	138x50	110
AT04 110/12W	12	150 ÷ 250	0.5	100	1200	3000/4000/6500	80	25000	138x50	110
AT04 155/16W	16	150 ÷ 250	0.5	100	1600	3000/4000/6500	80	25000	180x44	155
AT04 155/25W	25	150 ÷ 250	0.5	100	2000	3000/4000/6500	80	25000	180x44	155

ĐÈN LED DOWNLIGHT AT06

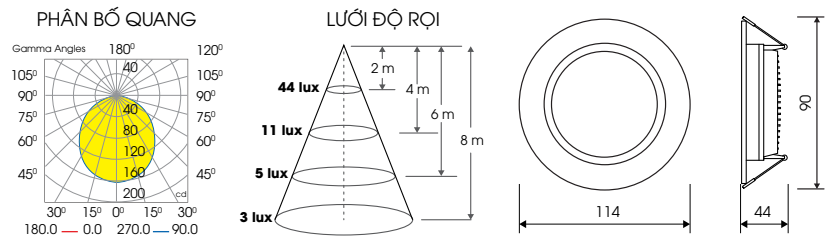


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT06 76/3W	3	150 ÷ 250	50	53/60/60	160/180/180	3000/5000/6500	80	15000	100x37	80
AT06 90/5W	5	150 ÷ 250	50	54/60/60	270/300/300	3000/4000/6500	80	15000	115x35	90
AT06 90/7W	7	150 ÷ 250	50	60/65	410/460	3000/6500	80	15000	115x35	90
AT06 110/7W	7	150 ÷ 250	50	60/65	410/460	3000/6500	80	15000	140x35	110
AT06 110/9W	9	150 ÷ 250	50	60/67	540/600	3000/6500	80	15000	140x35	110

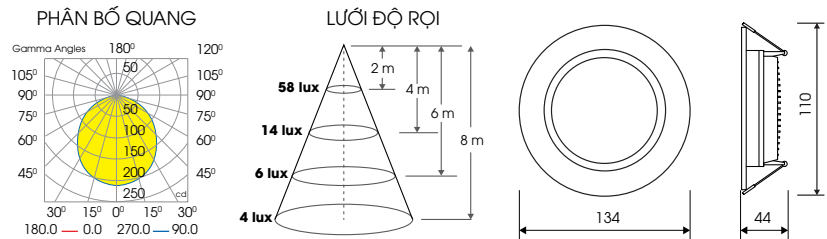
ĐÈN LED DOWNLIGHT AT06.V2



AT06.V2 90/7W



AT06.V2 110/9W

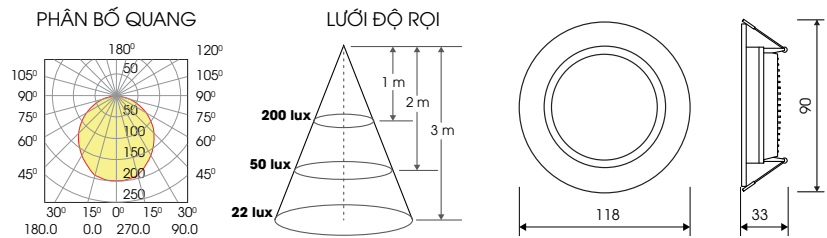


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT06.V2 90/7W	7	150 ÷ 250	0.5	100	700	3000/4000/6500	80	25000	90	114x44
AT06.V2 110/9W	9	150 ÷ 250	0.5	100	900	3000/4000/6500	80	25000	110	134x44

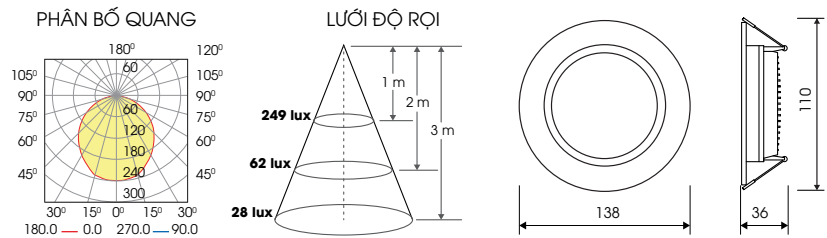
ĐÈN LED DOWNLIGHT AT10



AT10 90/7W (VIỀN VÀNG/VIỀN BẠC)



AT10 110/9W (VIỀN VÀNG/VIỀN BẠC)

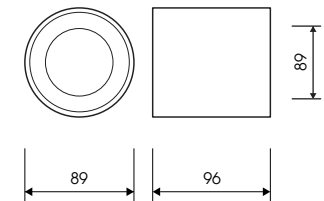


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT10 90/7W (Viền bạc/vàng)	7	150 ÷ 250	0.5	100	700	3000/4000/6500	85	30000	118x33	90
AT10 110/9W (Viền bạc/vàng)	9	150 ÷ 250	0.5	100	900	3000/4000/6500	85	30000	138x36	110

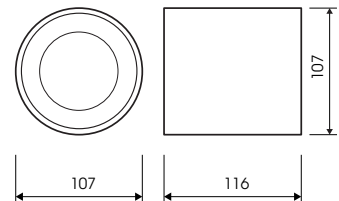
ĐÈN LED DOWNLIGHT NỔI TRẦN



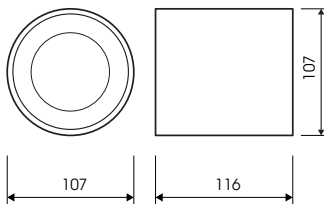
NT01 90/10W



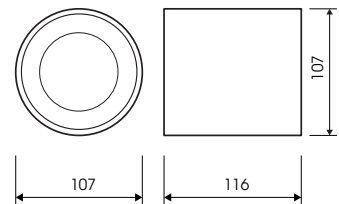
NT01 110/10W



NT01 110/12W



NT01 110/15W

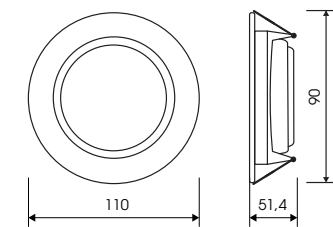


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Chỉ số hoàn màu	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)
	W	V	lm/W	lm	K	°			Giờ	mm
NT01 90/10W	10	150÷250	72/80/80	720/800/800	3000/4000/6500	60	80	IP44	30.000	89x96
NT01 110/10W	10	150÷250	72/80/80	720/800/800	3000/4000/6500	60	80	IP44	30.000	107x116
NT01 110/12W	12	150÷250	70/78/78	840/936/936	3000/4000/6500	60	80	IP44	30.000	107x116
NT01 110/15W	15	150÷250	63/70/70	945/1050/1050	3000/4000/6500	60	80	IP44	30.000	107x116

LED DOWNLIGHT DIỆT KHUẨN



AT21.UV 90/7W



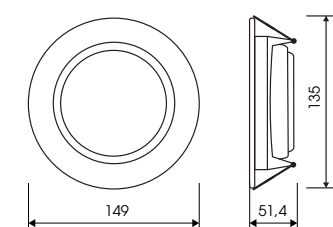
• Tích hợp chip LED UV-C và cảm biến Radar, đèn sáng như đèn thường khi có người và bật chế độ khử khuẩn khi không còn phát hiện chuyển động.

• Góc phát hiện 90°. Diện tích khử trùng 4m²

• 2 chế độ khử trùng: Tự động 30 phút; Chuyên sâu 3 giờ



AT21.UV 135/14W



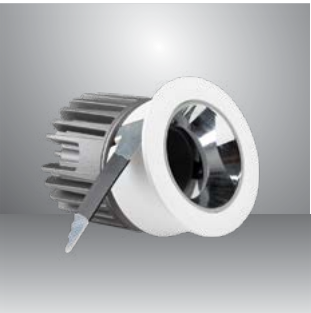
• Tích hợp chip LED UV-C và cảm biến Radar, đèn sáng như đèn thường khi có người và bật chế độ khử khuẩn khi không còn phát hiện chuyển động.

• Góc phát hiện 90°. Diện tích khử trùng 9m²

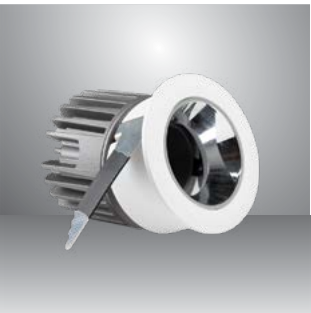
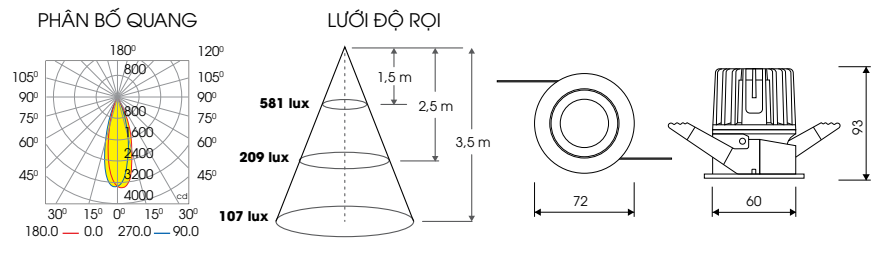
• 2 chế độ khử trùng: Tự động 20 phút; Chuyên sâu 2 giờ.

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT21.UV 90/7W	7	150÷250	0.5	80	560	3000/6500	80	15000	90	110x51.4
AT21.UV 135/14W	14	150÷250	0.5	80	1000	3000/6500	80	35000	135	149x51.4

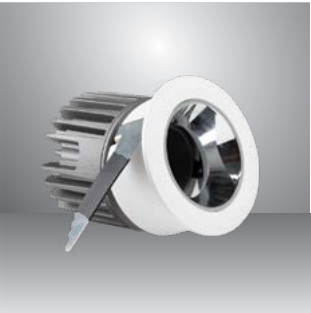
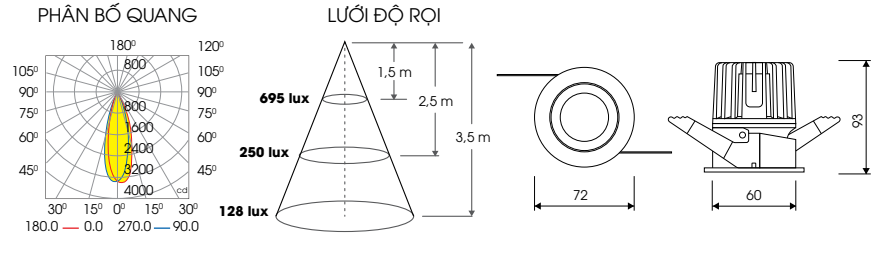
ĐÈN DOWNLIGHT XOAY GÓC



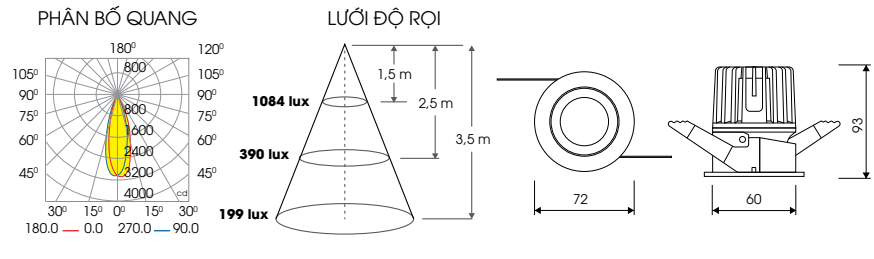
AT22 60/7W



AT22 60/9W



AT22 60/12W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Xoay góc	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (øxH)
	W	V	lm/W	lm	K	°	°		Giờ	mm	mm
AT22 60/7W	7	150÷250	42/50/50	300/350/350	3000/4000/5000	15	20	90	30000	60	72x93
AT22 60/9W	9	150÷250	55/61/61	500/550/550	3000/4000/5000	15	20	90	30000	60	72x93
AT22 60/12W	12	150÷250	52/58/58	630/700/700	3000/4000/5000	15	20	90	30000	60	72x93



NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED ỒP TRẦN

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

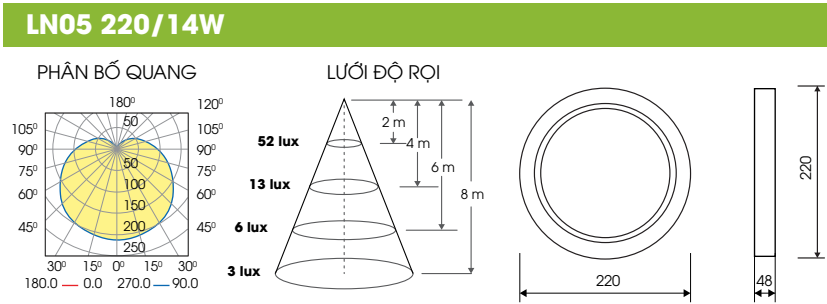
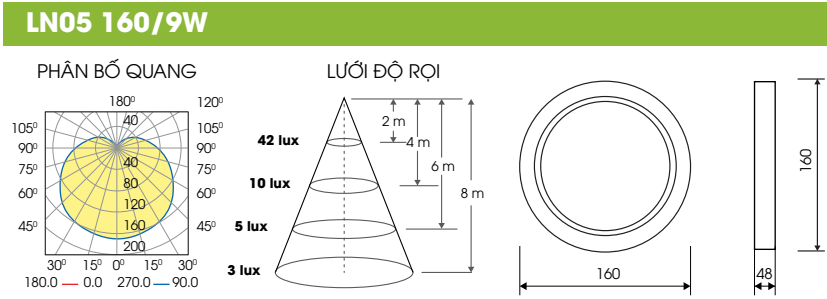
- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc đạt độ tin cậy cao
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI=80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng, ánh sáng trung thực tự nhiên
- Dải điện áp rộng 150 ÷ 250V đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Tương thích điện từ trường không gây ra hiện tượng nhiễu cho sản phẩm điện tử và không bị ảnh hưởng nhiễu của các thiết bị điện tử khác
- Độ kín khít cao, chống côn trùng xâm nhập
- Đa dạng công suất, chủng loại, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng indoor - Chiếu sáng hộ gia đình, căn hộ, tòa nhà: Hành lang, ban công, gara oto, phòng khách, phòng bếp, phòng wc...



ĐÈN LED ỒP TRẦN LN05



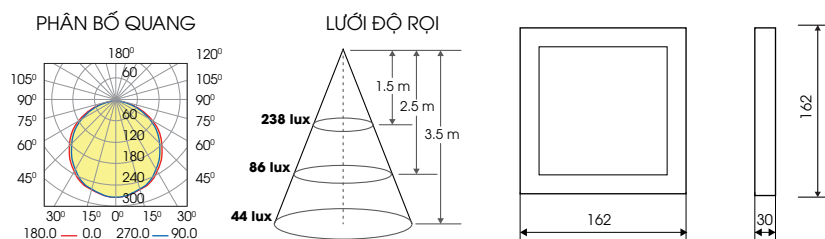
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm / W	lm	K		Giờ	mm
LN05 160/9W	9	170 ÷ 250	0.5	67	600	3000/6500	80	15000	160x160x48
LN05 220/14W	14	170 ÷ 250	0.5	78	1100	3000/6500	80	15000	220x220x48



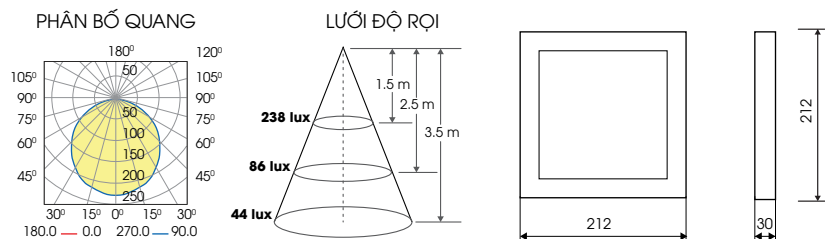
ĐÈN LED ỒP TRẦN LN08



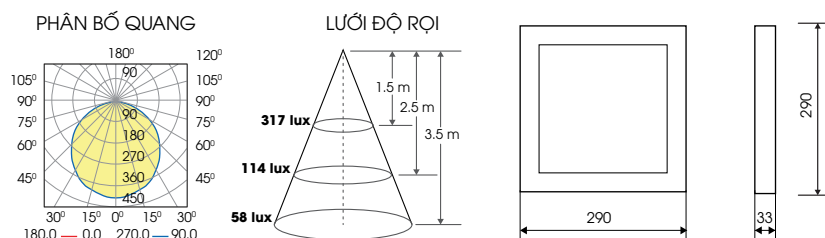
LN08 170x170/12W



LN08 230x230/18W

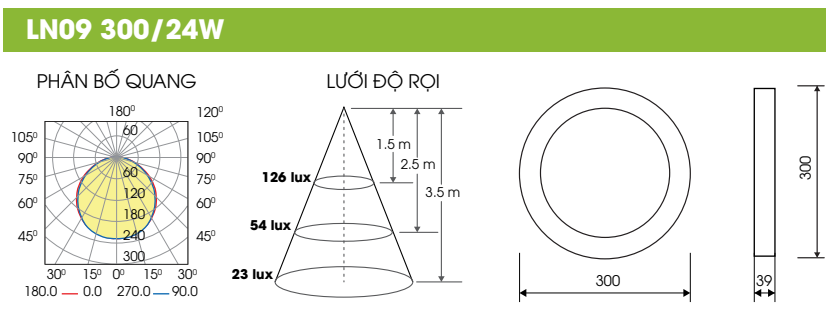
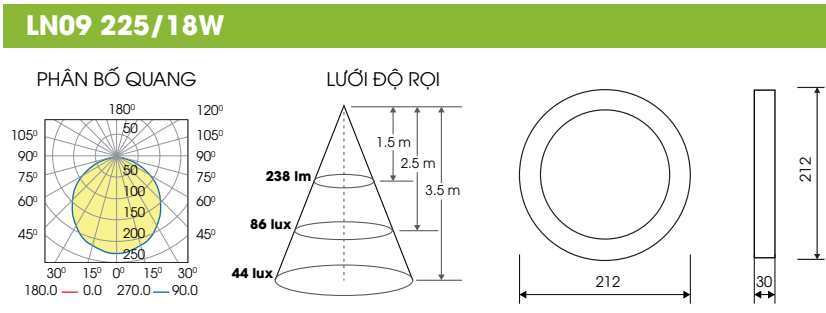
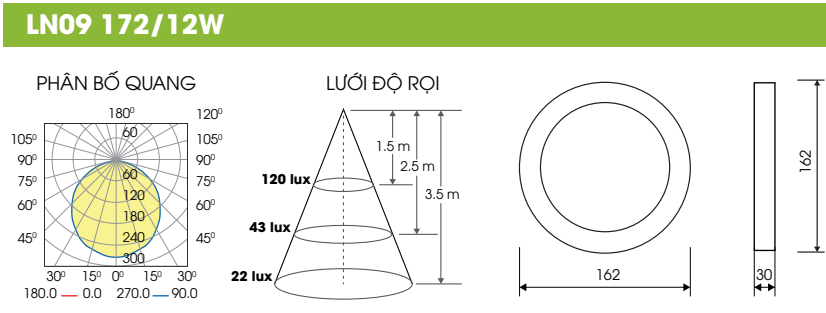
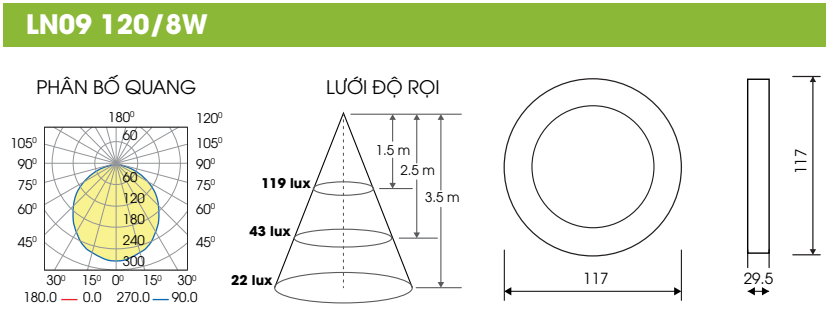


LN08 300x300/24W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN08 170x170/12W	12	170 ÷ 250	0.5	65	750	3000/6500	80	20000	162 x 162 x 30
LN08 230x230/18W	18	170 ÷ 250	0.5	70	1100	3000/6500	80	20000	212 x 212 x 30
LN08 300x300/24W	24	170 ÷ 250	0.5	75	1800	3000/6500	80	20000	290 x 290 x 33

ĐÈN LED ỐP TRẦN LN09



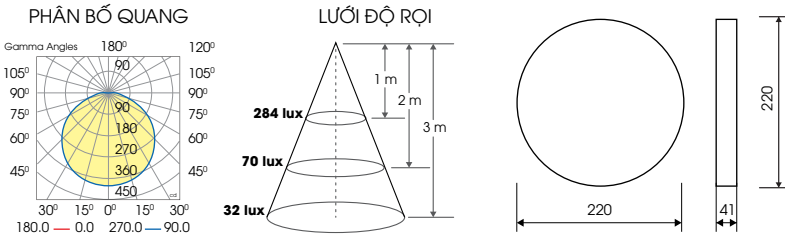
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN09 120/8W	8	150 ÷ 250	0.5	73/81/81	584/650/650	3000/4000/6500	80	25000	117x117x29.5
LN09 172/12W	12	170 ÷ 250	0.5	65	750	3000/6500	80	20000	162x162x30
LN09 225/18W	18	170 ÷ 250	0.5	70	1100	3000/6500	80	20000	212x212x30
LN09 300/24W	24	170 ÷ 250	0.5	70/75	1800/1900	3000/6500	80	20000	300x300x39



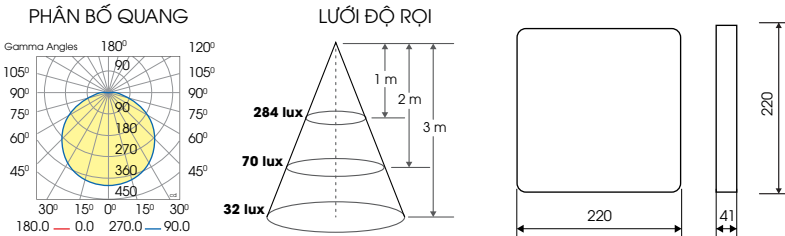
ĐÈN LED ỐP TRẦN ĐỂ NHỰA LN12N



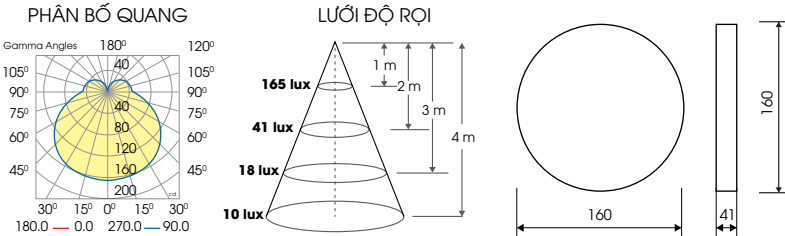
LN12N 220/18W



LN12N 220x220/18W



LN12N 170/12W

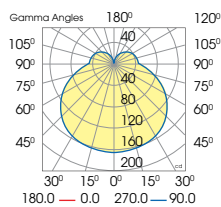


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
LN12N 220/18W	18	170 ÷ 250	0.5	70	1100	3000/6500	80	20000	220 x220x41
LN12N 220x220/18W	18	170 ÷ 250	0.5	70	1100	3000/6500	80	20000	220 x220x41
LN12N 170/12W	12	150 ÷ 250	0.5	75/68	810/900	3000/6500	80	25000	160x160x41

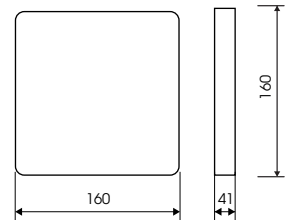
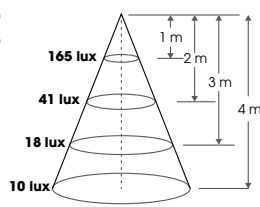


LN12N 170x170/12W

PHÂN BỐ QUANG

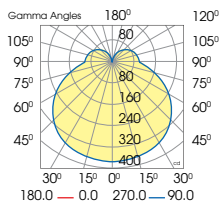


LƯỚI ĐỘ RƠI

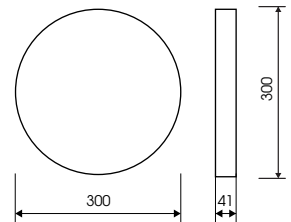
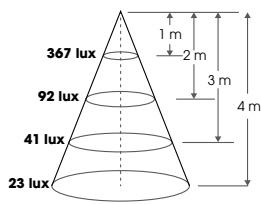


LN12N 300/24W

PHÂN BỐ QUANG

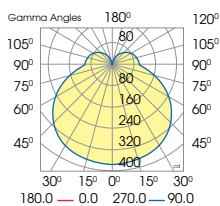


LƯỚI ĐỘ RƠI

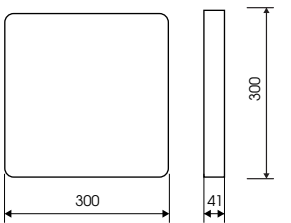
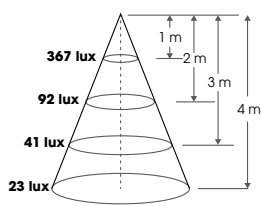


LN12N 300x300/24W

PHÂN BỐ QUANG

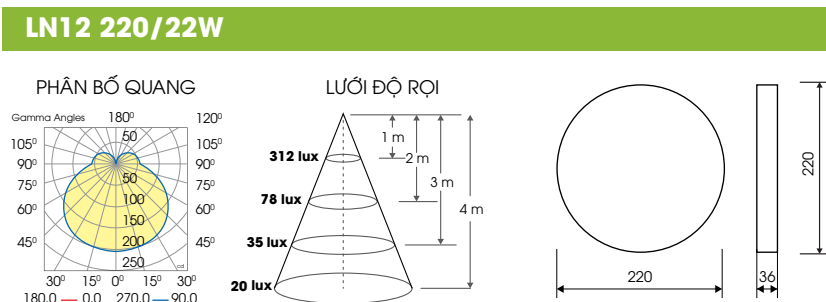
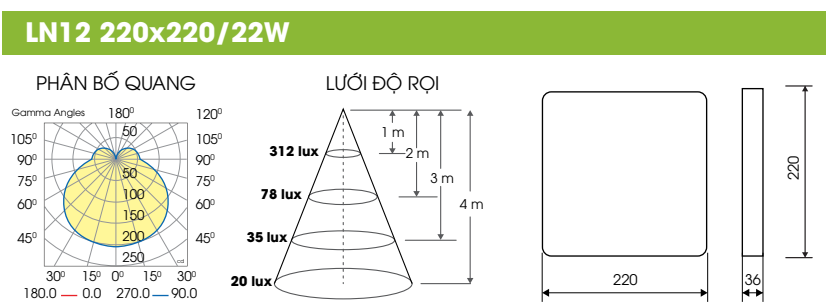
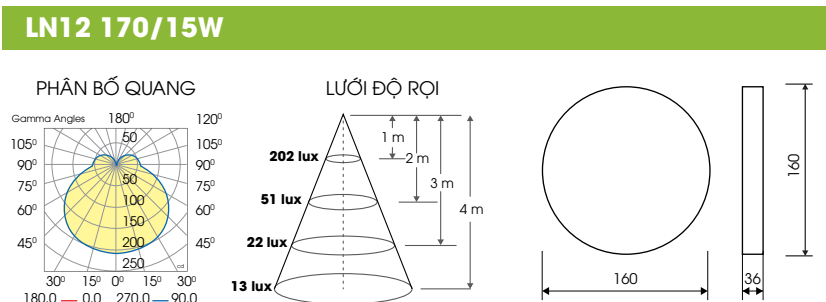
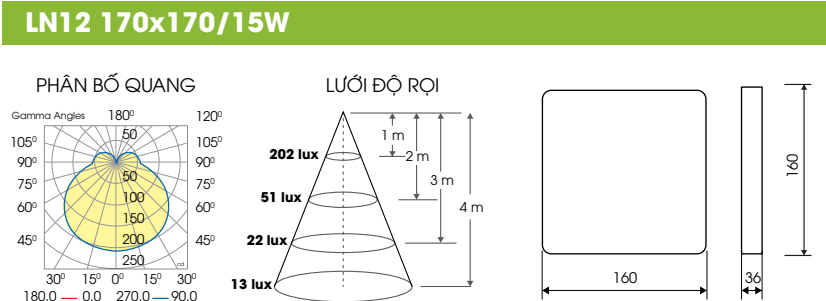


LƯỚI ĐỘ RƠI



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
LN12N 170x170/12W	12	150 ÷ 250	0.5	75/68	900/810	3000/6500	80	25000	160x160x41
LN12N 300/24W	24	150 ÷ 250	0.5	83/75	2000/1800	3000/6500	80	25000	300 x300x41
LN12N 300x300/24W	24	150 ÷ 250	0.5	83/75	1800/2000	3000/6500	80	25000	300 x300x41

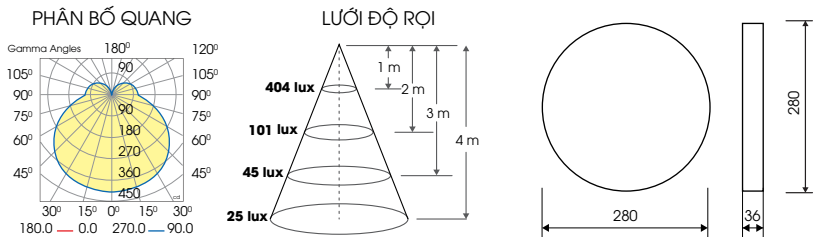
ĐÈN LED ỚP TRẦN ĐẾ NHÔM LN12



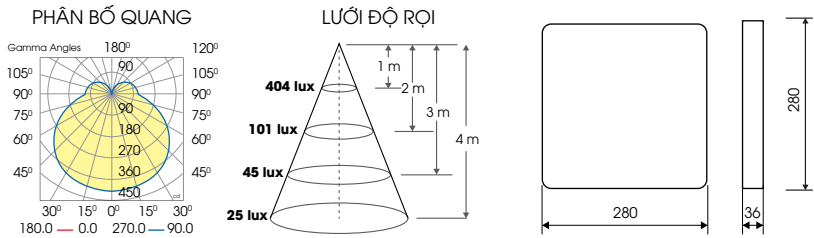
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm / W	lm	K		giờ	mm
LN12 170x170/15W	15	150 ÷ 250	0.5	74/66	990/1100	3000/6500	80	30000	160 x160 x36
LN12 170/15W	15	150 ÷ 250	0.5	74/66	990/1100	3000/6500	80	30000	160 x160 x36
LN12 220x220/22W	22	150 ÷ 250	0.5	78/70	1530/1700	3000/6500	80	30000	220 x220 x 36
LN12 220/22W	22	150 ÷ 250	0.5	78/70	1530/1700	6500K/ 3000K	80	30000	220 x220 x 36



LN12 300/30W



LN12 300x300/30W

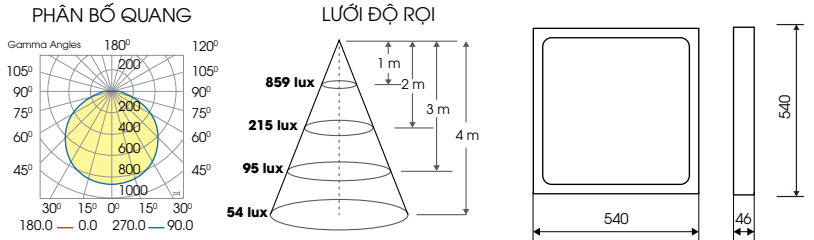


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
LN12 300x300/30W	30	150 ÷ 250	0.5	74/66	2200/1980	6500K/3000K	80	30000	280 x280x36
LN12 300/30W	30	150 ÷ 250	0.5	74/66	2200/1980	6500K/3000K	80	30000	280 x280x36

ĐÈN LED ỐP TRẦN LN16



LN16 540x540/40W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
LN16 540x540/40W	40	150 ÷ 250	0.5	100/90	4000/3600	6500K/3000K	80	25000	540 x540x46



NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED PANEL

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc đạt độ tin cậy cao.
- Chất lượng ánh sáng cao ($CRI \geq 80$) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng, ánh sáng trung thực tự nhiên.
- Tương thích điện từ trường EMC/EMI.
- Tối ưu mặt thiết kế chiếu sáng để đáp ứng tiêu chí chiếu sáng công trình xanh.
- Độ kín khít cao, chống côn trùng xâm nhập.
- Đa dạng công suất, chủng loại, kiểu dáng (vuông/tròn/chữ nhật) đáp ứng nhu cầu khách hàng.

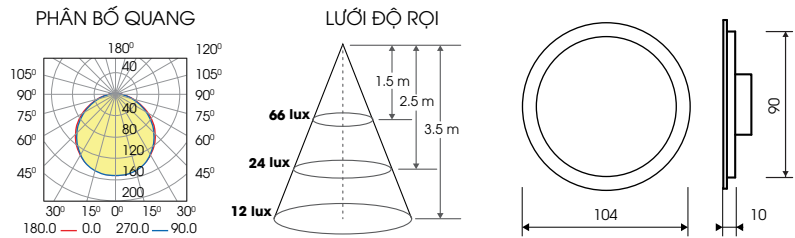
ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng hộ gia đình, căn hộ: Phòng khách, phòng bếp.
- Chiếu sáng văn phòng tòa nhà, bệnh viện, trung tâm thương mại...: Phòng làm việc, phòng họp, tiền sảnh.
- Lắp đặt âm trần.

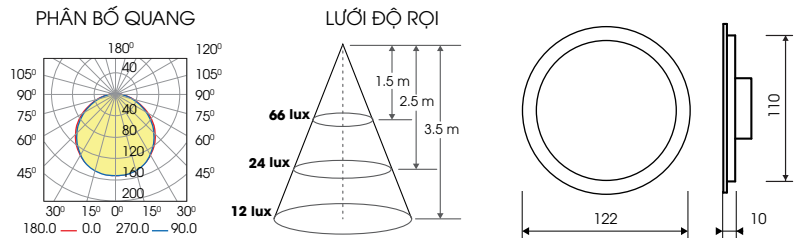
ĐÈN LED PANEL TRÒN PT04.V2



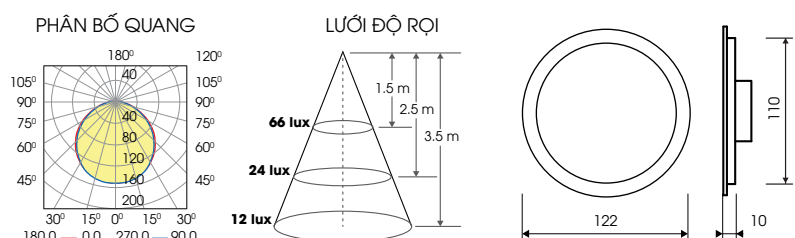
PT04.V2 90/7W



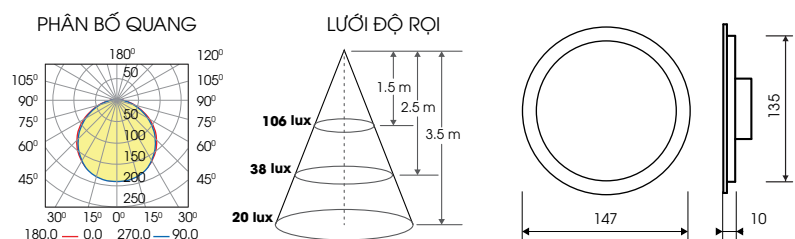
PT04.V2 110/7W



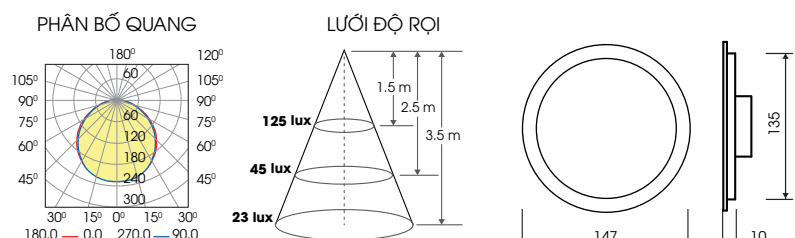
PT04.V2 110/9W



PT04.V2 135/9W



PT04.V2 135/12W

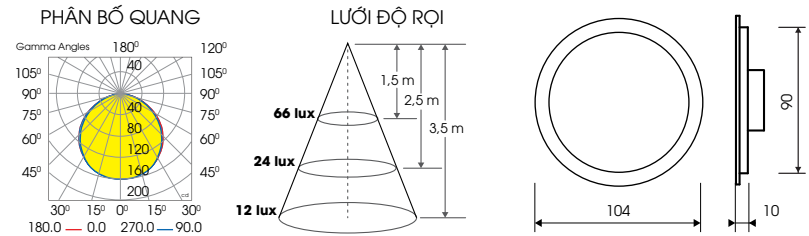


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
PT04.V2 90/7W	7	150÷250	0.5	64/71/71	450/500/500	3000/4000/6500	80	25000	90	104x10
PT04.V2 110/7W	7	150÷250	0.5	70/78/78	495/550/550	3000/4000/6500	80	25000	110	122x10
PT04.V2 110/9W	9	150÷250	0.5	70/77/77	630/700/700	3000/4000/6500	80	25000	110	122x10
PT04.V2 135/9W	9	150÷250	0.5	80/88/88	720/800/800	3000/4000/6500	80	25000	135	147x10
PT04.V2 135/12W	12	150÷250	0.5	75/83/83	900/1000/1000	3000/4000/6500	80	25000	135	147x10

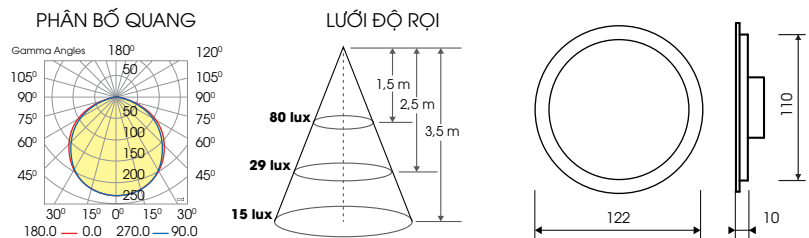
ĐÈN LED PANEL TRÒN PT05



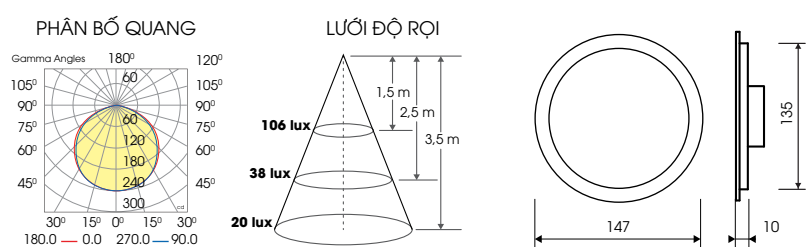
PT05 90/7W



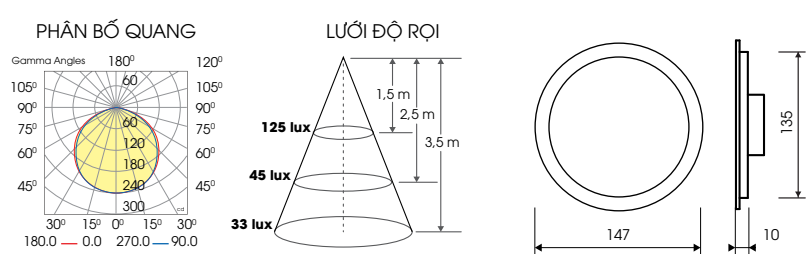
PT05 110/9W



PT05 135/9W



PT05 135/12W

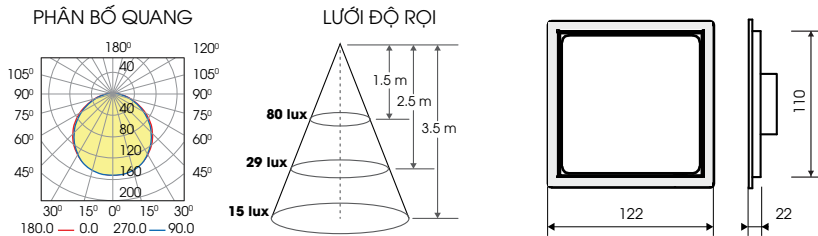


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
PT05 90/7W	7	150÷250	0,5	64/71/71	450/500/500	3000/4000/6500	80	25000	90	104x10
PT05 110/9W	9	150÷250	0,5	70/77/77	630/700/700	3000/4000/6500	80	25000	110	122x10
PT05 135/9W	9	150÷250	0,5	80/88/88	720/800/800	3000/4000/6500	80	25000	135	147x10
PT05 135/12W	12	150÷250	0,5	75/83/83	900/1000/1000	3000/4000/6500	80	25000	135	147x10

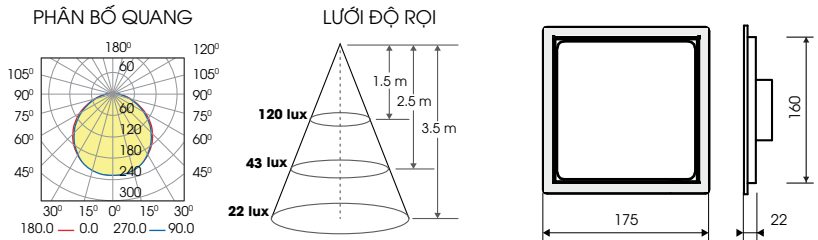
ĐÈN LED PANEL VUÔNG PN04



PN04 110x110/9W

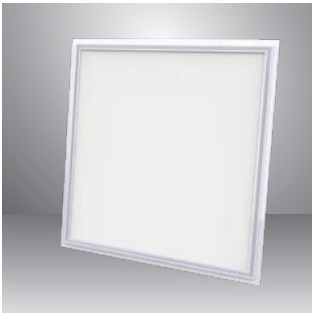


PN04 160x160/12W

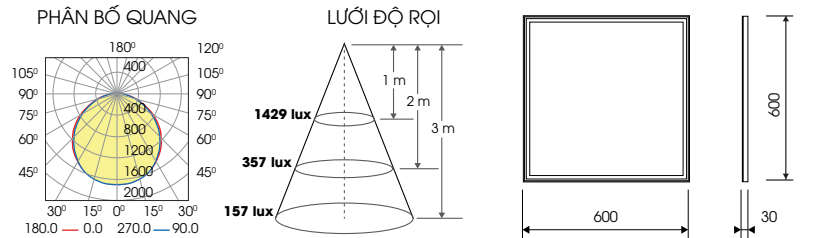


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (WxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
PN04 110x110/9W	9	150 ÷ 250	0.5	55/61	495/550	3000/6500	80	20000	122x22	110
PN04 160x160/12W	12	150 ÷ 250	0.5	60/66	720/800	3000/6500	80	20000	175 x22	160

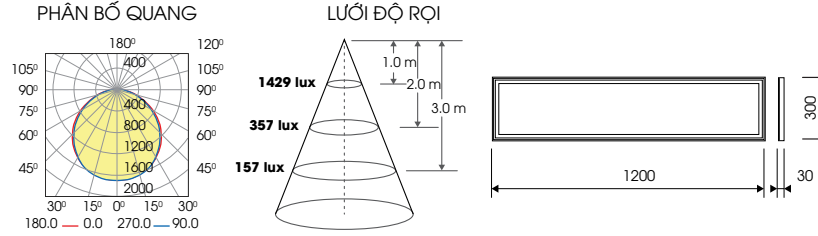
ĐÈN LED PANEL P06



P06 600x600/40W



P06 300x1200/40W



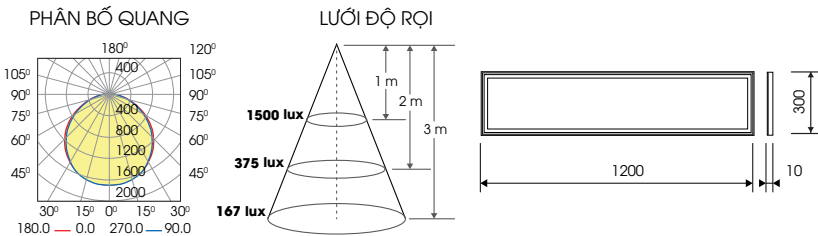
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
P06 600x600/40W	40W	150 ÷ 250	0.5	90/100	3600/4000	3000/4000/6500	80	25000	600x600x30
P06 300x1200/40W	40W	150 ÷ 250	0.5	90/100	3600/4000	3000/4000/6500	80	25000	1200x300x30



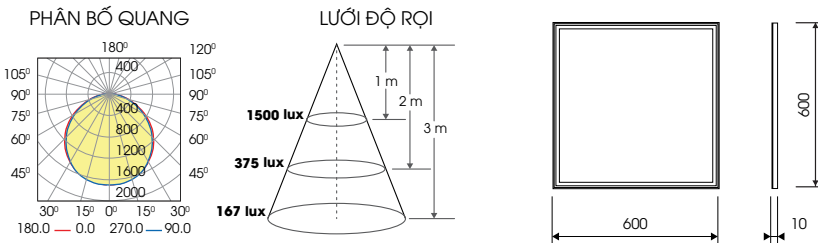
ĐÈN LED PANEL CHIẾU CẠNH P08



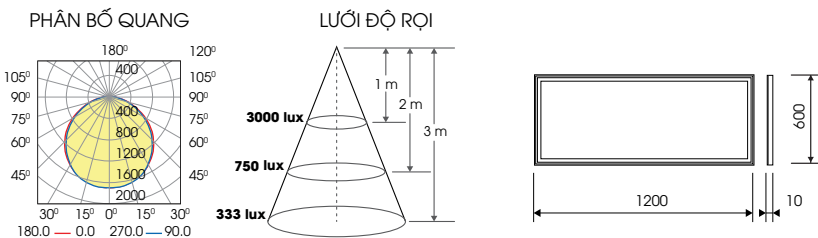
P08 300x1200/40W



P08 600x600/40W



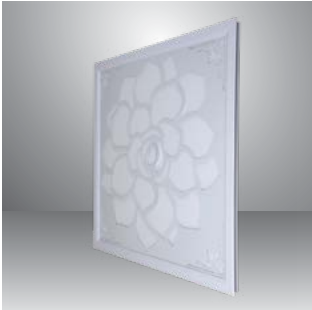
P08 600x1200/80W



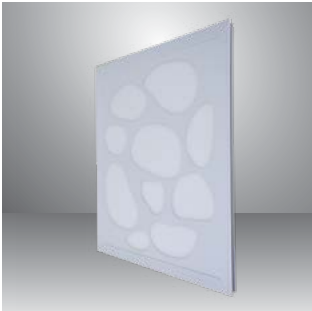
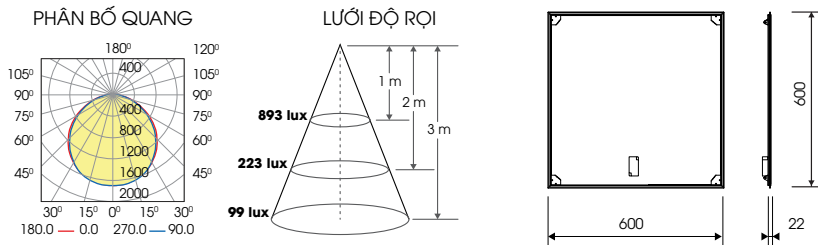
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
P08 300x1200/40W	40	150 ÷ 250	0.9	100/105	4000/4200	3000/4000/6500	80	25000	1200x300x10
P08 600x600/40W	40	150 ÷ 250	0.9	100/105	4000/4200	3000/4000/6500	80	25000	600x600x10
P08 600x1200/80W	80	150 ÷ 250	0.9	100/105	8000/8400	3000/4000/6500	80	25000	1200x600x10



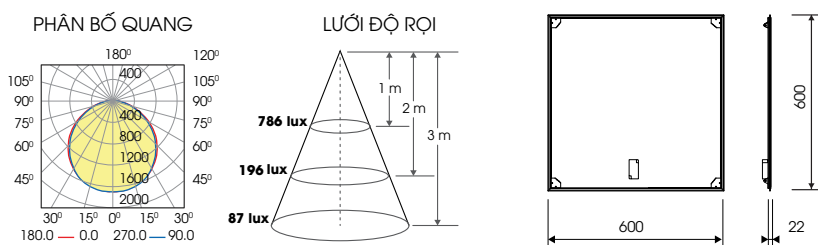
ĐÈN **LED PANEL TRANG TRÍ P04**



P04 TTR01 600x600/40W



P04 TTR03 600x600/40W

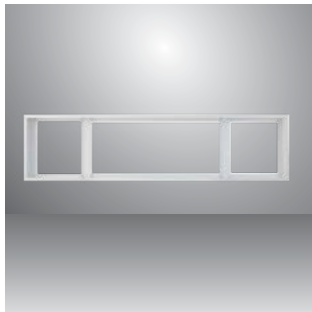


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxH)	Dòng điện Max
P04 TTR01 600x600/40W	40	150 ÷ 250	0.9	50	2000	3000/6500	80	25000	600x600x22	0.17
P04 TTR03 600x600/40W	40	150 ÷ 250	0.9	55	2200	3000/6500	80	25000	600x600x22	0.17

* Hoa văn trang trí có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng



GIÁ TREO ĐÈN LED PANEL



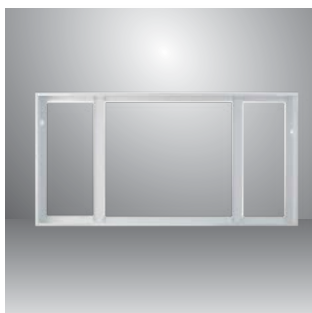
GTP 300x1200

Kích thước: (300x1200x10) mm



GTP 600x600

Kích thước: (600x600x10) mm



GTP 600x1200

Kích thước: (600x1200x10) mm



NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED DÂY

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất sáng cao, tuổi thọ cao
- Cấu tạo vỏ nhựa PVC có độ bền cao, dễ dàng uốn cong và khả năng chống nước tốt (IP65)

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng trong nhà: trang trí hắt trần thạch cao, hắt tường, tạo điểm nhấn cho phòng khách, phòng ngủ; chiếu sáng bổ sung cho kệ, tủ bếp,...
- Chiếu sáng ngoài trời: sân vườn, cây cối, tòa nhà,...

ĐÈN LED DÂY **CHIẾU SÁNG**

LD01 1000/7W



Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150 ÷ 250
Quang thông (lm):	300
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxC) (mm):	14x8
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

LD01 1000/9W



Công suất (W):	9
Dải điện áp hoạt động (V):	150 ÷ 250
Quang thông (lm):	700
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxC) (mm):	18x9
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

ĐÈN LED DÂY **TRANG TRÍ**

LD01.B 1000/7W



Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150 ÷ 250
Màu ánh sáng:	Blue
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxC) (mm):	13x7
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	100

LD01.R 1000/7W



Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150 ÷ 250
Màu ánh sáng:	Red
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxC) (mm):	13x7
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	100

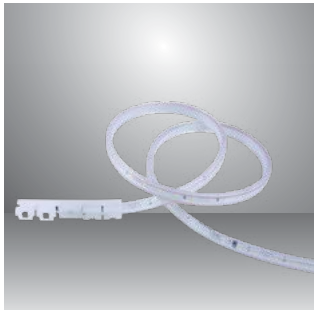
LD01 1000/12W (12VDC)



Công suất (W):	12
Điện áp hoạt động (VDC):	12
Quang thông (lm):	1300
Nhiệt độ màu:	3000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25000
Chiều dài nhỏ nhất có thể cắt (m):	0.025
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	100

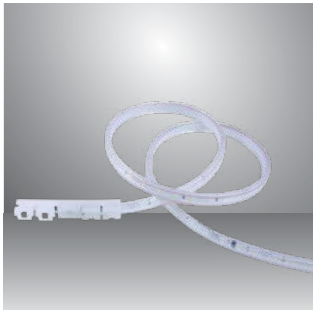
BỘ PHỤ KIỆN LED DÂY

Bộ phụ kiện nối dài Đèn LED dây LD01 1000/7W



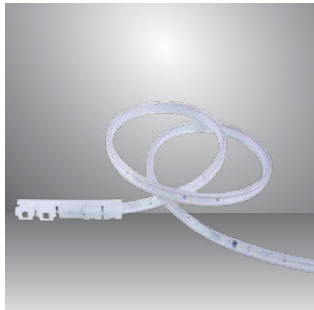
Cấp bảo vệ: IP65
Số lượng/ thùng (cái): 50

Bộ phụ kiện nối dài Đèn LED dây LD01 1000/9W



Cấp bảo vệ: IP65
Số lượng/ thùng (cái): 50

Bộ phụ kiện nối dài Đèn LED dây LD01 ĐM 1000/9W



Cấp bảo vệ: IP65
Số lượng/ thùng (cái): 50

BỘ DRIVER LED DÂY

DR-LD01 1000/7W



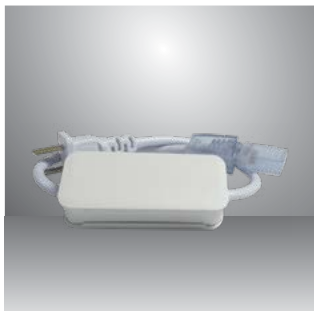
Công suất Max (W):	500
Điện áp vào (VAC):	150 ÷ 250
Điện áp ra (VDC):	150 ÷ 250
Nhiệt độ làm việc (°C):	-10 ÷ 40
Cấp bảo vệ:	IP65

DR-LD01 1000/9W



Công suất Max (W):	500
Điện áp vào (VAC):	150 ÷ 250
Điện áp ra (VDC):	150 ÷ 250
Nhiệt độ làm việc (°C):	-10 ÷ 40
Cấp bảo vệ:	IP65

DR-LD01 ĐM 1000/9W



Công suất Max (W):	500
Điện áp vào (VAC):	150 ÷ 250
Điện áp ra (VDC):	150 ÷ 250
Nhiệt độ làm việc (°C):	-10 ÷ 40
Cấp bảo vệ:	IP65
Lưu ý:	1 Bộ Driver chỉ sử dụng cho tối đa 25m

NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED GẮN TƯỜNG

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn sáng LED hiệu suất cao, tuổi thọ cao
- Kiểu dáng thiết kế độc đáo, hiện đại, tạo điểm nhấn cho không gian ngôi nhà
- Phân bố ánh sáng bán trực tiếp: phù hợp chiếu sáng nội thất
- Chỉ số hoàn màu cao ($Ra=80$) mang đến ánh sáng trung thực, sắc nét
- Nhiệt độ làm việc rộng $-10^{\circ}\text{C} \div 40^{\circ}\text{C}$: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đới gió mùa

HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Tiết kiệm đến 50-80% điện năng thay thế bộ đèn gắn tường sử dụng bóng sợi đốt, halogen, compact. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 15.000÷30.000 giờ (L_{70}), cao gấp 3 lần đèn sợi đốt; 3÷6 lần bộ đèn bóng compact; không hạn chế số lần tắt bật

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng tạo điểm nhấn cho các không gian phòng khách, phòng ngủ, hành lang, cầu thang, văn phòng,....

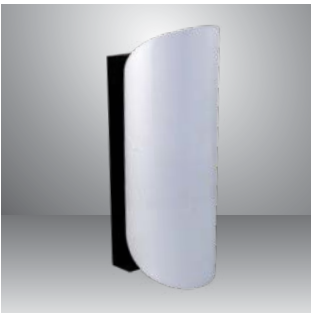
ĐÈN LED GẮN TƯỜNG

GT05 T/2,5W



Công suất (W):	2,5
Điện áp danh định (V / Hz):	220 / 50
Nhiệt độ màu (K):	2700
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	20000
Kích thước (RxC) (mm):	213x93x128

GT06 CD/2,5W



Công suất (W):	2,5
Điện áp danh định (V / Hz):	220 / 50
Nhiệt độ màu (K):	2700
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	20000
Kích thước (RxC) (mm):	265x95x115

GT08 /2,5W



Công suất (W):	2,5
Điện áp danh định (V / Hz):	220 / 50
Nhiệt độ màu (K):	2700
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	20000
Kích thước (RxC) (mm):	135x95x183

GT07 /5W



Công suất (W):	5
Điện áp danh định (V / Hz):	220 / 50
Quang thông (lm):	300
Nhiệt độ màu (K):	Trắng / Vàng
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	15000
Kích thước (DxRxC) (mm):	307x108x100

GT08 /5W



Công suất (W):	5
Điện áp danh định (V / Hz):	220 / 50
Quang thông (lm):	250
Nhiệt độ màu (K):	Trắng / Vàng
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	15000
Kích thước (DxRxC) (mm):	187x143x100

GT12/5W



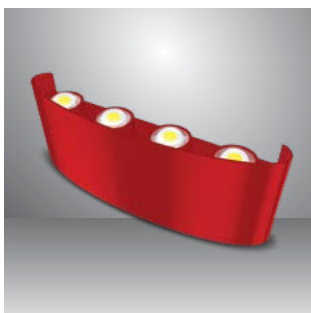
Công suất (W):	5
Điện áp danh định (V / Hz):	220 / 50
Quang thông (lm):	350
Nhiệt độ màu (K):	3000
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	15000
Kích thước (DxRxH) (mm):	217x177x112

GT18.3M 6W



Công suất (W):	6
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Hệ số công suất:	0,5
Quang thông (lm):	400 / 440 / 440
Hiệu suất sáng (lm / W):	66 / 73 / 73
Nhiệt độ màu (K):	3000 / 4000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	30000
Kích thước (DxRxH) (mm):	168x42x80

GT18.4M 8W



Công suất (W):	8
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Hệ số công suất:	0,5
Quang thông (lm):	520 / 580 / 580
Hiệu suất sáng (lm / W):	65 / 73 / 73
Nhiệt độ màu (K):	3000 / 4000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	30000
Kích thước (DxRxH) (mm):	220x44x80

GT19 5W



Công suất (W):	5
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Hệ số công suất:	0,5
Quang thông (lm):	400 / 450 / 450
Hiệu suất sáng (lm / W):	80 / 90 / 90
Nhiệt độ màu (K):	3000 / 4000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	30000
Kích thước (DxRxH) (mm):	123x102x98



ĐÈN LED ỐP TƯỜNG

LN12 70x160/5W



Công suất (W):	5
Điện áp danh định (V/Hz):	220/50
Hiệu suất sáng (lm/W)	90/100/100
Quang thông (lm):	450/500/500
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxC) (mm):	160x70
Cấp bảo vệ:	IP54

LN12 90x195/10W



Công suất (W):	10
Điện áp danh định (V/Hz):	220/50
Hiệu suất sáng (lm/W)	90/100/100
Quang thông (lm):	900/1000/1000
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxC) (mm):	195x90
Cấp bảo vệ:	IP54

NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED ÂM TRẦN M15

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao.
- Dải điện áp rộng (150÷250)V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Mặt tán xạ mica: hệ số truyền sáng cao, tạo phân bố ánh sáng đều trên bề mặt, giảm độ chói, góc mở rộng.
- Tối ưu mặt thiết kế chiếu sáng: đáp ứng tiêu chí chiếu sáng công trình xanh.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng tương thích điện từ (EMC): giúp đèn LED hoạt động bình thường trong môi trường điện từ và không gây nhiễu đến hệ thống thiết bị khác (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7186:2010/CISPR 15:2009)
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C÷40°C: phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/IEC60598-1.

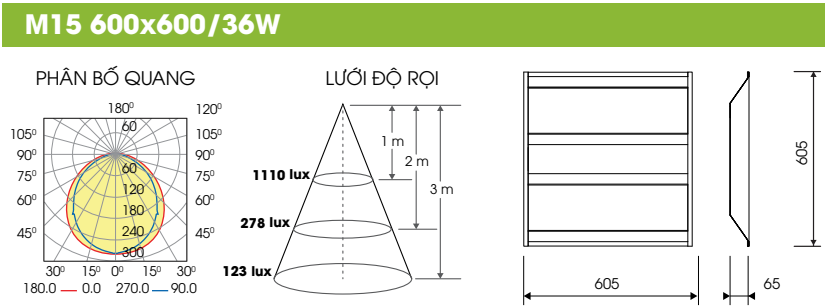
HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Tiết kiệm đến 60% điện năng thay thế bộ máng đèn bóng huỳnh quang T8, T10 ballast sắt từ, điện tử.
- Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 25 000 giờ (L70), cao gấp 2-3 lần bộ máng đèn bóng huỳnh quang T8, T10 ballast sắt từ, điện tử, không hạn chế số lần tắt bật

ỨNG DỤNG

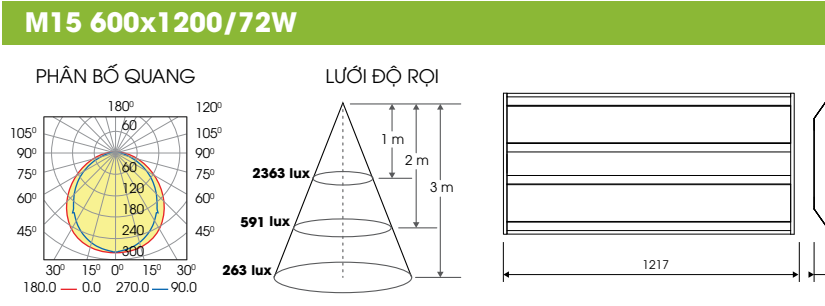
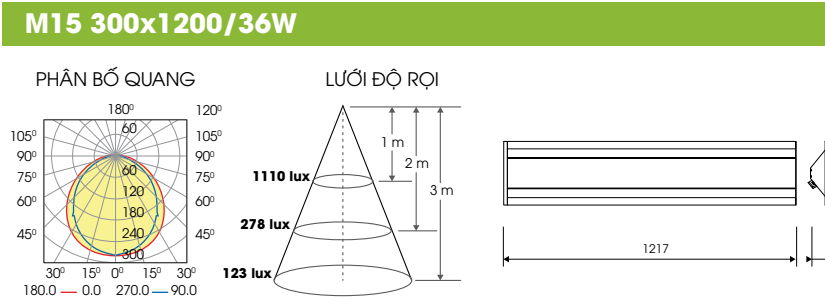
- Chiếu sáng văn phòng: phòng làm việc, phòng họp, hội trường,...
- Chiếu sáng bệnh viện: phòng khám, phòng chờ,...
- Chiếu sáng trường học: lớp học, thư viện, phòng giáo viên,...

BỘ ĐÈN LED M15 VUÔNG



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)	Dòng điện Max
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm	A
M15 600x600/36W	36	150÷250	0.9	82/86/86	2950/3100/3100	3000/4000/6500	80	25000	605x605x65	0.28

BỘ ĐÈN LED M15 DÀI



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)	Dòng điện Max
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm	A
M15 300x1200/36W	36	150÷250	0.9	82/86/86	2950/3100/3100	3000/4000/6500	80	25000	1217x300x65	0.28
M15 600x1200/72W	72	150÷250	0.9	82/86/86	5900/6200/6200	3000/4000/6500	80	25000	1217x605x65	0.56

NHÓM SẢN PHẨM BỘ ĐÈN LED

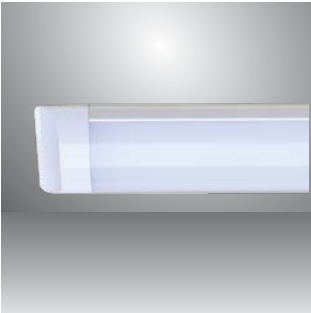
ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao.
- Dải điện áp rộng (150÷250) V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Phân bố quang đồng đều, hạn chế chói lóa, góc mở rộng, tạo cảm giác thân thiện và thoải mái cho người dùng
- Thiết kế kiểu dáng sang trọng, ấn tượng, khác biệt phù hợp lắp đặt nhiều không gian
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (Flicker free): không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ đôi mắt.
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C÷40°C: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đối gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1 / IEC60598-1.

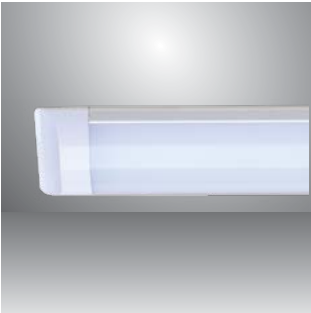
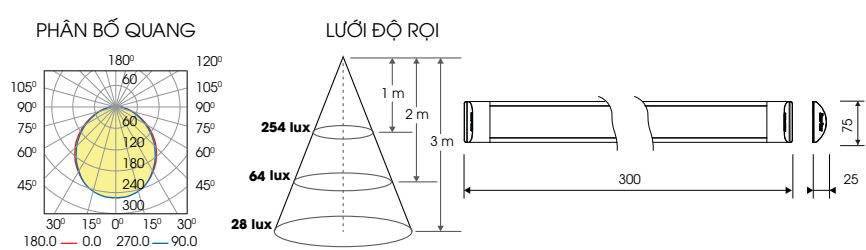




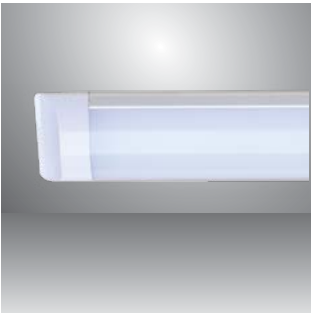
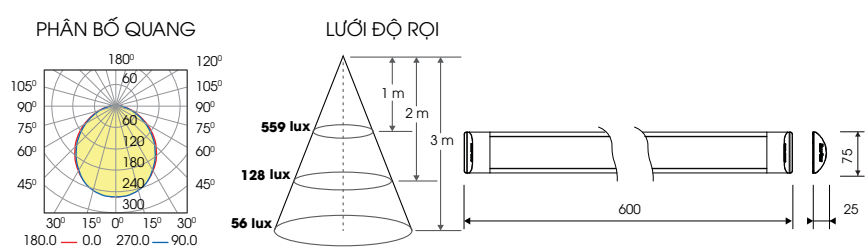
BỘ ĐÈN **LED M26**



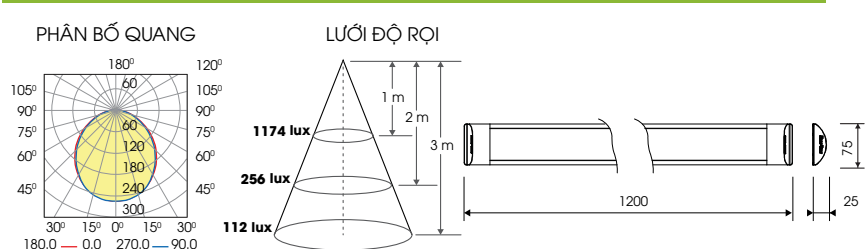
M26 300/9W



M26 600/20W



M26 1200/40W

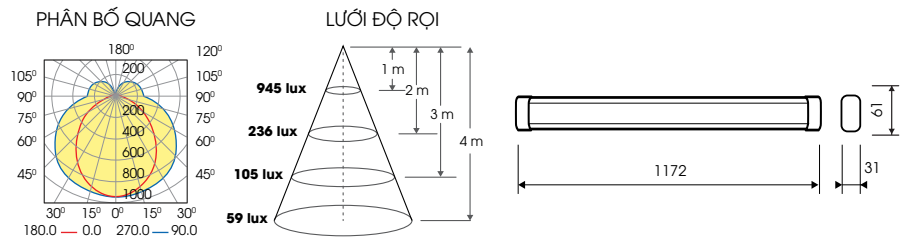


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm / W	lm	K		Giờ	mm
M26 300/9W	9	150÷250	0.5	73/ 83/ 83	700/ 750/ 750	3000/ 4000/ 6500	80	25000	300x75x25
M26 600/20W	20	150÷250	0.5	90/ 100/ 100	1800/ 2000/ 2000	3000/ 4000/ 6500	80	25000	600x75x25
M26 1200/40W	40	150÷250	0.5	90/ 100/ 100	3600/ 4000/ 4000	3000/ 4000/ 6500	80	25000	1200x75x25

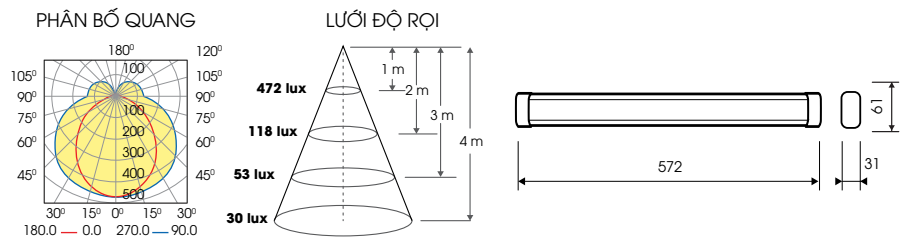
BỘ ĐÈN **LED M36**



M36 1200/40W



M36 600/20W

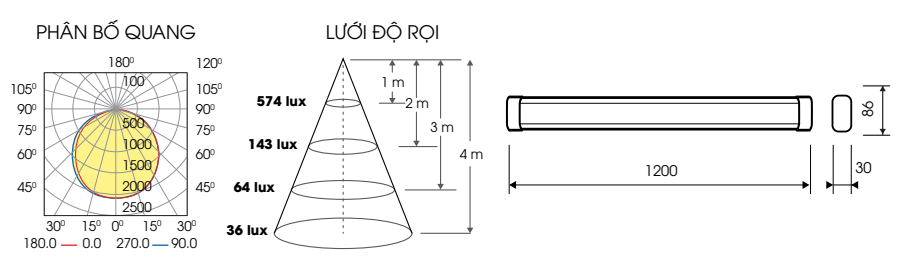


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
M36 1200/40W	40	150÷250	0.5	100	4000	3000/4000/6500	80	25000	1172x61x31
M36 600/20W	20	150÷250	0.5	100	2000	3000/4000/6500	80	25000	572x61x31

BỘ ĐÈN **LED M66**

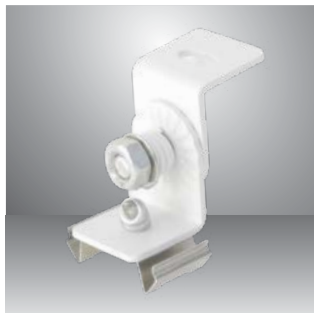


M66 1200/60W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
M66 1200/60W	60	150÷250	0.5	100/110/110	6000/6600/6600	3000/4000/6500	80	30000	1200x86x30

BỘ XOAY GÓC
ĐÈN **LED M36**



Phù hợp lắp bộ đèn:	M36
Khả năng chịu tải tối đa (kg):	01
Số lượng đèn (bộ gá):	01

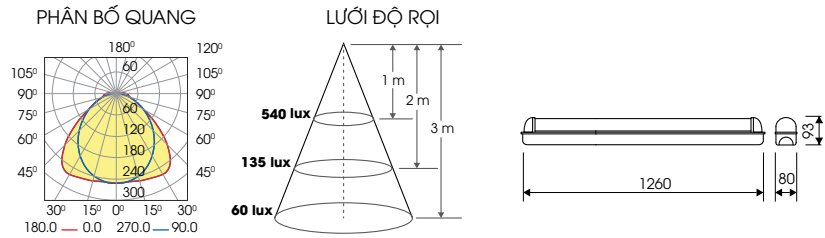


Phù hợp lắp bộ đèn:	M16-M26-M36
Số lượng đèn/01 (bộ gá):	01/02/03
Kích thước (mm):	200x50x30

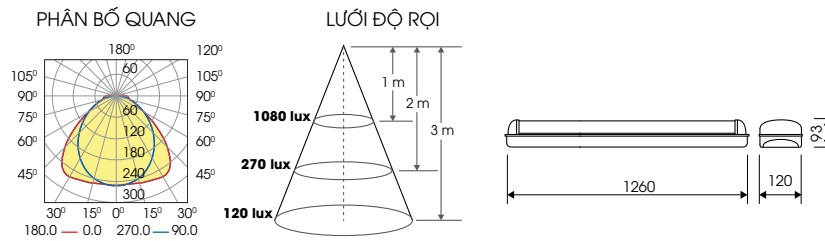
BỘ ĐÈN LED TUBE CHỐNG ẨM



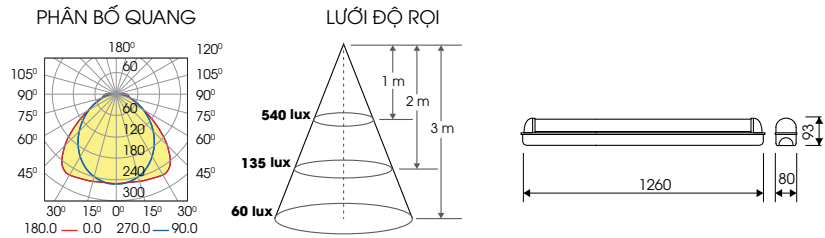
T8 CA01 20Wx1



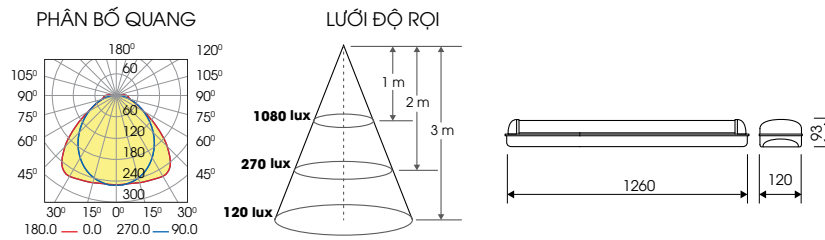
T8 CA01 20Wx2



T8 TT01 CA01 20Wx1



T8 TT01 CA01 20Wx2



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K			Giờ	mm
T8 CA01 20Wx1	20	150 ÷ 250	0.5	110	2200	3000/ 4000/ 5000/ 6500K	82	IP65	30000, (L70/ F50)	1260x80x93
T8 CA01 20Wx2	40	150 ÷ 250	0.5	110	4400	3000/ 4000/ 5000/ 6500K	82	IP65	30000, (L70/ F50)	1260x120x93
T8 TT01 CA01 20Wx1	20	150 ÷ 250	0.5	115	2300	3000/ 4000/ 5000/ 6500K	82	IP65	30000, (L70/ F50)	1260x80x93
T8 TT01 CA01 20Wx2	40	150 ÷ 250	0.5	115	4600	3000/ 4000/ 5000/ 6500K	82	IP65	30000, (L70/ F50)	1260x120x93



NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED LINEAR

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

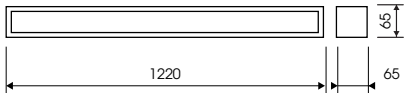
- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất sáng cao, tuổi thọ cao
- Chỉ số hoàn màu cao ($Ra=80$) mang đến ánh sáng trung thực, sắc nét
- Thiết kế linh hoạt theo yêu cầu, đa dạng cách lắp đặt (âm trần, thả trần, nổi trần)
- Cấu tạo đơn giản, dễ dàng lắp đặt.

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng nhà ở: phòng khách, phòng ngủ,
- Chiếu sáng văn phòng công sở
- Chiếu sáng trung tâm thương mại

BỘ ĐÈN LED LINEAR

LR01 1000/20W

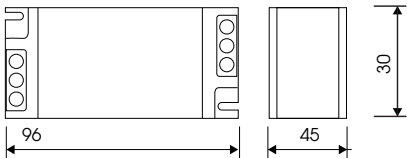
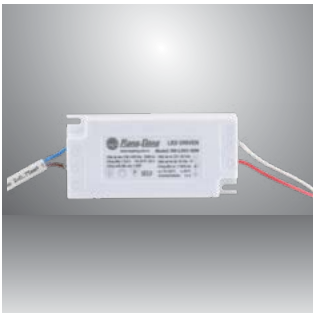


* Sản phẩm lắp âm trần.
* Sản phẩm đặt hàng theo yêu cầu của khách hàng.
* Chiều dài cắt là bội số của 100 mm. và kích thước cắt tối thiểu là 100 mm.

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (RxC)
	W	V		lm	K		Giờ	mm
LR01 1000/20W	20	150÷250	0.5	1300	3000/6500	80	25000	65x32

BỘ DRIVER LED LINEAR

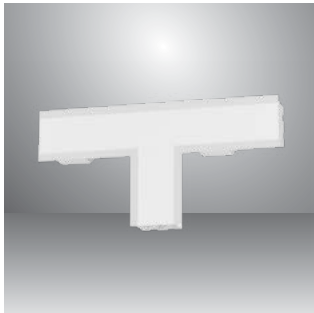
DR-LR01 50W (24VDC)



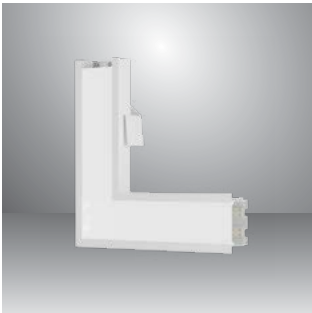
Model	Công suất	Điện áp vào	Dòng điện tiêu thụ	Hệ số công suất	Dòng điện đầu vào Max	Dòng điện đầu ra Max	Tuổi thọ	Kích thước (RxC)
	W	VDC	A		A	A	Giờ	mm
DR-LR01 50W (24VDC)	50	150÷250	50/60	0,5	0.6	1.85	30000	(96x45x30)±5

BỘ PHỤ KIỆN LED LINEAR

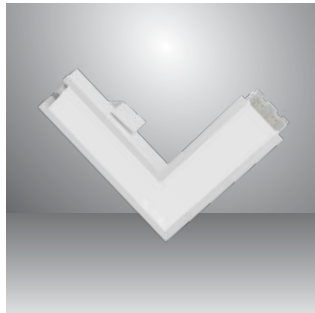
PK T-LR01 300x100/8W



PK L-LR01 220x220/8W



PK V-LR01 210x210/8W



Model	Công suất	Điện áp vào	Dòng điện tiêu thụ	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (RxC)	Chiều rộng khoét trần
	W	VDC	A	lm	K		Giờ	mm	mm
PK T-LR01 300x100/8W	8	23÷25	0.35	520	3000/4000/6500	80	25000	64x32	56±2
PK L-LR01 220x220/8W	8	23÷25	0.35	520	3000/4000/6500	80	25000	64x32	56±2
PK V-LR01 210x210/8W	8	23÷25	0.35	520	3000/4000/6500	80	25000	64x32	56±2



NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED M18 & M38

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất sáng cao, tuổi thọ cao
- Chất lượng ánh sáng cao ($Ra=80$) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng
- Góc chiếu sáng rộng 105 độ, ánh sáng tập trung tại vị trí làm việc, chiếu sáng định hướng, giúp tăng hiệu quả công việc
- Kết cấu đơn giản, có lẫy sập, khe luồn dây, giảm chi phí và thời gian lắp đặt so với bộ đèn Tube LED đôi hay bộ đèn huỳnh quang T8.

ỨNG DỤNG

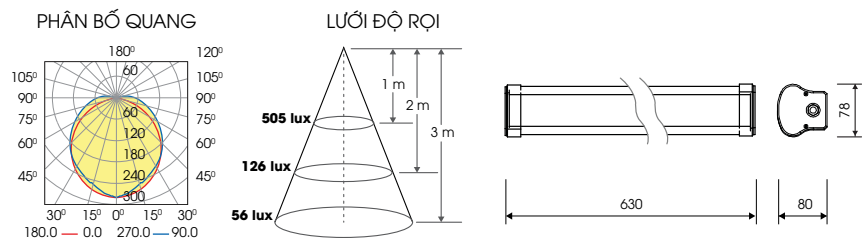
- Chiếu sáng xưởng sản xuất, văn phòng công sở, hầm để xe của toàn nhà, trường học, bệnh viện,...



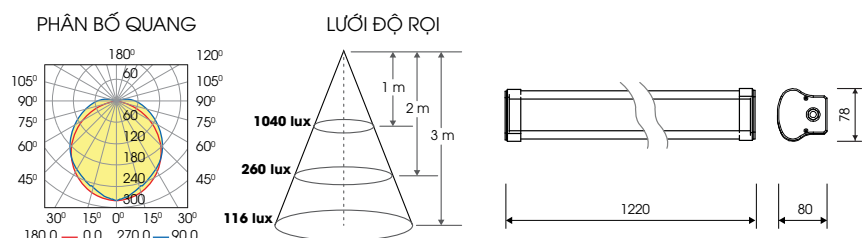
BỘ ĐÈN LED M18



M18 600/18W



M18 1200/36W

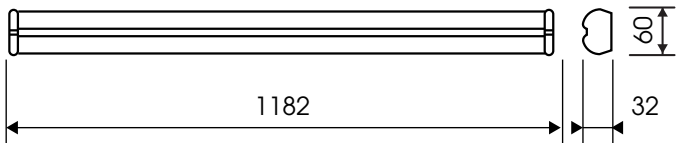


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
M18 600/18W	18	150÷250	0.5	88/94/94	1600/1700/1700	3000/5000/6500	80	20000	IP65	630x80x78
M18 1200/36W	36	150÷250	0.5	88	3200	3000/5000/6500	80	20000	IP65	1220x80x78

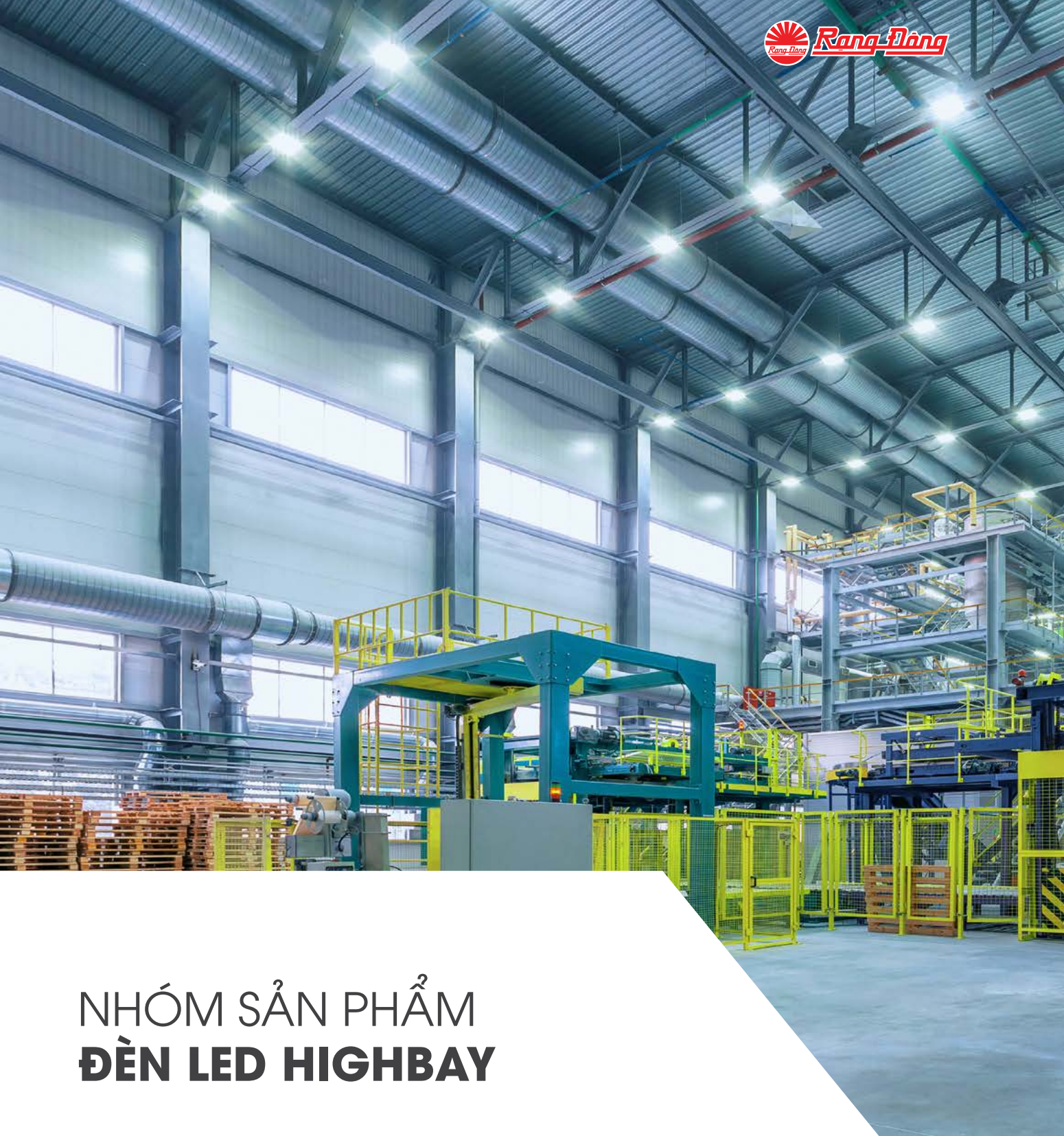
BỘ ĐÈN LED M38



M38 1200/40W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
M38 1200/40W	40	150÷250	0.5	130	5200	3000/4000/6500	80	25000	1182x60x32

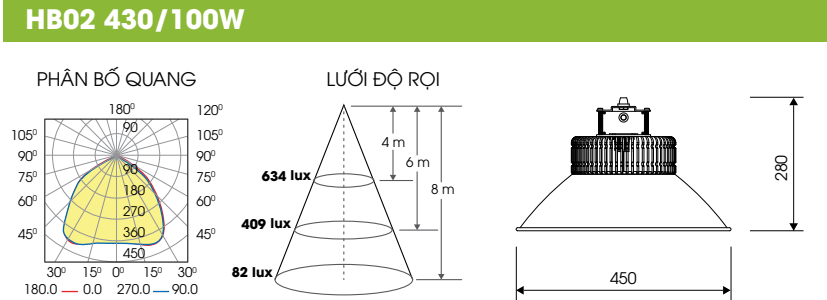
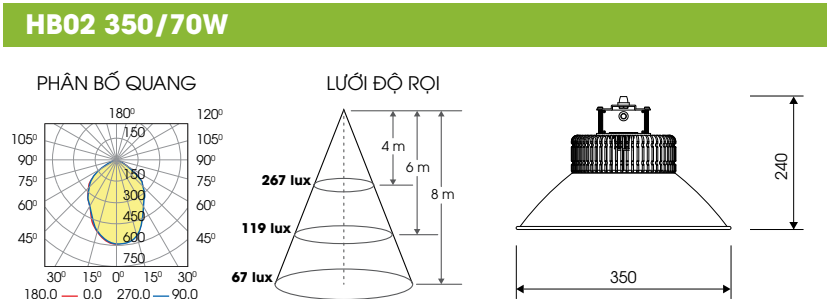
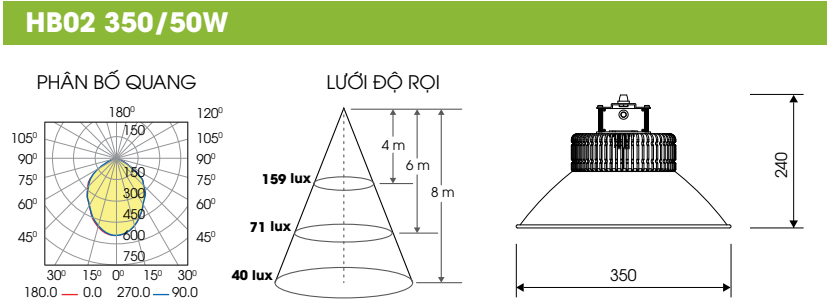


NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED HIGHBAY

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Samsung hiệu suất 150 lm/W: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao.
- Dải điện áp rộng (150÷250) V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Thân đèn bằng hợp kim nhôm được anốt hóa: hệ số dẫn nhiệt cao, tăng tính thẩm mỹ.
- Chao đèn làm bằng nhôm đúc, bề mặt chao được tráng bạc: vành khung có tính chịu nhiệt cao, tản xạ nhiệt tốt.
- Hệ số công suất cao ≥ 0.9 : giúp nhà máy không phải mua công suất phản kháng.
- Khả năng bật sáng tức thì: khả năng khởi động nhanh, không cần chờ thời gian khởi động lại.
- Hệ số trả màu cao ($Ra \geq 70$): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114:2008).
- Khả năng tương thích điện từ (EMC): giúp đèn LED hoạt động bình thường trong môi trường điện từ và không gây nhiễu đến hệ thống thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7186:2010/ CISPR15:2009)

ĐÈN LED HIGHBAY

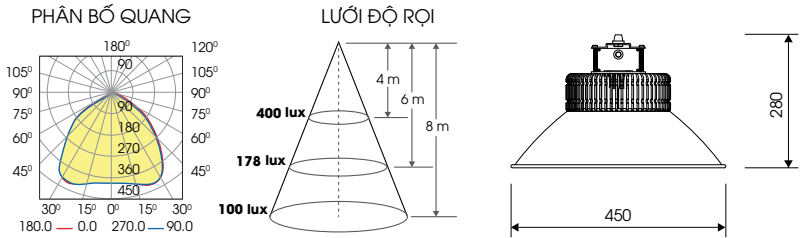


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
HB02 350/50W	50	150÷250	0.5	100/100/95	5000/5000/4750	6500/4000/3000	80	25000 (L70/F50)	350x240
HB02 350/70W	70	150÷250	0.9	95/95/90	6650/6650/6300	6500/4000/3000	80	25000 (L70/F50)	350x240
HB02 430/100W	100	150÷250	0.9	100/100/95	10000/10000/9500	6500/4000/3000	80	25000 (L70/F50)	450x280

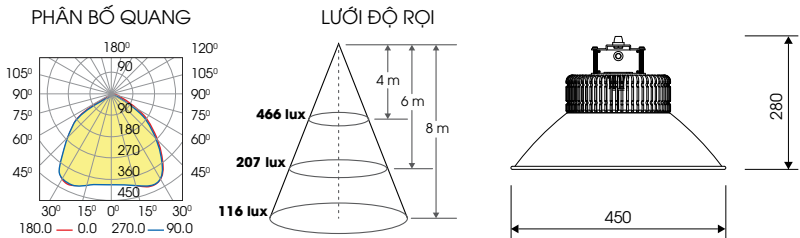
ĐÈN **LED HIGHBAY**



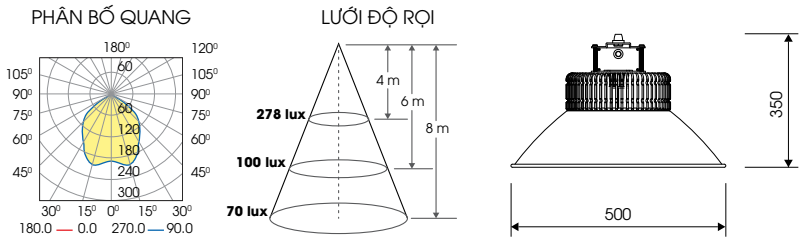
HB02 430/120W



HB02 430/150W

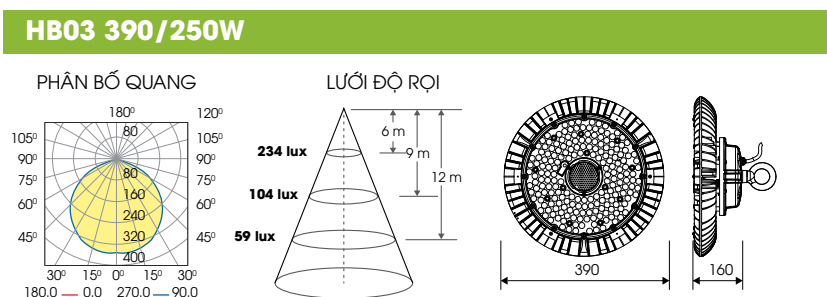
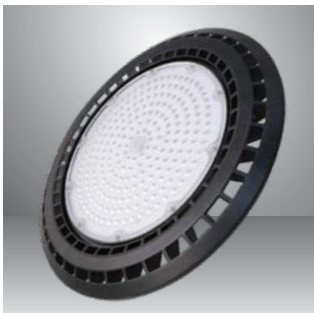
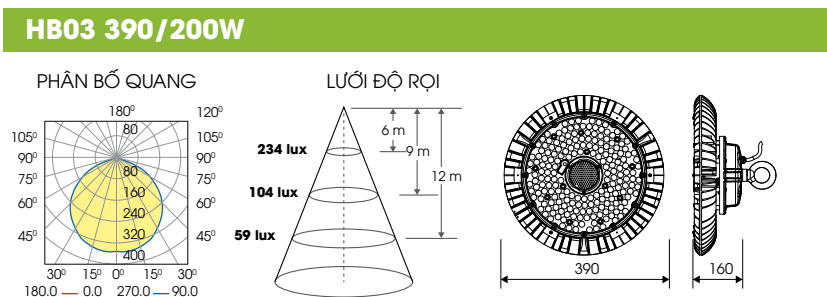
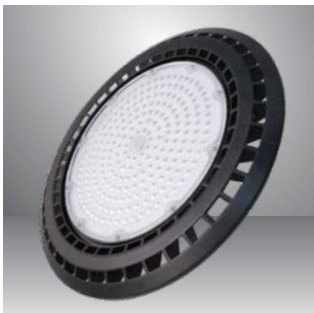
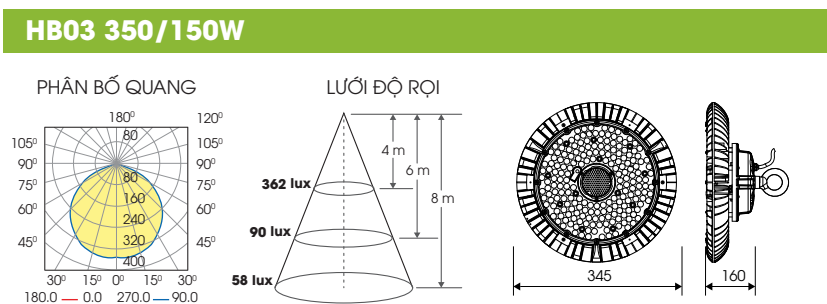
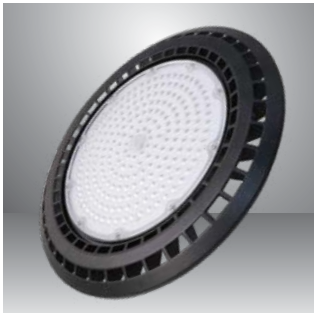
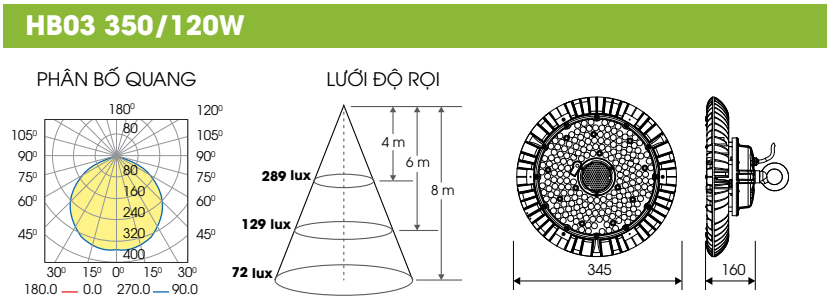
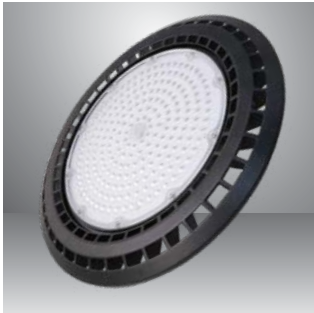
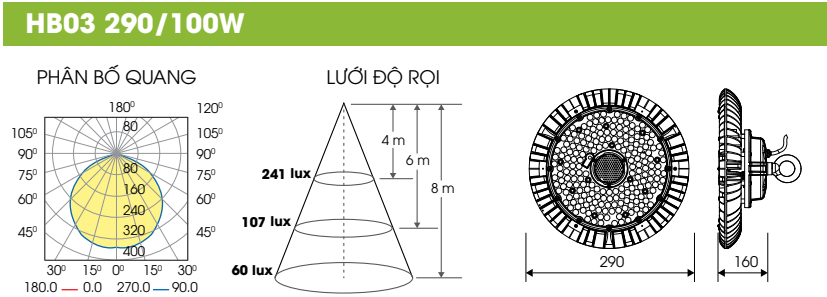
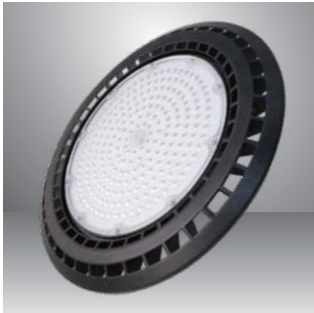


HB02 500/200W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
HB02 430/120W	120	150÷250	0.9	100/100/95	12000/12000/11400	6500/4000/3000	80	25000 (L ₇₀ /F ₅₀)	450x280
HB02 430/150W	150	150÷250	0.9	100/100/95	15000/15000/14250	6500/4000/3000	80	25000 (L ₇₀ /F ₅₀)	450x280
HB02 500/200W	200	150÷250	0.9	105/105/95	21000/21000/19000	6500/4000/3000	80	25000 (L ₇₀ /F ₅₀)	490x350

ĐÈN LED HIGHBAY UFO



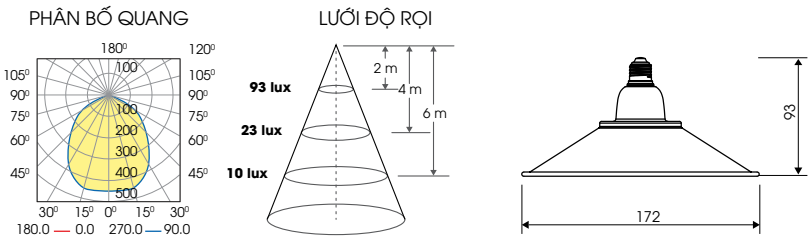
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
HB03 290/100W	100	150÷250	0.9	120/130/130	12000/13000/13000	3000/4000/6500	80	30000	290x160
HB03 350/120W	120	150÷250	0.9	120/130/130	14400/15600/15600	3000/4000/6500	80	30000	345x160
HB03 350/150W	150	150÷250	0.9	120/130/130	18000/19500/19500	3000/4000/6500	80	30000	345x160
HB03 390/200W	200	150÷250	0.9	120/130/130	24000/26000/26000	3000/4000/6500	80	30000	390x160
HB03 390/250W	250	150÷250	0.95	120/130/130/130	30000/32500/32500 / 32500	3000/4000/5000/6500	80	30.000	395x160



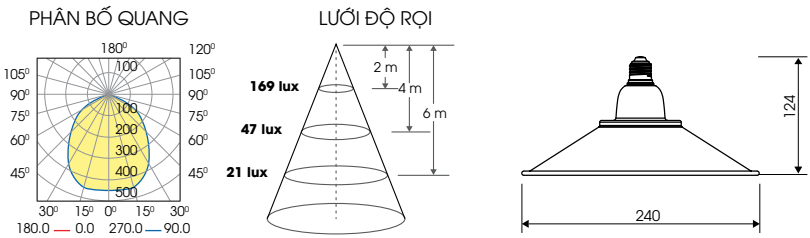
ĐÈN LED LOW BAY



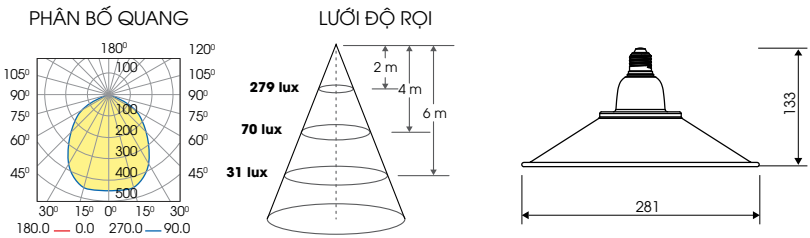
LB01 10W



LB01 20W



LB01 30W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LB01 10W	10	150÷250	0.5	83	830	3000/5000/6500	80	15000	172x93
LB01 20W	20	150÷250	0.5	85	1700	3000/5000/6500	80	15000	240x124
LB01 30W	30	150÷250	0.5	83	2500	3000/5000/6500	80	15000	281x133

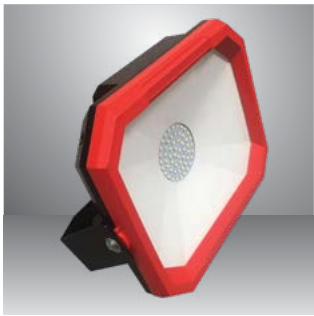


NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED CHIẾU PHA

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

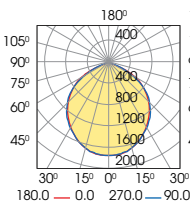
- Nguồn sáng LED hiệu suất 150 lm/W: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao
- Dải điện áp rộng (150÷250)V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Kết cấu: vỏ đèn bằng nhôm đúc, sơn phủ chống tác động của môi trường với hệ số dẫn nhiệt cao.
- Kính làm bằng thủy tinh: Có khả năng chịu lực và nhiệt độ cao.
- Khả năng bật sáng tức thì: khả năng khởi động nhanh, không cần chờ thời gian khởi động lại.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chịu xung sét lên tới 10kV: bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác. (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5)
- Nhiệt độ làm việc rộng-10°C÷45°C: phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Cấp bảo vệ IP66, IK08: đảm bảo sử dụng ngoài trời, hạn chế hư hỏng.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/IEC60598-1.

ĐÈN LED CHIẾU PHA 08

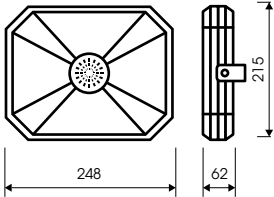
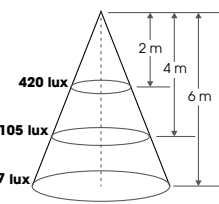


CP08 50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



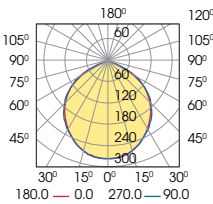
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
CP08 50W	50	150÷250	0.5	100/110/110	5000/5500/5500	3000/5000/6500	2	80	25000	IP65	248x215x62

ĐÈN LED CHIẾU PHA 06

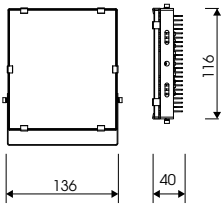
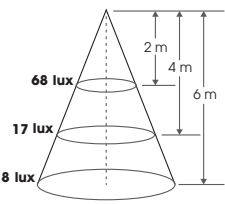


CP06 10W

PHÂN BỐ QUANG

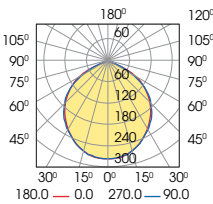


LƯỚI ĐỘ RỌI

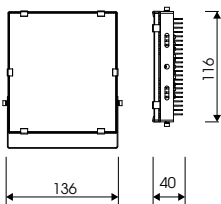
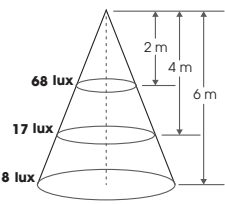


CP06 20W

PHÂN BỐ QUANG

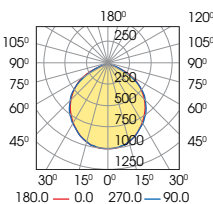


LƯỚI ĐỘ RỌI

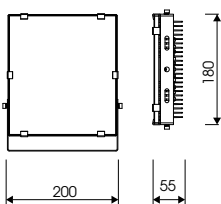
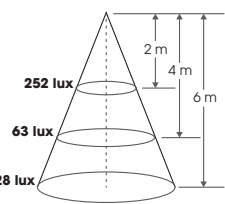


CP06 30W

PHÂN BỐ QUANG

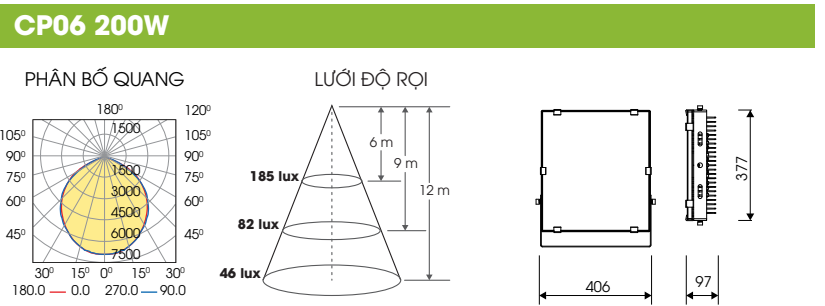
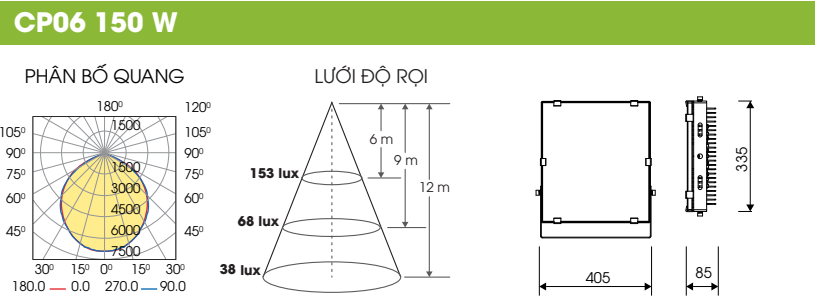
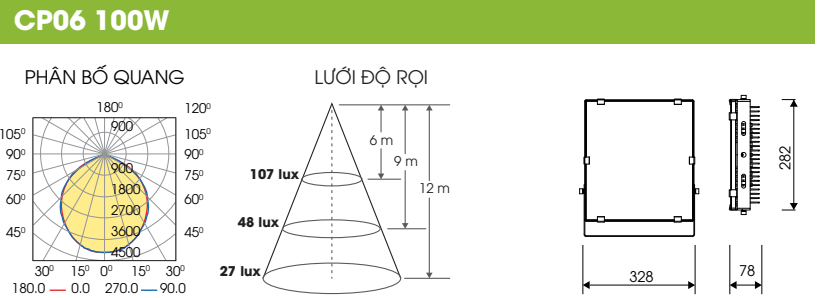
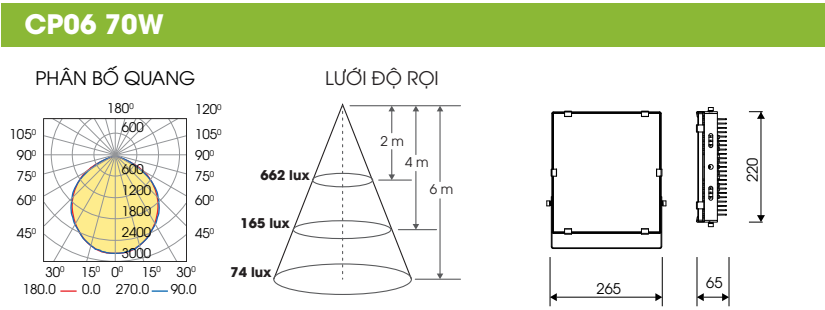
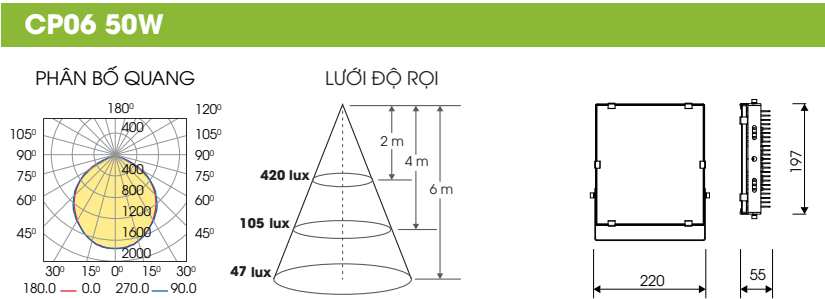


LƯỚI ĐỘ RỌI



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
CP06 10W	10	150÷250	0.5	85	850	3000/4000/6500	1	80	20000	IP66	136x116x40
CP06 20W	20	150÷250	0.5	78	1550	3000/4000/6500	1	80	20000	IP66	136x116x40
CP06 30W	30	150÷250	0.5	77	2300	3000/4000/6500	1	80	20000	IP66	200x180x55

ĐÈN LED CHIẾU PHA 06

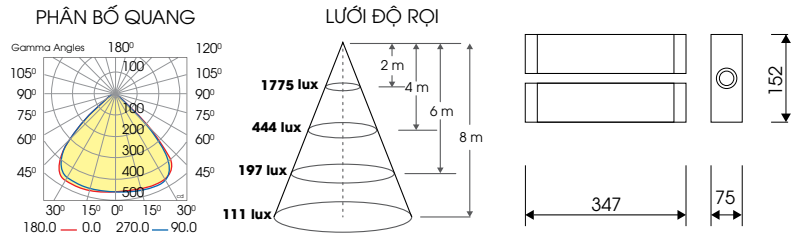


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm / W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP06 50W	50	150÷250	0.5	83	4150	3000/ 4000/ 6500	1	80	20000	IP66	220x197x55
CP06 70W	70	150÷250	0.9	90	6300	3000/ 5000/ 6500	6	80	20000	IP66	265x220x65
CP06 100W	100	150÷250	0.9	95	9500	3000/ 5000/ 6500	6	80	20000	IP66	328x282x78
CP06 150W	150	150÷250	0.9	90	13500	3000/ 5000/ 6500	6	80	20000	IP66	405x335x85
CP06 200W	200	150÷250	0.9	100	20000	3000/ 5000/ 6500	6	80	20000	IP66	406x377x97

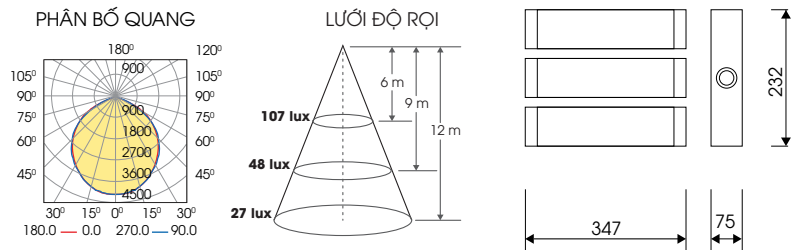
ĐÈN LED CHIẾU PHA 07



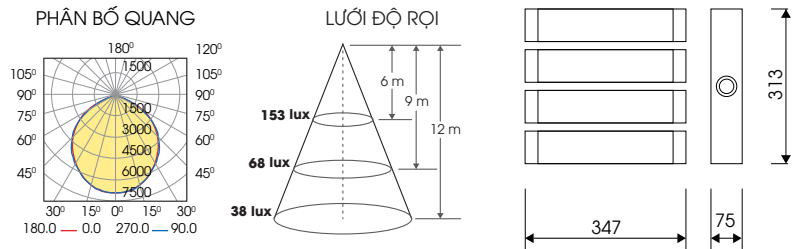
CP07 100W



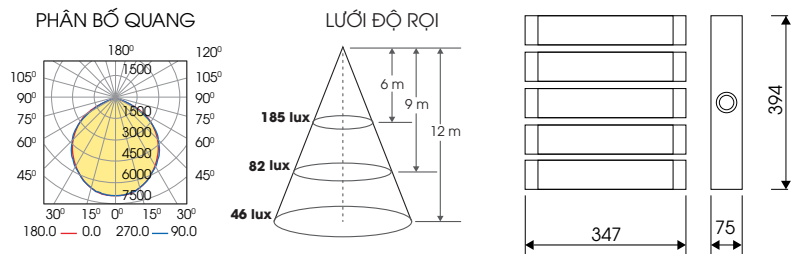
CP07 150W



CP07 200W



CP07 250W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP07 100W	100	100÷277	0,95	135	13 500	4000/5000	0.6	≥70	50000	IP66/IK08	347x152x75
CP07 150W	150	100÷277	0,95	135	20 250	4000/5000	0.6	≥70	50000	IP66/IK08	347x232x75
CP07 200W	200	100÷277	0,95	135	27 000	4000/5000	0.6	≥70	50000	IP66/IK08	347x313x75
CP07 250W	250	100÷277	0,95	135	33 750	4000/5000	0.6	≥70	50000	IP66/IK08	347x394x75



NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED TRACKLIGHT

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn sáng LED chất lượng cao, độ tin cậy, tuổi thọ cao giúp tần suất và chi phí thay thế, bảo dưỡng
- Thân đèn làm bằng nhôm đúc, chống ăn mòn, chống oxy hóa
- Sử dụng thấu kính quang học để tạo hiệu quả cao nhất trong chiếu sáng
- Dễ dàng thay đổi góc chiếu sáng, góc mở đèn 24 độ, phù hợp không gian chiếu sáng Indoor trang trí tạo điểm nhấn
- Kết cấu linh hoạt, phù hợp chiếu sáng điểm
- Ít phát nhiệt, không làm nóng bề mặt đèn và môi trường xung quanh
- Chất lượng ánh sáng trung thực, tự nhiên, chỉ số hoàn màu ($Ra \geq 80$). (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).

ỨNG DỤNG

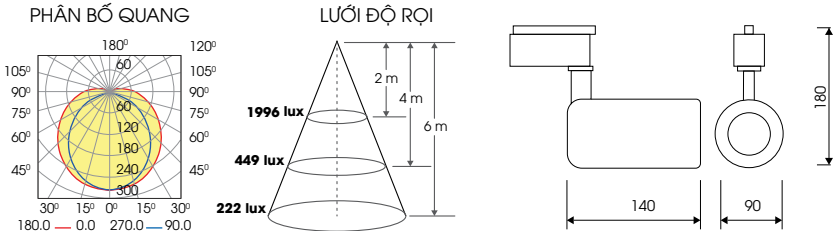
- Chiếu sáng điểm, rọi trong các cửa hàng thời trang, siêu thị, trung tâm thương mại, phòng triển lãm, bảo tàng,...



ĐÈN LED TRACKLIGHT 04



TRL04 25W

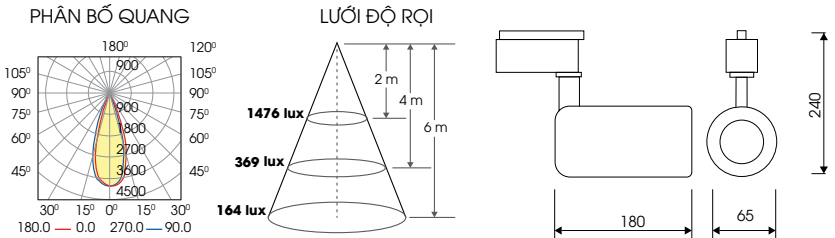


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	độ		Giờ	mm
TRL04 25W	25	150÷250	0.5	80/88/88	1980/2200/2200	3000/4000/5000	24	90	25000	90x140x180

ĐÈN LED TRACKLIGHT 06

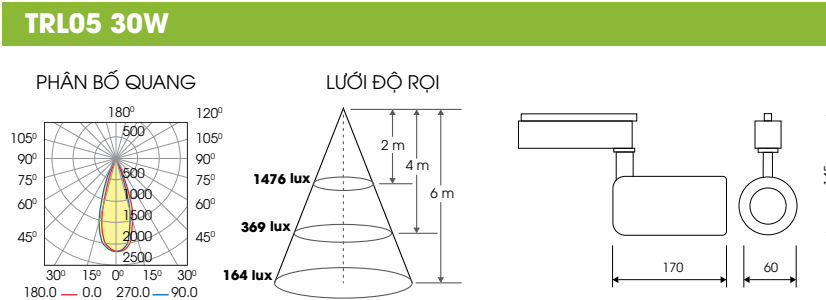
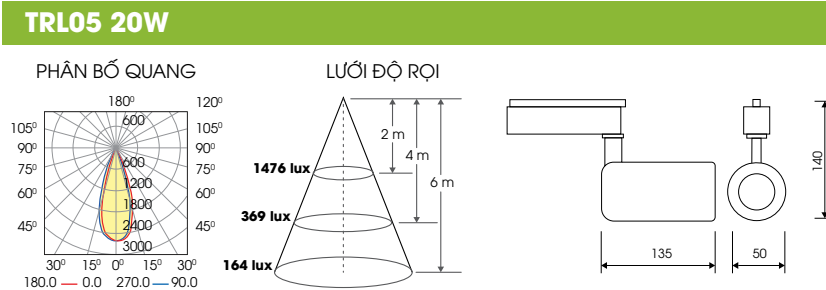
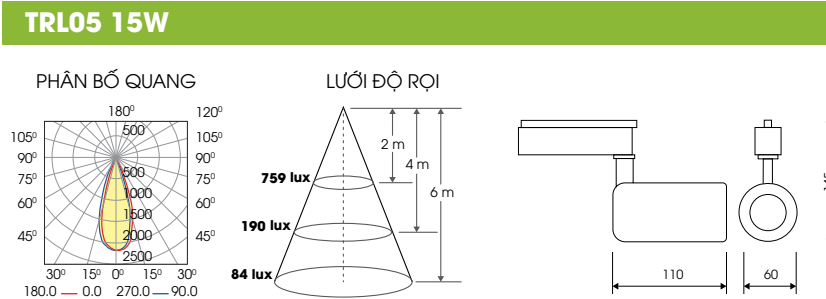
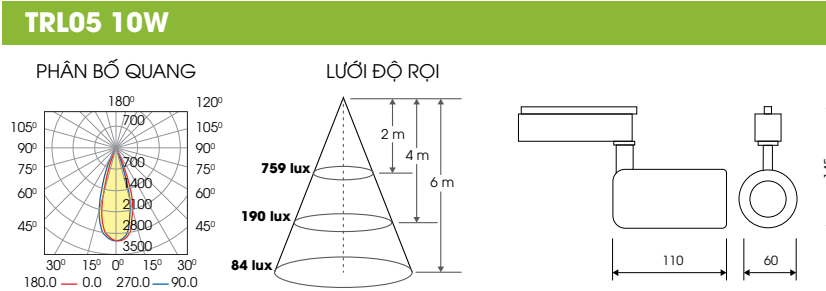


TRL06 20W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	độ		Giờ	mm
TRL06 20W	20	150÷250	0.5	68/75/75/75	1350/1500/1500/1500	3000/4000/5000/6500	15÷36	80	25000	65x180x240

ĐÈN LED TRACKLIGHT 05



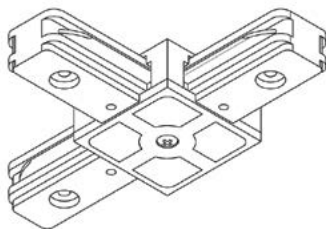
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxRxH)
	W	V		lm/W	lm	K	°		Giờ	mm
TRL05 10W	10	150÷250	0.5	90/100/100/100	900/1000/1000/1000	3000/4000/5000/6500	24	80	25000	60x105x145
TRL05 15W	15	150÷250	0.5	100/110/110/110	1350/1500/1500/1500	3000/4000/5000/6500	24	80	25000	60x105x145
TRL05 20W	20	150÷250	0.5	95/105/105/105	1900/2100/2100/2100	3000/4000/5000/6500	24	80	25000	50x160x210
TRL05 30W	30	150÷250	0.5	90/100/100/100	2700/3000/3000/3000	3000/4000/5000/6500	24	80	25000	60x160x145

PHỤ KIỆN ĐÈN TRACKLIGHT

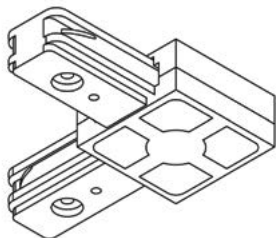
RAY TRL01/1000 (1M)



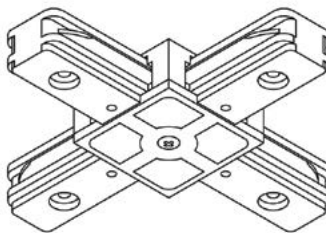
RAY TRL01/NCT



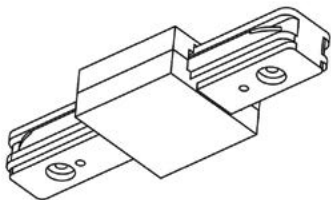
RAY TRL01/NG



RAY TRL01/NC+



RAY TRL01/NT



Model	Dòng điện max	Công suất max	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Điện trở cách điện	Kích thước
	A	W	V / Hz	V	MΩ	mm
Ray TRL01 / 1000 (1m)	16	4000	220/ 50	150 ÷ 250	5	1000x35x20
RAY TRL01 / NG	16	4000	220/ 50	150 ÷ 250	5	68x68x16
RAY TRL01 / NT	16	4000	220/ 50	150 ÷ 250	5	95x35x16
RAY TRL01 / NCT	16	4000	220/ 50	150 ÷ 250	5	102x70x16
RAY TRL01 / NC+	16	4000	220/ 50	150 ÷ 250	5	102x102x16



NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED chất lượng cao, hiệu suất sáng cao, tuổi thọ cao.
- Dải điện áp rộng (150÷270)V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Kết cấu: vỏ đèn bằng nhôm đúc, sơn phủ chống tác động của môi trường với hệ số dẫn nhiệt cao.
- Khả năng bật sáng tức thì: khả năng khởi động nhanh, không cần chờ thời gian khởi động lại
- Khả năng lập trình Dimming 3-5 cấp công suất
- Khả năng chịu xung sét $\geq 10\text{Kv}$: bảo vệ đèn khỏi các loại xung sét, nâng cao tuổi thọ đèn (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5)
- Nhiệt độ làm việc rộng $-10^{\circ}\text{C}\div 45^{\circ}\text{C}$: phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Cấp bảo vệ IP66/IK08, IP65/IK09: đảm bảo sử dụng ngoài trời, hạn chế hư hỏng
- Tiêu chuẩn chung áp dụng:TCVN 7722-1 / IEC60598-1.

HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Tiết kiệm đến 55% điện năng thay thế bộ đèn chiếu sáng đường Metal Halide, Cao áp Natri. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 30 000 giờ - 50 000 giờ, cao gấp 5 lần bóng Metal Halide, gấp 2-3 lần đèn cao áp Natri, không hạn chế số lần bật tắt.

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng đường phố chính, đường khu đô thị, đường gom, khu công nghiệp

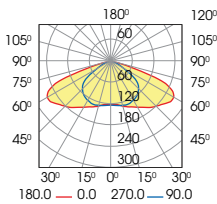


ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 02

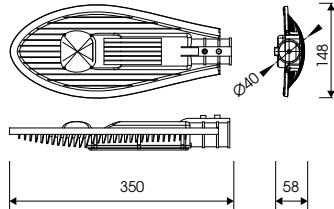
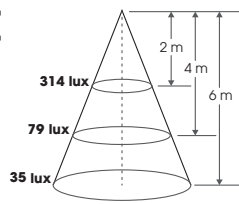


CSD02 30W

PHÂN BỐ QUANG

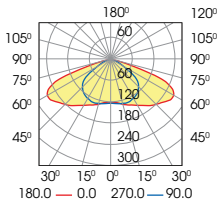


LƯỚI ĐỘ RỌI

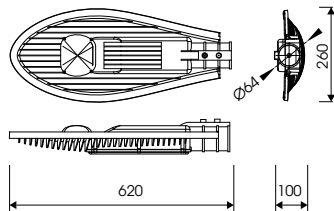
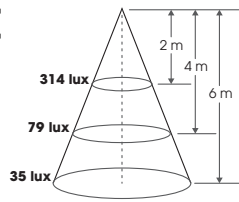


CSD02 40W

PHÂN BỐ QUANG

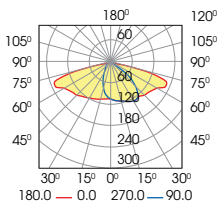


LƯỚI ĐỘ RỌI

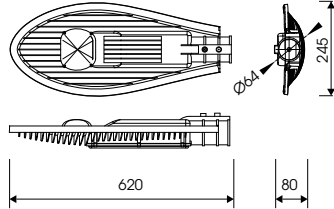
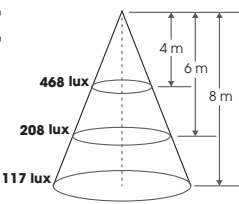


CSD02 60W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

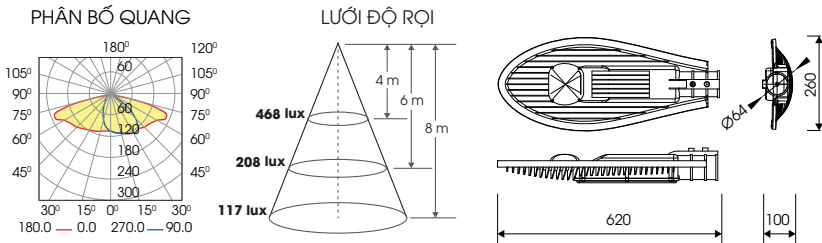


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxH)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD02 30W	30	150÷270	0.5	116	3300	4000/5000	10	≥70	30000	IP66,IK08	Ø40	350x148x58
CSD02 40W	40	100÷277	0.95	120	4400	5000	10	80	50000	IP66,IK08	Ø64	620x260x100
CSD02 60W	60	150÷270	0.95	110	6600	4000	10	80	50000	IP66,IK08	Ø64	620x245x80

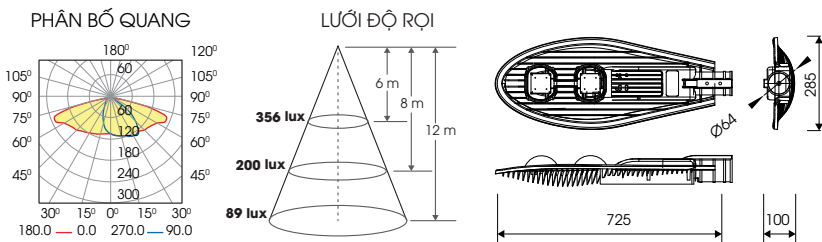
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 02



CSD02 70W



CSD02 100W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD02 70W	70	100÷277	0.95	105	7350	5000/6500	10	≥70	40000	IP66,IK08	Ø64	620x260x100
CSD02 100W	100	150÷270	0.95	125	12500	4000	10	≥70	40000	IP66,IK08	Ø64	725x285x100

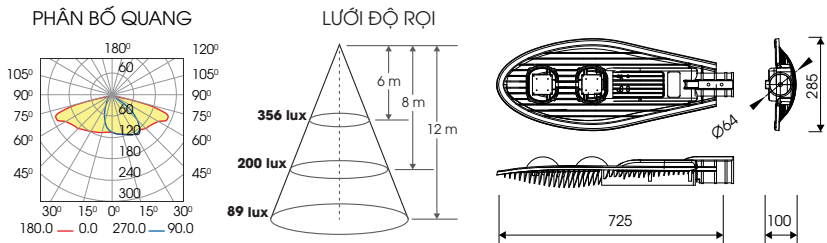




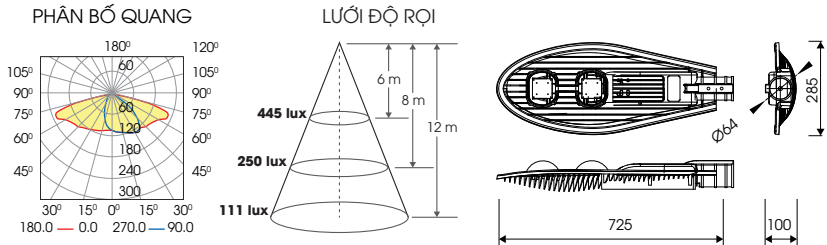
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 02



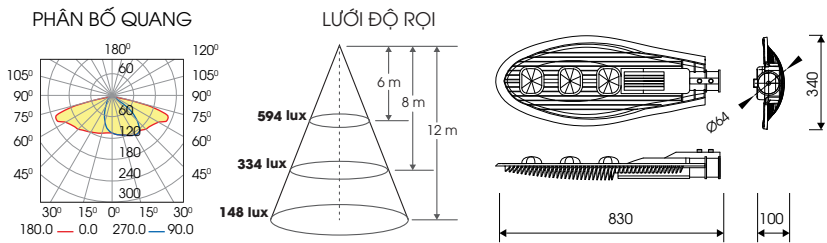
CSD02 120W



CSD02 150W



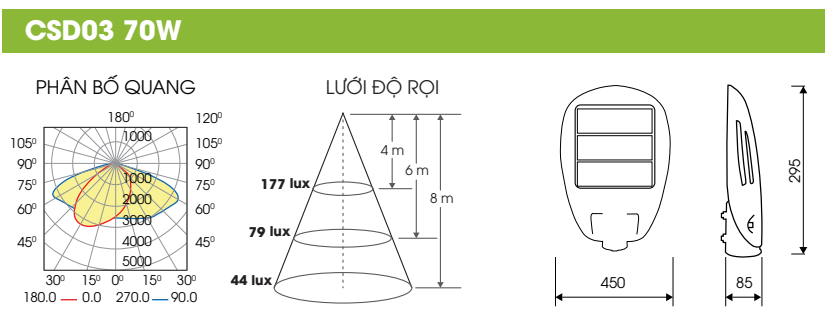
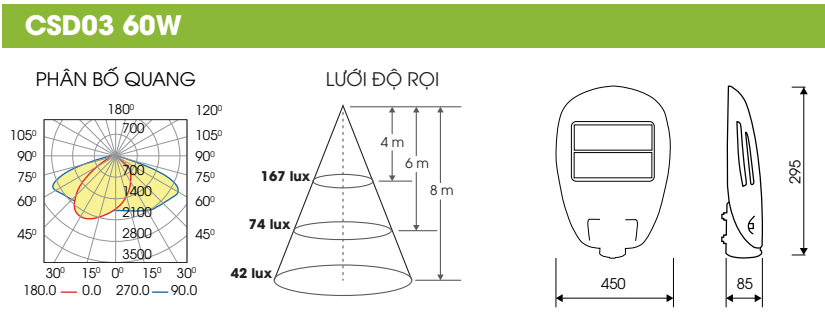
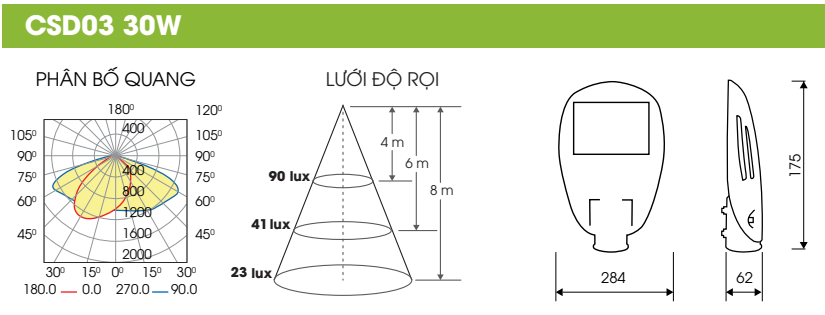
CSD02 200W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD02 120W	120	100÷277	0.95	135	16200	5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	725x285x100
CSD02 150W	150	100÷277	0.95	130	19500	5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	725x285x100
CSD02 200W	200	100÷277	0.95	115	23000	5000	10	80	50000	IP66,IK08	Ø64	830x340x100



ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 03



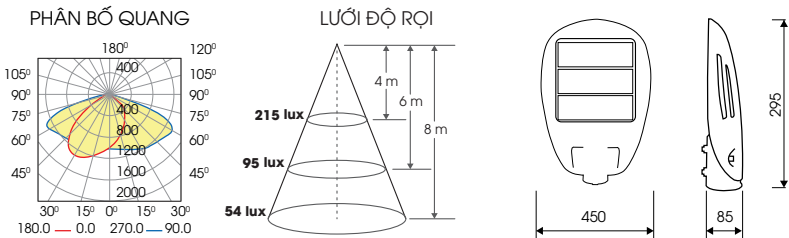
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
CSD03 30W	30	100÷277	0.9	120	3600	5000	10	≥70	35000	IP66,IK08	Ø(42÷48)	284x175x62
CSD03 60W	60	100÷277	0.9	120	7200	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø(42÷48)	450x295x85
CSD03 70W	70	100÷277	0.9	130	9100	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø(42÷48)	450x295x85



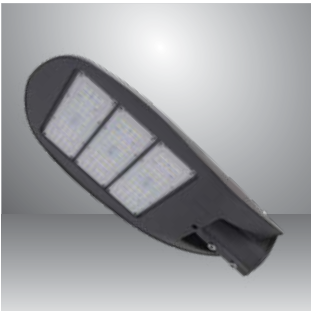
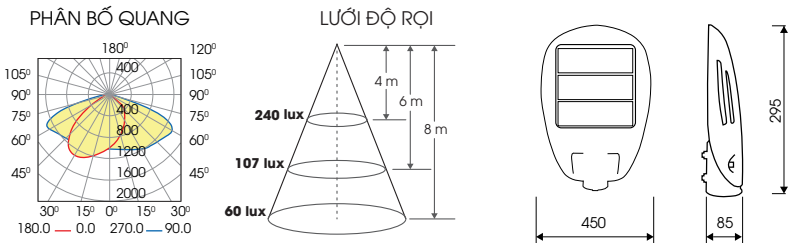
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 03



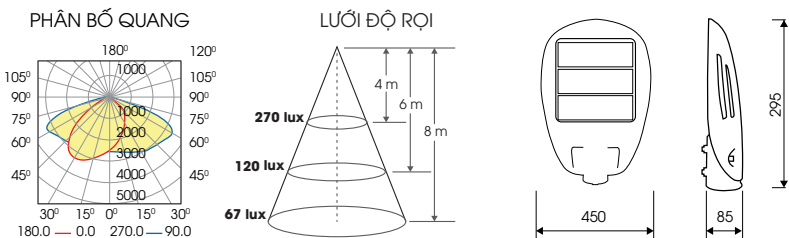
CSD03 80W



CSD03 90W



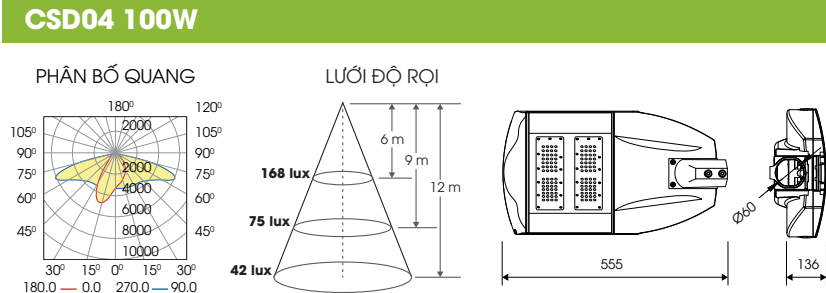
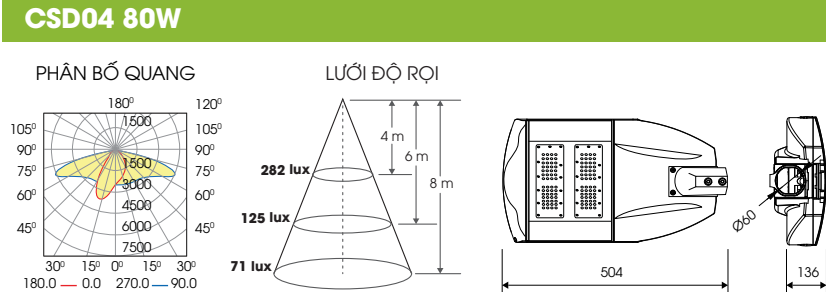
CSD03 100W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD03 80W	80	100÷277	0.9	125	10000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66, IK08	Ø(42÷48)	450x295x85
CSD03 90W	90	100÷277	0.9	120	10800	4000/5000	10	≥70	50000	IP66, IK08	Ø(42÷48)	450x295x85
CSD03 100W	100	90÷305	0.9	120	12000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66, IK08	Ø(42÷48)	450x295x85



ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 04

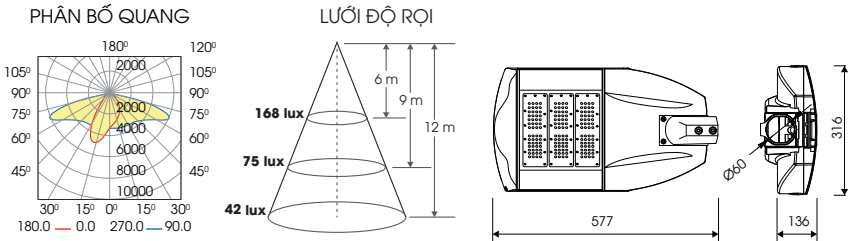


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm / W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD04 80W	80	100÷277	0.95	130	10400	4000 / 5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	504x316x136
CSD04 100W	100	100÷277	0.95	130	13000	4000 / 5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	555x316x136

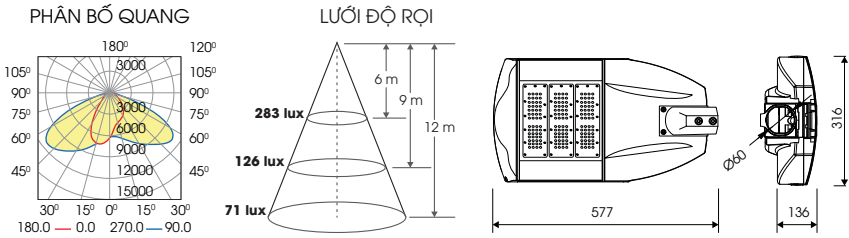
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 04



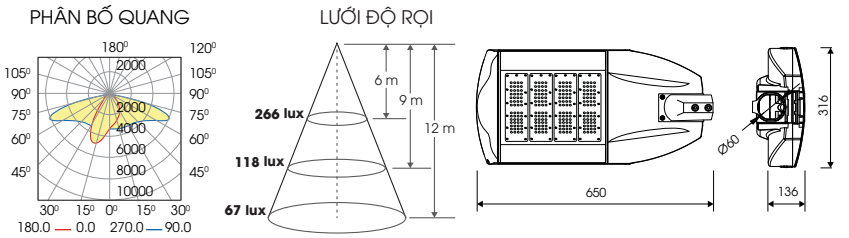
CSD04 120W



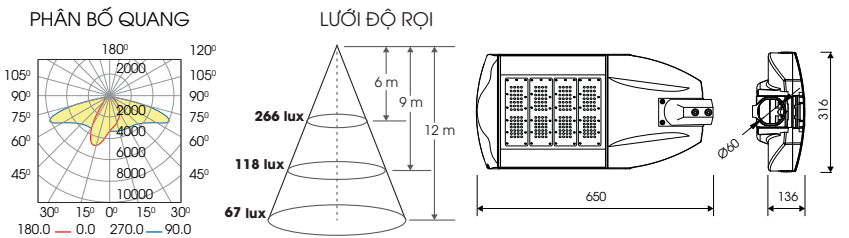
CSD04 150W



CSD04 180W



CSD04 200W

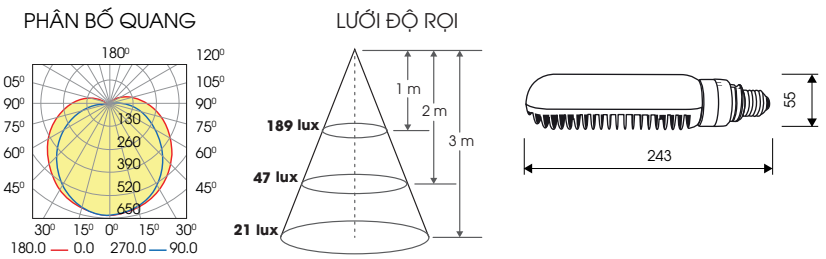


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD04 120W	120	100÷277	0.95	130	15600	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	577x316x136
CSD04 150W	150	100÷277	0.95	130	19500	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	577x316x136
CSD04 180W	180	100÷277	0.95	130	23400	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	650x316x136
CSD04 200W	200	100÷277	0.95	130	26000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	650x316x136

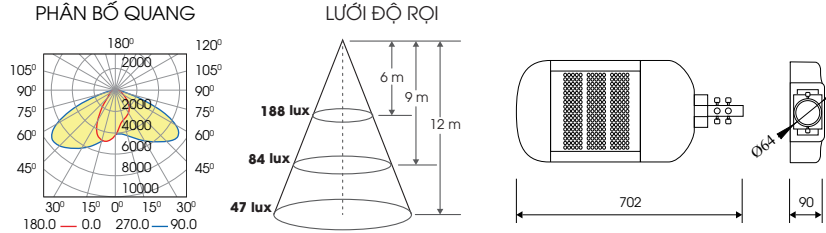
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 05



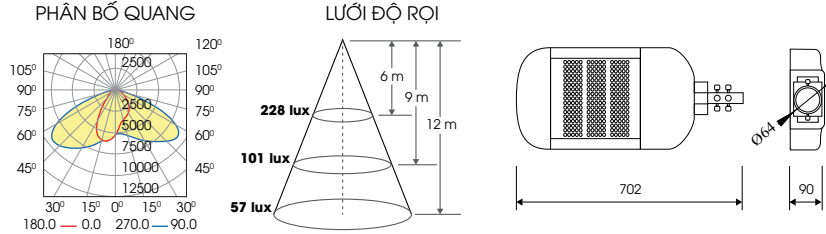
CSD05 30W



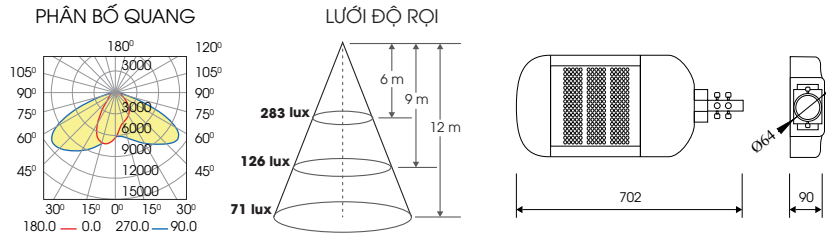
CSD05 100W



CSD05 120W



CSD05 150W

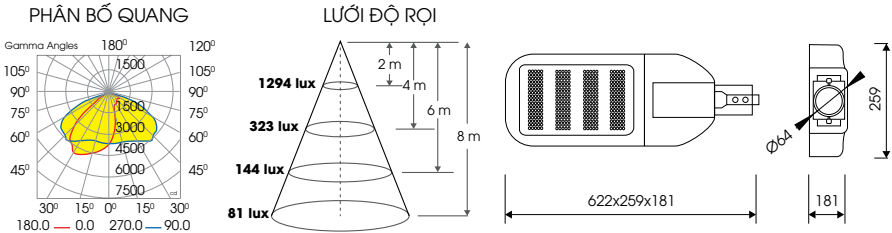


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxH)
CSD05 30W	30	150÷250	0.5	100	3000	5000	-	83	20000	IP40	-	55x243
CSD05 100W	100	100÷277	0.95	150	15000	4000/5000	>10	70	50000	IP66,IK08	Ø64	702x316x90
CSD05 120W	120	100÷277	0.95	145	17400	4000/5000	>10	70	50000	IP66,IK08	Ø64	702x316x90
CSD05 150W	150	100÷277	0.95	135	20250	4000/5000	>10	70	50000	IP66,IK08	Ø64	702x316x90

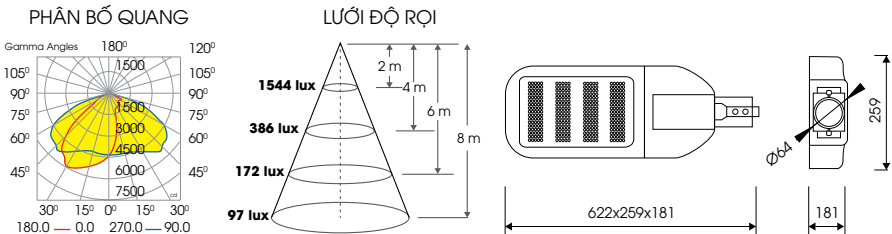
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 06



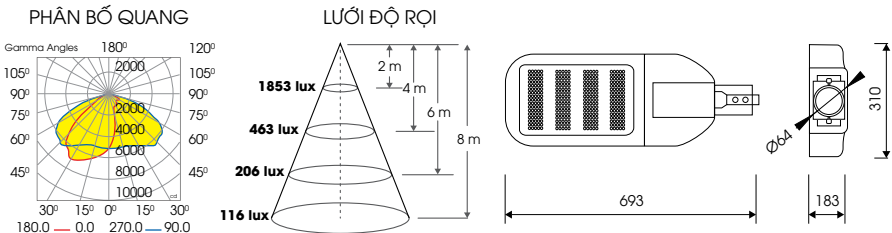
CSD06 80W



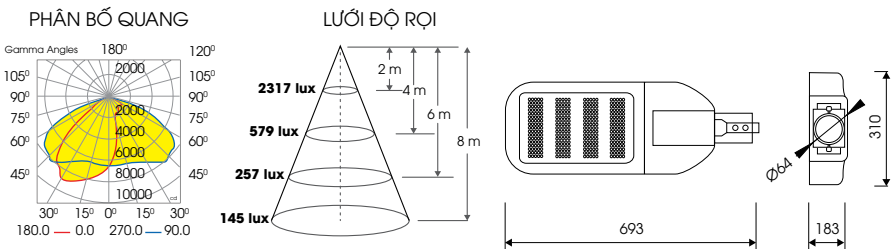
CSD06 100W



CSD06 120W

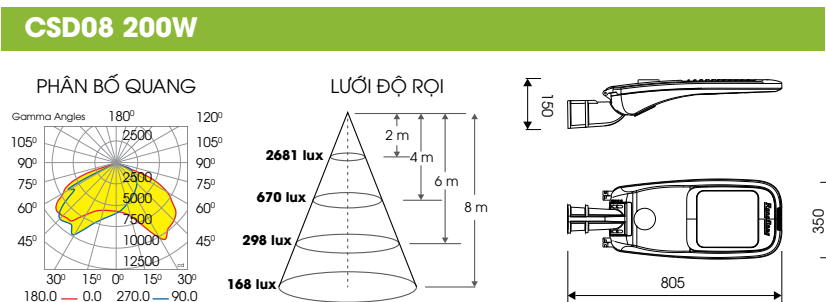
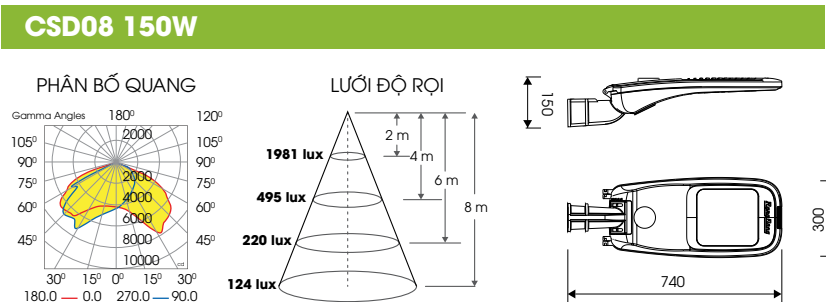
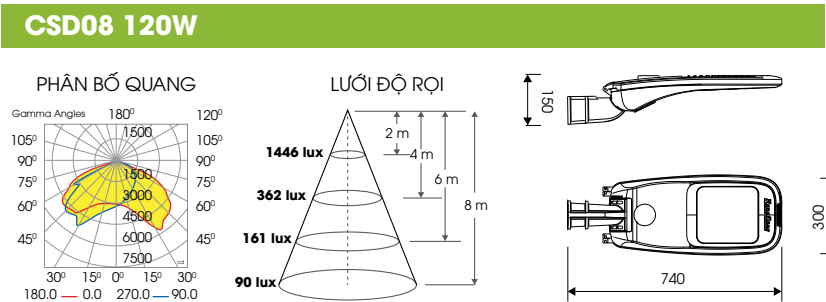
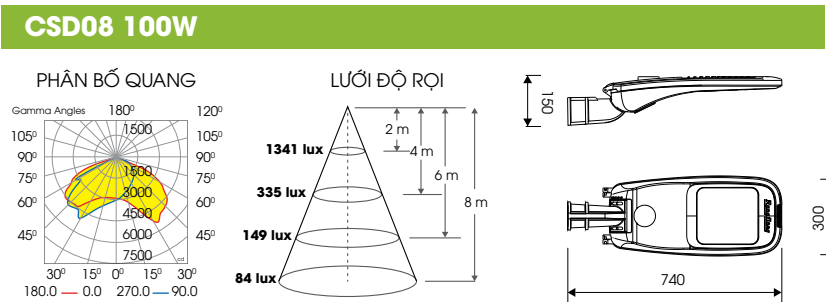
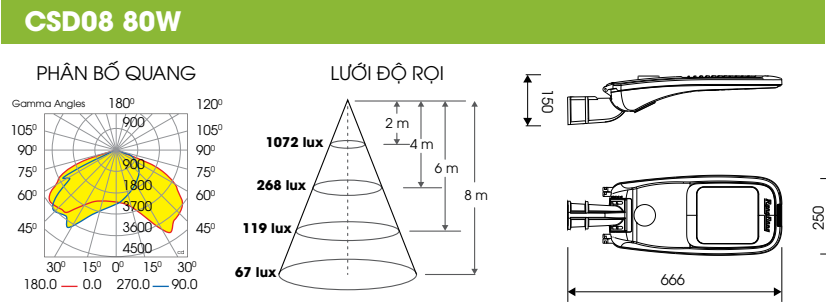


CSD06 150W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxH)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD06 80W	80	100÷277	0.95	130	10400	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	622x259x181
CSD06 100W	100	100÷277	0.95	130	13000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	622x259x181
CSD06 120W	120	100÷277	0.95	130	15600	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	693x310x183
CSD06 150W	150	100÷277	0.95	130	19500	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	693x310x183

ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 08



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ (giờ)	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		giờ		mm	
CSD08 80W	80	100÷277	0.9	130	10400	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	666x250x150
CSD08 100W	100	100÷277	0.95	130	13000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	740x300x150
CSD08 120W	120	100÷277	0.95	130	15600	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	740x300x150
CSD08 150W	150	100÷277	0.95	130	19500	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	740x300x150
CSD08 200W	200	100÷277	0.95	130	26000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	805x350x150



NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED GƯƠNG

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn sáng LED hiệu suất 150 lm/W: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao
- Dải điện áp rộng (150÷250)V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Kết cấu tháo lắp đơn giản, tiện lợi
- Thiết kế hiện đại, sang trọng phù hợp chiếu sáng chung, chiếu sáng trang trí
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Nhiệt độ làm việc rộng (-10÷40)°C: phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.

HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Tiết kiệm đến 50-80% điện năng thay thế bộ đèn gương sử dụng bóng sợi đốt, halogen, compact. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 15.000÷20.000 giờ (L70), cao gấp 15÷20 lần đèn sợi đốt; 3÷5 lần bộ đèn bóng compact; không hạn chế số lần tắt bật.

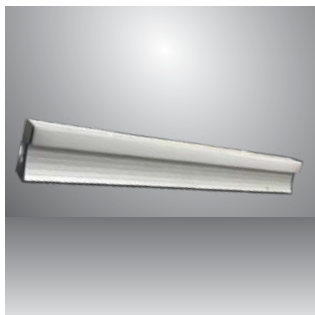
ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng nhà ở (nhà tắm, bàn trang điểm,...); khách sạn,...



ĐÈN LED GƯƠNG

G02 6W



Công suất (W):	6
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Hiệu suất sáng (lm/W):	65
Quang thông (lm):	390
Nhiệt độ màu (K):	3000/ 6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	20000
Kích thước (RxC) (mm):	575x35x71
Góc chùm tia (°):	155 x 110

G02 8W



Công suất (W):	8
Dải điện áp hoạt động (V):	170÷250
Hiệu suất sáng (lm/W):	95
Quang thông (lm):	260
Nhiệt độ màu (K):	3000/ 6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	15000
Kích thước (RxC) (mm):	615x60x100

G03 6W



Công suất (W):	6
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Hiệu suất sáng (lm/W):	59/ 65/ 65
Quang thông (lm):	351/ 390/ 390
Nhiệt độ màu (K):	3000/ 4000/ 6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	20000
Kích thước (RxC) (mm):	194x49x78
Góc chùm tia (°):	155 x 110

ĐÈN PIN ĐỘI ĐẦU

PDD01 1W



Công suất (W):	1
Điện áp đầu vào nguồn sạc (V/Hz):	220/50
Điện áp đầu ra nguồn sạc (V/mA):	4.2/500
Pin (mA.h Li-ion):	2000
Điều chỉnh chế độ sáng:	2
Nhiệt độ màu (K):	Trắng/Vàng

PDD02 3W



Công suất (W):	3
Điện áp đầu vào nguồn sạc (V/Hz):	220/50
Điện áp đầu ra nguồn sạc (V/mA):	4.2/500
Pin (mA.h Li-ion):	2000
Điều chỉnh chế độ sáng:	2
Nhiệt độ màu (K):	Trắng/Vàng

PDD03 5W



Công suất (W):	5
Điện áp đầu vào nguồn sạc (V/Hz):	220/50
Điện áp đầu ra nguồn sạc (V/mA):	4.2/500
Pin (mA.h Li-ion):	2000
Điều chỉnh chế độ sáng:	2
Nhiệt độ màu (K):	Trắng/Vàng

ĐÈN BẮT MUỖI

DBM01 5W



Công suất (W):	5
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Bước sóng LED UV (nm):	365
Kích thước (DxRxC) (mm)	200x238

THIẾT BỊ ĐIỆN AN TOÀN



Ổ CẮM ÂM TƯỜNG CHỐNG GIẬT

OCAT01 1C/16A

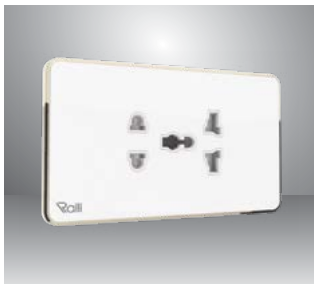


Công suất (W):	3000
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Kích thước (DxRxC) (mm)	120x72x32
Dòng điện Max (A):	16

Tính năng:
Tự động ngắt điện khi phát hiện dòng rò ≥ 30mA.

Ổ CẮM ÂM TƯỜNG CAO CẤP

OCAT04K 2C/16A



Công suất (W):	3500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Kích thước (DxRxC) (mm)	120x72x29
Dòng điện Max (A):	16

Ổ CẮM MÁY BƠM AN TOÀN

OC03.MB 16A



Công suất (W):	≤1500 (Công suất máy bơm)
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Kích thước (DxRxC) (mm)	120x72x32
Dòng điện Max (mA):	16

Tính năng:
Sử dụng nguồn cách ly điện áp thấp 5V đến phao điện tại bể, an toàn cho người sử dụng

Ổ CẮM ĐA NĂNG **CHỐNG GIẬT**

OC04 4C/3M/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	3
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

Tính năng:
Tự động ngắt điện khi phát hiện dòng rò ≥ 30mA.

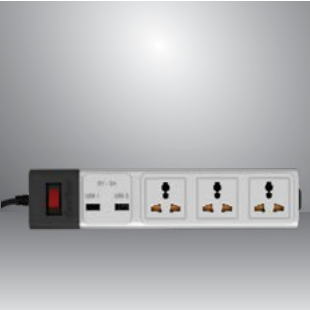
OC04 4C/5M/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	5
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

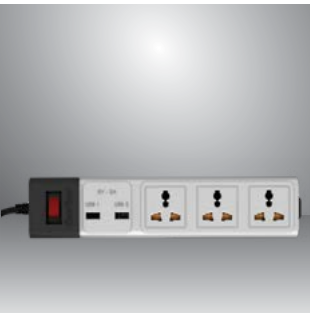
Tính năng:
Tự động ngắt điện khi phát hiện dòng rò ≥ 30mA.

OC04.USB 3C/3M/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	3
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

OC04.USB 3C/5M/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	5
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

Ổ CẮM KÉO DÀI

OC02 4C/3M/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	3
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

OC02 4C/5M/10A



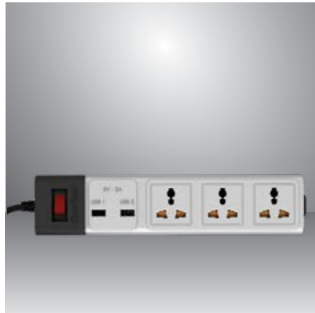
Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	5
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

OC02.USB 3C/3M/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	3
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

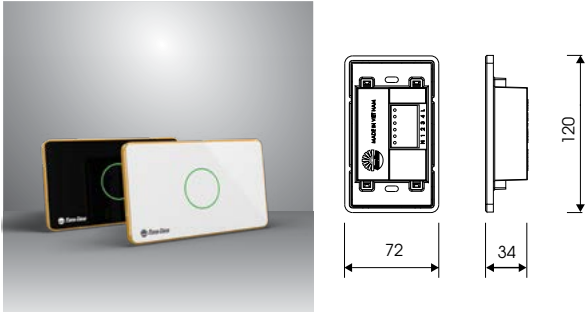
OC02.USB 3C/5M/10A



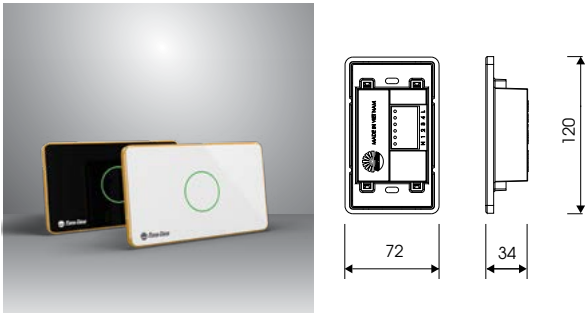
Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	5
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

CÔNG TẮC **CẢM ỨNG**

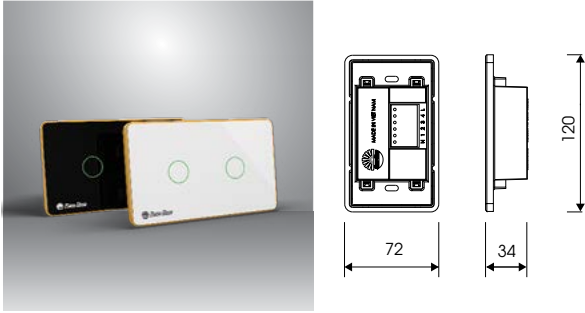
RD-CT.01



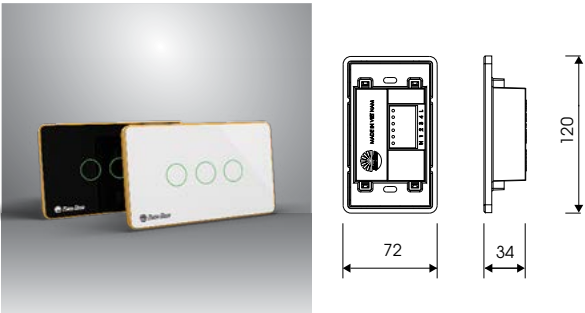
RD-CT.01.NL



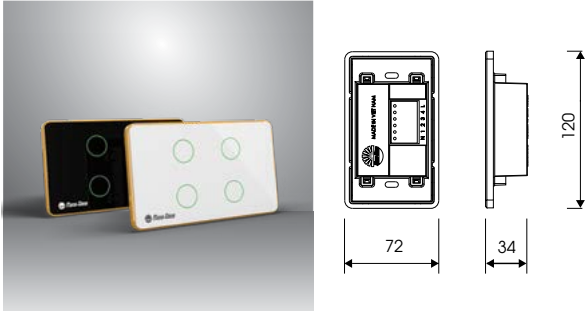
RD-CT.02



RD-CT.03



RD-CT.04



- Mặt kính cường lực, chống xước, chống vân tay.
- Bảo vệ chống bụi, chống nước IP44.
- Dễ dàng lắp đặt, sử dụng thay thế công tắc cơ truyền thống.

Model	Công suất	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Nhiệt độ làm việc	Số lần tắt bật	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V / Hz	V	°C	lần	K	mm
RD-CT.01	300	220/50-60	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	120x72x34
RD-CT.01.NL	2500	220/50-60	150÷250	-10÷40	100000	IP44	120x72x34
RD-CT.02	300/nút	220/50-60	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	120x72x34
RD-CT.03	300/nút	220/50-60	150÷250	-10÷40	100000	IP44	120x72x34
RD-CT.04	300/nút	220/50-60	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	120x72x34



NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED CHIẾU SÁNG HỌC ĐƯỜNG

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn LED hiệu suất cao, chất lượng cao, tuổi thọ cao.
- Hệ số trả màu cao ($Ra \geq 80$): Cho ánh sáng trung thực tự nhiên (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114:2008)
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (Flicker Free): Không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ đôi mắt.
- Khả năng tương thích điện từ (EMC): Giúp đèn LED hoạt động bình thường trong môi trường điện từ và không gây nhiễu đến hệ thống thiết bị khác (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7186:2010/ CISPR 15:2009)
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: Bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5:2009/ IEC6100-4-5:2005)

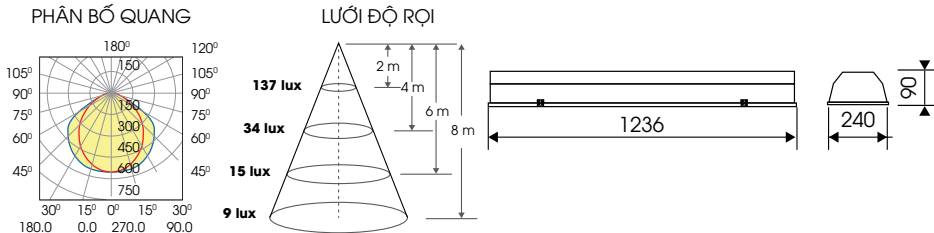




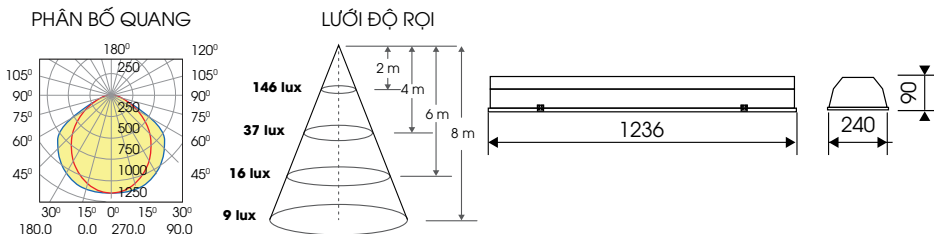
BỘ ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG LỚP HỌC**



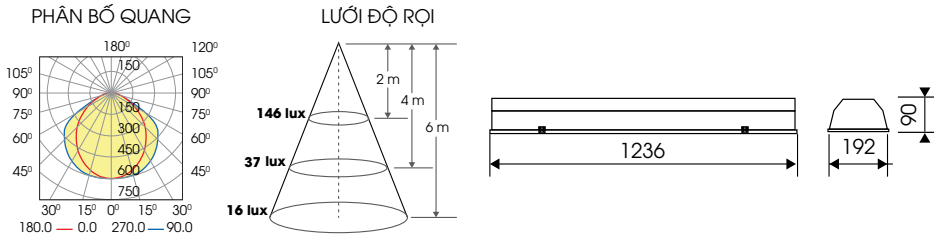
T8 TT01 CSLH /20Wx2



T8 CSLH /20Wx2



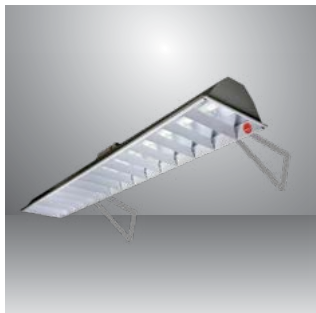
T8 TT01 CSLH /20Wx1



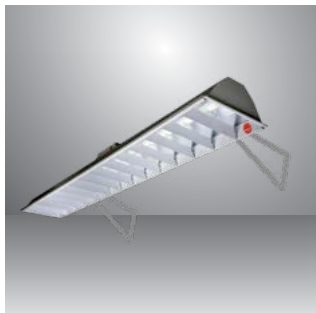
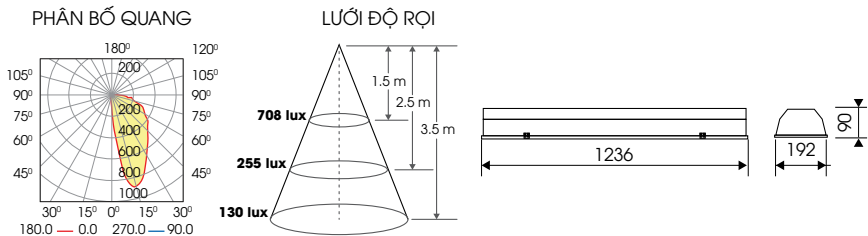
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
T8 TT01 CSLH / 20Wx2	20x2	170÷250	0.5	80	3200	3000/4000/5000/6500	82	20000	1236x240x90
T8 CSLH / 20Wx2	20x2	150÷250	0.5	80	3200	3000/4000/5000/6500	82	30000	1236x240x90
T8 TT01 CSLH / 20Wx1	20	170÷250	0.5	80	1600	3000/4000/5000/6500	82	20000	1236x192x90



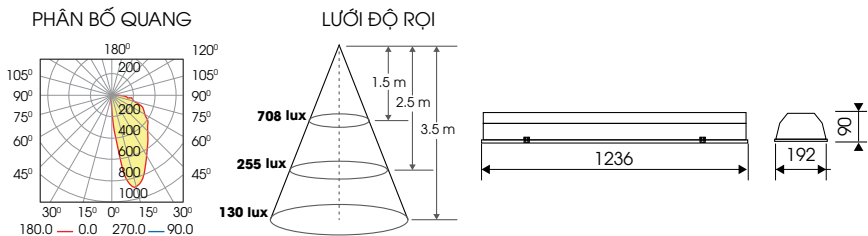
BỘ ĐÈN LED CHIẾU SÁNG BẢNG



T8 TT01 CSBA/20Wx1

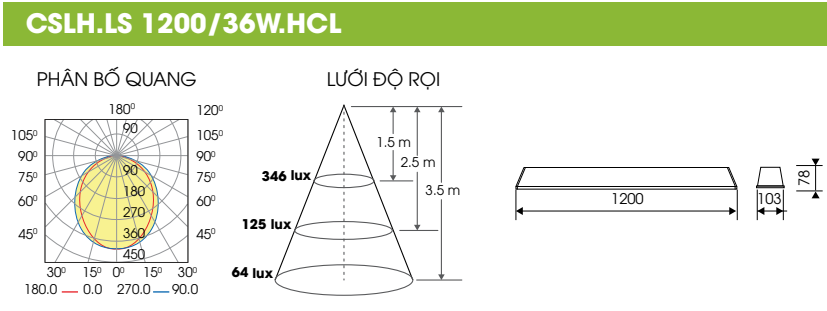
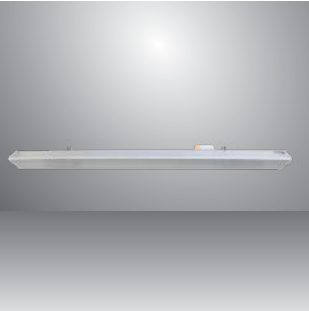
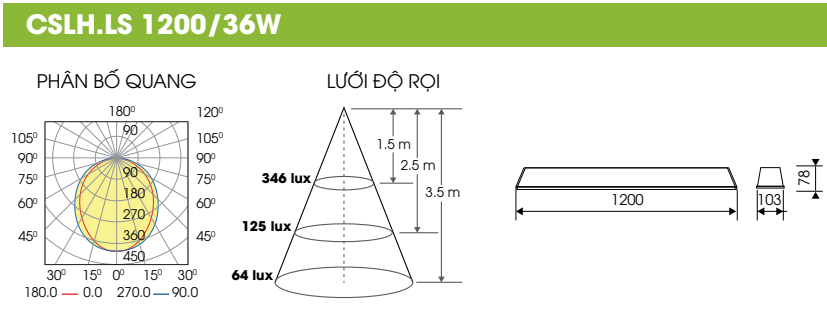
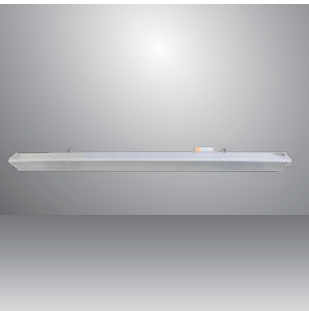
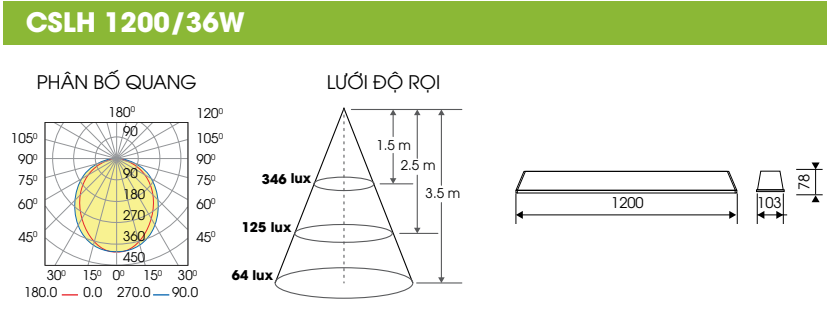
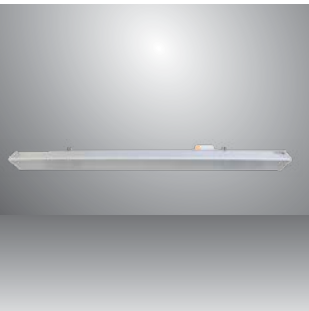
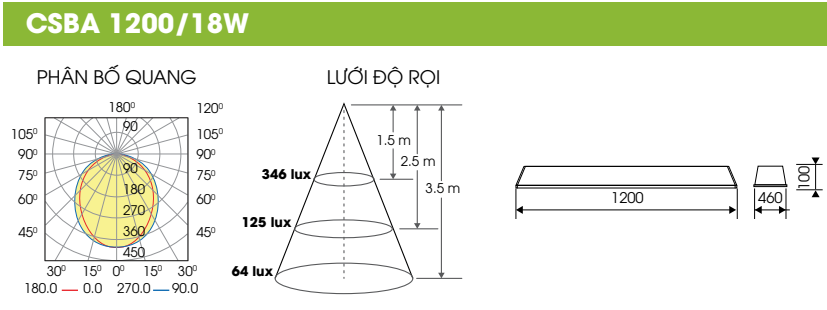
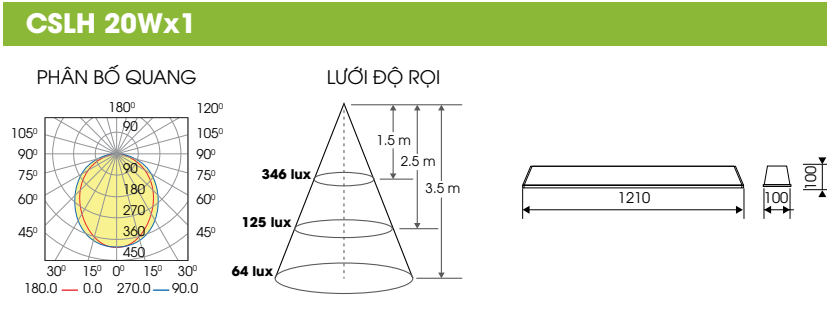
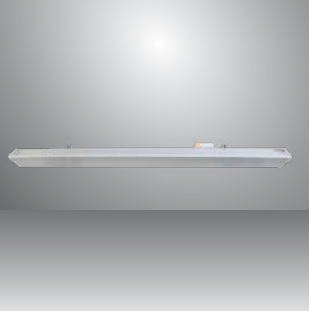


T8 CSBA/20Wx1



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
T8 TT01 CSBA/20Wx1	20	170÷250	0.5	80	1600	3000/4000/5000/6500	82	20000	1236x192x90
T8 CSBA/20Wx1	20	150÷250	0.5	80	1600	3000/4000/5000/6500	82	30000	1236x192x90

BỘ ĐÈN LED TUBE HỌC ĐƯỜNG



Model	Công suất	Dài điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
CSLH 20Wx1	20	150÷250	0.9	100	2000	5000/6500	80	30000	1210x100x100
CSBA 1200/18W	18	170÷250	0.9	94	1700	5000/6500	80	30000	1200x460x100
CSLH 1200/36W	36	170÷250	0.9	105	3780	5000/6500	85	30000	1200x103x78
CSLH.LS 1200/36W	36	170÷250	0.9	105	3780	-	85	30000	1200x103x78
CSLH.LS 1200/36W.HCL	36	170÷250	0.9	105	3780	-	85	30000	1200x103x78



NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

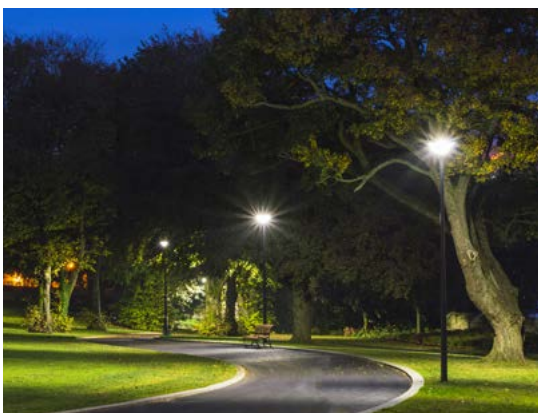
- Sử dụng chip LED SMD/LED hiệu suất cao, tuổi thọ cao 50000 giờ, giảm chi phí thay thế và bảo trì
- Sử dụng Pin lưu điện công nghệ Lithium LiFePO4 an toàn độ tin cậy cao, tuổi thọ dài và tấm Pin năng lượng mặt trời hiệu suất cao, cho phép thu năng lượng trong điều kiện ánh sáng yếu, kích thước nhỏ gọn, dễ lắp đặt, thi công
- Điều khiển tắt bật đèn theo cảm biến ánh sáng môi trường hoặc bằng Remote.
- Đèn hoạt động độc lập, không phụ thuộc đường dây điện nên dễ dàng lắp đặt ở những điểm đường xa, đèo dốc, hải đảo,... những nơi khó kéo điện lưới hoặc điện lưới không ổn định
- Không cần thi công lắp đặt dây điện giúp bảo tồn cảnh quan; an toàn, không bị điện giật
- Bảo vệ môi trường khi sử dụng năng lượng tái tạo, làm giảm khí thải và ô nhiễm không khí...
- Thích nghi với điều kiện môi trường với chỉ số bảo vệ IP65, IK08 chống sự xâm nhập của nước và bụi hay thời tiết nắng mưa thất thường.



Chiếu sáng danh lam thắng cảnh



Chiếu sáng biển quảng cáo



Chiếu sáng công viên

HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Tiết kiệm điện năng, giảm chi phí vận hành và không mất chi phí tiền điện.

ỨNG DỤNG

- Đèn đường chiếu sáng cho các tuyến đường đô thị, đường giao thông chính, đường cao tốc, đường chính huyện, đường liên tỉnh, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng, khu vực thiếu hoặc không có điện lưới,...
- Đèn chiếu pha chiếu sáng công viên, quảng trường, sân vườn, địa điểm công cộng, biển quảng cáo,...



ĐÈN LED CHIẾU PHA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

CP02.SL.RF 30W



Công suất (W):	30
Quang thông (lm):	1200
Nhiệt độ màu (K):	3000 / 6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng / Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	3.2 / 15
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 20W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRx C) (mm):	450x350x17

CP02.SL.RF 40W



Công suất (W):	40
Quang thông (lm):	1300
Nhiệt độ màu (K):	3000 / 6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng / Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	3.2 / 20
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 30W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRx C) (mm):	610x350x17



CP02.SL.RF 50W



Công suất (W):	50
Quang thông (lm):	1700
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/20
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 35W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x350x17

CP02.SL.RF 70W



Công suất (W):	70
Quang thông (lm):	2000
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/30
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 50W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x540x25

CP02.SL.RF 90W



Công suất (W):	90
Quang thông (lm):	2500
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/ Dung lượng (Ah):	3.2/35
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 55W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x600x25

CP02.SL.RF 100W



Công suất (W):	100
Quang thông (lm):	3000
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/ Dung lượng (Ah):	3.2/40
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 65W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x760x30

CP02.SL.RF 150W



Công suất (W):	150
Quang thông (lm):	4000
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/ Dung lượng (Ah):	3.2/60
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 90W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x890x30

CP03.SL 200W



Công suất (W):	200
Quang thông (lm):	1200
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	13
Cấp bảo vệ:	IP66
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/ 15
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	400x350x17

CP03.SL 300W



Công suất (W):	300
Quang thông (lm):	1800
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	13
Cấp bảo vệ:	IP66
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/ 27.5
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	600x350x17



PHỤ KIỆN ĐÈN PHA NLMT



Dây nối dài tấm Solar DN 2mx0.75 CP NLMT 50W

Độ dài (m)	2
Tiết diện dây (mm)	2x0.75

PHỤ KIỆN ĐÈN PHA NLMT



Dây nối dài tấm Solar DN 3mx0.75 CP NLMT 50W

Độ dài (m)	3
Tiết diện dây (mm)	2x0.75



ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

CSD01.SL.RF 25W



Công suất (W):	25
Quang thông (lm):	2100
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm)	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	3.2 / 20
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 25W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRx C) (mm):	350x530x17

CSD01.SL.RF 35W



Công suất (W):	35
Quang thông (lm):	2700
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm)	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	3.2 / 30
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 40W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRx C) (mm):	350x670x17



ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

CSD01.SL.RF V2 30W



Công suất (W):	30
Quang thông (lm):	3200
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm)	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	3.2 / 50
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 65W
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRx C) (mm):	670x532x30

CSD01.SL.RF V2 50W



Công suất (W):	50
Quang thông (lm):	4600
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm)	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	3.2 / 65
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 95W
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRx C) (mm):	758x670x30



ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

CSD02.SL.RF 50W



Công suất (W):	50
Quang thông (lm):	3500
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm)	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2 / 40
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 50W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRx C) (mm):	673x450x25

CSD02.SL.RF 70W



Công suất (W):	70
Quang thông (lm):	4300
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm)	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2 / 55
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 60W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRx C) (mm):	670x530x25



ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

CSD02.SL 70W



Công suất (W):	70
Quang thông (lm):	8000
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm)	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	12.8/42
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Mono-crystalline 100W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRx) (mm):	1225x520x30

CSD02.SL 100W



Công suất (W):	100
Quang thông (lm):	10500
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	12.8/54
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Mono-crystalline 130W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRx) (mm):	1120x670x35



ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

CSD02.SL 120W



Công suất (W):	120
Quang thông (lm):	12000
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	12.8 / 54
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Mono-crystalline 170W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxL) (mm):	1480x670x35

CSD02.SL.RF.RAD 30W



Công suất (W):	30
Quang thông (lm):	2000
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm)	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	3.2 / 25
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Mono-crystalline 25W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20

ĐÈN CHIẾU SÁNG CẢNH QUAN

DSV01.SL 2W



Công suất (W):	2
Góc chiếu:	Góc chùm tia
Nhiệt độ màu (K):	3000 / 6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (ØxH) (mm):	185x550
Cấp bảo vệ:	IP65

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/ Dung lượng (Ah):	3,2 / 2

DSV01.SL 3W



Công suất (W):	3
Góc chiếu:	90 D
Nhiệt độ màu (K):	3000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	24
Kích thước (ØxWxH) (mm):	60x100x600
Cấp bảo vệ:	IP65

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/ Dung lượng (Ah):	3,7 / 2,6

RD-DSV2204



Công suất (W):	3
Góc chiếu:	Góc chùm tia
Nhiệt độ màu (K):	3000 / 6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (ØxH) (mm):	260x250
Cấp bảo vệ:	IP65

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/ Dung lượng (Ah):	3,2 / 8



BỘ LƯU ĐIỆN **NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

LD01.SL/5W



Công suất (W):	5
Quang thông (lm):	250
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (giờ):	>16
Kích thước (DxRxH) (mm):	160x106x175

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/ Dung lượng (Ah):	3.2/ 13
Tuổi thọ (năm):	>10

TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20

LD01.SL/160Wh



Công suất (W):	160
Quang thông (lm):	350
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (giờ):	12
Kích thước (DxRxH) (mm):	195x102x200

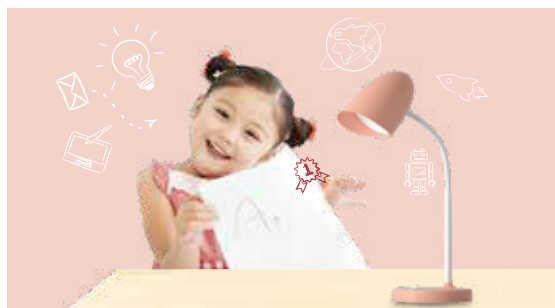
PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/ Dung lượng (Ah):	12.8/ 12
Tuổi thọ (năm):	>10

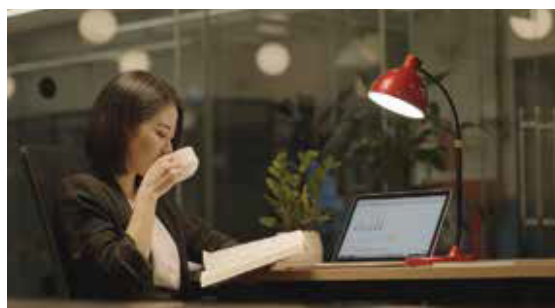
TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 18V / 20W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20

NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN BÀN LED BẢO VỆ THỊ LỰC



Chiếu sáng bàn học cho học sinh



Chiếu sáng bàn làm việc cho người đi làm



Chiếu sáng cho sinh viên



Sản phẩm quà tặng

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Ánh sáng không nhấp nháy, tập trung chiếu xuống bàn làm việc, không chiếu trực tiếp vào mắt người tạo cảm giác tiện nghi và thoải mái
- Tuổi thọ cao 15000 giờ - 30000 giờ, độ tin cậy cao, không hạn chế số lần bật tắt.
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI ≥ 80), ánh sáng trung thực tự nhiên tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng (Đáp ứng Tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114:2008)
- Độ rọi trung bình trên bàn học ≥ 500 lux, đảm bảo ánh sáng trên bàn học, bảo vệ thị lực
- Thiết kế sang trọng, màu sắc trang nhã, lịch sự
- Kết cấu linh hoạt, dễ điều chỉnh góc chiếu sáng
- Tích hợp cảm ứng điều chỉnh màu sắc & cường độ ánh sáng theo mục đích sử dụng
- Giảm áp lực phân biệt màu sắc lên mắt. Giảm mệt mỏi căng thẳng khi học nhiều.

ỨNG DỤNG

- Đèn bàn bảo vệ thị lực cho học sinh, sinh viên, người đi làm,...
- Sản phẩm quà tặng ý nghĩa

ĐÈN BÀN LED CẢM ỨNG **BẢO VỆ THỊ LỰC**


RD-RL-20V2 6W

RD-RL-21 6W

RD-RL-22 6W

RD-RL-31 5W

RD-RL-36 6W

RD-RL-38.PLUS 6W

RD-RL-39 7W

RD-RL-41 6W

RD-RL-60 8W

RD-RL-68 12W

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Dòng điện Max	Độ rọi	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ
	W	V	A	Lux	K		Giờ
RD-RL-20V2 6W	6	150 ÷ 250	0.08	700	3000 ÷ 6500	80	25000
RD-RL-21 6W	6	170 ÷ 240	-	700	Trắng - Trắng ấm - Vàng	80	25000
RD-RL-22 6W	6	170 ÷ 240	-	700	Trắng - Trắng ấm - Vàng	80	25000
RD-RL-31 5W	5	150 ÷ 250	0.042	500	3000 ÷ 6500	80	15000
RD-RL-36 6W	6	150 ÷ 250	0.08	700	3000 ÷ 6500	80	25000
RD-RL-38.PLUS 6W	6	150 ÷ 250	0.08	700	2400 ÷ 6000	97	25000
RD-RL-39 7W	Đèn học:7 Đèn ngủ:3	150÷250	0.1	700	Đèn học:2700÷6500 Đèn ngủ: 2700	80	30000
RD-RL-68 12W	12	150÷250	0.15	900	2700÷6500	97	25000
RD-RL-41 6W	6	150÷250	0.08	> 700	3000÷6500	80	25000
RD-RL-60 8W	8	150÷250	0.1	700	3000÷6500	97	25000



ĐÈN BÀN LED **BẢO VỆ THỊ LỰC**

RD-RL-01.V2 5W



RD-RL-16 5W



RD-RL-19 5W



RD-RL-24.V2 5W



RD-RL-25 5W



RD-RL-26 5W



Model	Công suất	Điện áp hoạt động	Dòng điện Max	Độ rọi	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ
	W	V	A	Lux	K		Giờ
RD-RL-01.V2 5W	5	150÷250	0.07	700	3000/6500	80	20000
RD-RL-16 5W	5	220	0.07	650	3000/6500	80	15000
RD-RL-19 5W	5	220	0.07	600	3000/6500	80	15000
RD-RL-24.V2 5W	5	220	0.075	700	3000/6500	80	20000
RD-RL-25 5W	5	220	0.043	700	3000/6500	80	20000
RD-RL-26 5W	5	220	0.043	700	3000/6500	80	20000



ĐÈN BÀN LED **BẢO VỆ THỊ LỰC**

RD-RL-27.V2 5W



RD-RL-32 5W



RD-RL-33 5W



RD-RL-38 6W



RD-RL-40 8W (OC-OB)



RD-RL-40 8W (OC-USB)



Model	Công suất	Điện áp hoạt động	Dòng điện Max	Độ rọi	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ
	W	V	A	Lux	K		Giờ
RD-RL-27.V2 5W	5	220	0.075	700	3000/6500	80	20000
RD-RL-32 5W	5	220	0.06	700	3000/6500	80	20000
RD-RL-33 5W	5	220	0.043	700	3000/6500	80	20000
RD-RL-38 6W	6	220	0.08	500	4000/6500	97	15000
RD-RL-40 8W (OC-OB)	8	220	0.1	900	3000/4000/6500	97	20000
RD-RL-40 8W (OC-USB)	8	220	0.1	900	3000/4000/6500	97	20000

CHỨNG CHỈ VÀ CHỨNG NHẬN



CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
TCVN ISO9001:2015/ISO 9001:2015



CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG
TCVN ISO 14001:2015/ISO 14001:2015



CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG
ISO 50001:2011



CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN
VILAS 126



NHÀ MÁY THÔNG MINH MAKE IN VIETNAM



NĂNG LỰC THIẾT KẾ



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC
RẠNG ĐÔNG**



Trụ sở chính:

Địa chỉ: 87-89 Phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.



ĐT: 024 3 8584310/3 8584165

Fax: 024 3 8585038



www.rangdong.com.vn



Cơ sở 2:

KCN Quế Võ, Bắc Ninh



ĐT: 0222 3 617398

Fax: 0222 3 617397

